# CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, GIAI ĐOẠN TỘT CÙNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN[123]

## (KHÁI LUẬN PHỔ THÔNG)

*Viết tháng Giêng - tháng Sáu 1916*
*Nhà xuất bản "Cánh buồm" in lần đầu tiên thành sách riêng vào giữa năm 1917 ở Pê-tơ-rô-grát; lời tựa viết cho các lần xuất bản bằng tiếng Pháp và tiếng Đức, được in lần đầu năm 1921 trên tạp chí "Quốc tế cộng sản", số 18*

*Theo đúng bản thảo, có đối chiếu với bản in trong sách; lời tựa viết cho các lần xuất bản bằng tiếng Pháp và tiếng Đức - theo đúng bản in trên tạp chí*

# LỜI TỰA

Cuốn sách nhỏ mà tôi giới thiệu cùng độc giả đây, tôi đã viết vào mùa xuân 1916, ở Xuy-rích. Trong những điều kiện làm việc lúc bấy giờ ở đấy, cố nhiên là tôi thiếu một số sách Pháp và Anh và rất nhiều sách Nga. Tuy vậy, tôi đã sử dụng một tác phẩm chủ yếu xuất bản ở Anh, bàn về chủ nghĩa đế quốc, tức là cuốn sách của Gi. A. Hốp-xơn, với tất cả sự chú ý mà tôi cho là cuốn sách đó xứng đáng.

Khi viết cuốn sách nhỏ này, tôi đã viết sao cho qua được con mắt kiểm duyệt của Nga hoàng. Vì vậy, tôi không những bị bắt buộc phải tự giới hạn hết sức chặt chẽ trong việc phân tích về mặt lý luận thuần túy - đặc biệt là về mặt kinh tế - mà còn chỉ nêu lên một cách hết sức thận trọng một số ít nhận xét cần thiết về mặt chính trị bằng cách nói bóng, theo cách nói của Ê-dốp - cách nói đáng ghét của Ê-dốp - mà chế độ Nga hoàng buộc tất cả các nhà cách mạng phải dùng đến mỗi khi họ cầm bút viết một tác phẩm "hợp pháp".

Hiện nay, trong những ngày tự do, tôi thấy khổ tâm khi đọc lại những đoạn đã bị bóp méo đi trong cuốn sách nhỏ này vì nghĩ đến chế độ kiểm duyệt Nga hoàng, những đoạn đã bị gò ép như bị kẹp trong hai gọng kìm thép. Để trình bày rằng chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa; rằng chủ nghĩa xã hội - sô-vanh (tức là chủ nghĩa

xã hội trên đầu lưỡi, còn trên việc làm lại là chủ nghĩa sô-vanh) là một sự phản bội hoàn toàn chủ nghĩa xã hội, là một sự chuyển hoàn toàn sang phía giai cấp tư sản; rằng sự phân liệt ấy trong phong trào công nhân gắn liền với những điều kiện khách quan của chủ nghĩa đế quốc, v.v. - tôi đã phải dùng lối nói của "người nô lệ", và giờ đây, đối với độc giả nào quan tâm đến vấn đề ấy, tôi buộc phải giới thiệu với họ tập in lại những bài báo tôi đã viết ở nước ngoài từ năm 1914 đến năm 1917, sẽ tái bản nay mai. Đặc biệt, cần phải nêu lên một đoạn của cuốn sách này, từ trang 119 đến 120[1)]; để giải thích, dưới một hình thức mà kiểm duyệt có thể cho phép, cho độc giả thấy được những lời dối trá vô liêm sỉ của bọn tư bản, cũng như của bọn xã hội - sô-vanh (mà Cau-xky đã đấu tranh chống lại một cách hết sức không triệt để) đã chạy sang phía bọn tư bản, về vấn đề những cuộc thôn tính, và chúng đã *che đậy* một cách vô liêm sỉ đến chừng nào những cuộc thôn tính của bọn tư bản *nước chúng*, - tôi đã buộc lòng phải lấy... Nhật-bản làm ví dụ! Độc giả nào chú ý, sẽ có thể dễ dàng lấy... Nga thay cho Nhật-bản, lấy Phần-lan, Ba-lan, Cuốc-li-an-đi-a, U-cra-i-na, Khi-va, Bu-kha-ra, E-xtơ-li-an-đi-a và các miền khác mà dân cư ở đó không phải là người Đại Nga, để thay cho Triều-tiên.

Tôi hy vọng rằng cuốn sách nhỏ của tôi sẽ giúp vào sự hiểu biết một vấn đề kinh tế cơ bản mà nếu không nghiên cứu thì sẽ không hiểu được tí gì về sự đánh giá cuộc chiến tranh hiện nay và chính trị hiện nay, cụ thể là vấn đề thực chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc.

*Tác giả*

Pê-tơ-rô-grát. 26 tháng Tư 1917.

---

1) Xem tập này, tr. 532-533.

# LỜI TỰA VIẾT CHO CÁC BẢN TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG ĐỨC[124]

## I

Như đã nói trong lời tựa cho bản tiếng Nga, cuốn sách này tôi viết vào năm 1916 và đã viết sao cho qua được con mắt kiểm duyệt của Nga hoàng. Hiện nay tôi không thể sửa lại cả cuốn sách này; hơn nữa, sửa lại có lẽ cũng không hợp lý, vì nhiệm vụ cơ bản của cuốn sách này trước sau vẫn là: dựa theo những tài liệu tổng hợp không thể tranh cãi được của thống kê tư sản và những lời thú nhận của các học giả tư sản ở tất cả các nước, nêu rõ *tình hình tổng quát* của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa toàn thế giới, trong những quan hệ quốc tế của nó, vào đầu thế kỷ XX, ngay trước khi xảy ra cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới lần thứ nhất.

Đối với nhiều người cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, nếu lấy cuốn sách này, cuốn sách *hợp pháp xét theo quan điểm của chế độ kiểm duyệt của Nga hoàng*, làm ví dụ để nhận rõ khả năng - và sự cần thiết - lợi dụng ngay cả những điều kiện hợp pháp mỏng manh còn lại mà họ còn có thể có được, chẳng hạn, ở nước Mỹ hiện tại hoặc ở Pháp sau những vụ bắt bớ hầu hết những người cộng sản trong thời gian gần đây, để giải thích tất cả sự dối trá của những quan điểm hòa bình - xã hội và những hy vọng vào một nền "dân chủ thế giới", - thì như thế phần nào thậm chí cũng không phải là vô ích. Còn những điều bổ sung cần thiết nhất cho cuốn sách này, được viết dưới chế độ kiểm duyệt, thì tôi sẽ cố gắng nêu lên trong lời tựa này.

II

Trong cuốn sách này, tôi đã chứng minh rằng cuộc chiến tranh 1914 - 1918, đối với cả hai phe, đều là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa (nghĩa là một cuộc chiến tranh xâm lược, cướp bóc, ăn cướp), một cuộc chiến tranh để chia thế giới, để chia và chia lại các thuộc địa, các "khu vực ảnh hưởng" của tư bản tài chính, v.v..

Vì muốn chứng minh tính chất xã hội thật sự, hay nói cho đúng hơn, tính chất giai cấp thật sự của cuộc chiến tranh, thì cố nhiên là không thể căn cứ vào lịch sử ngoại giao của cuộc chiến tranh, mà phải căn cứ vào sự phân tích địa vị *khách quan* của *các giai cấp* cầm đầu trong *tất cả* các cường quốc tham chiến. Để vạch rõ địa vị khách quan ấy, không nên lấy những ví dụ hay những tài liệu lẻ tẻ (vì các hiện tượng trong đời sống xã hội cực kỳ phức tạp, nên bao giờ người ta cũng có thể tìm được, với một số lượng bao nhiêu cũng có, những ví dụ hoặc tài liệu lẻ tẻ để chứng minh cho bất cứ một luận điểm nào), mà nhất thiết phải lấy *toàn bộ* các tài liệu về những *cơ sở* của đời sống kinh tế của *tất cả* các cường quốc tham chiến và của *toàn* thế giới.

Chính những tài liệu tổng hợp không thể bác bỏ được ấy, tôi đã dẫn ra trong bảng tình hình *phân chia thế giới* năm 1876 và 1914 (§ 6) và bảng tình hình phân chia *các đường sắt* trên toàn thế giới năm 1890 và 1913 (§ 7). Đường sắt là kết quả của những ngành chủ yếu nhất của công nghiệp tư bản chủ nghĩa, của công nghiệp than đá và luyện thép; là kết quả và là những chỉ tiêu rõ rệt nhất về sự phát triển của thương nghiệp thế giới và nền văn minh dân chủ - tư sản. Đường sắt gắn liền như thế nào với sản xuất lớn, với các tổ chức độc quyền, với các xanh-đi-ca, các-ten, tơ-rớt, ngân hàng, với bọn đầu sỏ tài chính, - điều đó đã được chỉ rõ trong các chương đầu của cuốn sách này. Sự

Н. ЛЕНИНЪ (ВЛ. ИЛЬИНЪ).

ИМПЕРІАЛИЗМЪ,

КАКЪ НОВѢЙШІЙ ЭТАПЪ

КАПИТАЛИЗМА.

(Популярный очеркъ).

СКЛАДЪ ИЗДАНІЯ:
Книжный складъ и магазинъ „Жизнь и Знаніе"
Петроградъ, Поварской пер., 2, кв. 9 и 10. Тел. 227—42.
1917 г.

Bìa ngoài cuốn sách của V. I. Lê-nin
"Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng
của chủ nghĩa tư bản". – 1917.

*Ảnh thu nhỏ*

phân phối và sự phân phối không đều mạng lưới đường sắt, sự phát triển không đều của mạng lưới ấy, đó là kết quả của chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tư bản độc quyền, trên phạm vi toàn thế giới. Và những kết quả ấy chứng tỏ rằng trên một cơ sở kinh tế *như thế*, những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là điều tuyệt đối không thể tránh được, *chừng nào* mà chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất vẫn còn tồn tại.

Công trình xây dựng đường sắt tưởng chừng như là một doanh nghiệp bình thường, tự nhiên, dân chủ, có tính chất khai hóa; dưới con mắt của bọn giáo sư tư sản được trả tiền để tô son trát phấn cho chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa, cũng như dưới con mắt của bọn phi-li-xtanh tiểu tư sản, thì công trình ấy là như thế. Sự thật, những mối liên hệ tư bản chủ nghĩa ràng buộc những doanh nghiệp ấy, bằng muôn nghìn chiếc lưới, với chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nói chung, đã biến công trình ấy thành một công cụ áp bức *một tỷ* người (ở thuộc địa và nửa thuộc địa), nghĩa là hơn một nửa dân số thế giới trong các nước phụ thuộc, và những người nô lệ làm thuê cho tư bản trong các nước "văn minh".

Chế độ tư hữu dựa trên lao động của người tiểu chủ, tự do cạnh tranh, chế độ dân chủ, - tất cả những khẩu hiệu đó mà bọn tư bản và báo chí của chúng dùng để lừa bịp công nhân và nông dân, đã lỗi thời từ lâu rồi. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành một hệ thống có tính chất toàn thế giới của một nhúm nhỏ các nước "tiên tiến" đi áp bức thuộc địa và dùng tài chính để bóp nghẹt đại đa số nhân dân thế giới. Và việc chia cái "của ăn cướp được" ấy đang diễn ra giữa 2 - 3 nước ăn cướp hùng cường nhất thế giới, được vũ trang từ đầu đến chân (Mỹ, Anh, Nhật), những nước này, vì để chia cái của mà *chúng* đã ăn cướp được ấy, đang lôi cuốn toàn trái đất vào cuộc chiến tranh *của chúng*.

III

Hòa ước Brét - Li-tốp-xcơ[125] do nước Đức quân chủ bắt ký, rồi đến hòa ước Véc-xây [126] tàn nhẫn và bỉ ổi hơn nhiều, do các nước cộng hòa "dân chủ" Mỹ và Pháp cùng với nước Anh "tự do" bắt ký, đã làm được một việc hết sức có ích cho loài người là đã vạch trần bọn bồi bút làm thuê của chủ nghĩa đế quốc và bọn tiểu thị dân phản động, bọn này, mặc dù tự xưng là những người hòa bình chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, đã ca tụng "chủ nghĩa Uyn-xơn"[127] và chứng minh rằng trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc, có khả năng đạt được hòa bình và có khả năng thực hiện những cuộc cải cách.

Hàng chục triệu người chết và tàn phế do chiến tranh để lại - một cuộc chiến tranh để quyết định xem trong những nhóm tài chính ăn cướp, nhóm nào, Anh hay Đức được hưởng phần chiến lợi phẩm lớn hơn, rồi tiếp đó là hai bản "hòa ước" nói trên, - tất cả những cái đó đang mở mắt, một cách nhanh chóng chưa từng thấy, cho hàng triệu và hàng chục triệu người bị giai cấp tư sản áp bức, chà đạp, lừa bịp và phỉnh phờ. Thế là trên miếng đất của tình trạng điêu tàn trên toàn thế giới do chiến tranh gây nên, cuộc khủng hoảng cách mạng toàn thế giới đang phát triển, cuộc khủng hoảng này mặc dầu phải trải qua những biến cố kéo dài và gay go đến thế nào chăng nữa, thì cũng chỉ có thể kết thúc bằng cuộc cách mạng vô sản và bằng sự thắng lợi của cách mạng vô sản mà thôi.

Bản Tuyên ngôn Ba-lơ của Quốc tế II, năm 1912, đã nhận định chính là về cuộc chiến tranh nổ ra năm 1914, chứ không phải nhận định về chiến tranh nói chung (chiến tranh có nhiều loại, cũng có cả những cuộc chiến tranh cách mạng nữa), bản tuyên ngôn đó vẫn còn là một tấm bia phơi trần tất cả sự phá sản nhục nhã và tất cả sự phản bội của các tay hảo hán trong Quốc tế II.

Vì vậy, tôi cho in lại bản tuyên ngôn ấy trong phần phụ lục của cuốn sách này và lại một lần nữa, tôi xin lưu ý các độc giả rằng bọn hảo hán của Quốc tế II hết sức tránh những đoạn nào, trong bản tuyên ngôn ấy, đã nói một cách chính xác, rõ ràng và trực tiếp đến mối liên hệ giữa chính cuộc chiến tranh sắp tới đó với cuộc cách mạng vô sản, - tránh một cách cẩn thận như một tên ăn trộm cố tránh nơi hắn đã lấy trộm.

IV

Trong cuốn sách nhỏ này, tôi đặc biệt chú ý phê phán "chủ nghĩa Cau-xky", một trào lưu tư tưởng quốc tế mà đại biểu của nó ở khắp các nước trên thế giới là những "nhà lý luận trứ danh nhất", những lãnh tụ của Quốc tế II (ở Áo, có Ốt-tô Bau-ơ và đồng bọn; ở Anh có Ram-xây Mác - Đô-nan và những kẻ khác nữa; ở Pháp có An-be Tô-ma, v.v. và v.v.), và rất nhiều những người xã hội chủ nghĩa, cải lương chủ nghĩa, hòa bình chủ nghĩa, dân chủ tư sản và linh mục.

Trào lưu tư tưởng ấy, một mặt là sản phẩm của sự tan rã và sự thối nát của Quốc tế II, và mặt khác là thành quả tất nhiên của hệ tư tưởng của bọn tiểu tư sản, bọn đã bị toàn bộ hoàn cảnh sinh hoạt cầm tù trong khuôn khổ những định kiến tư sản và dân chủ.

Những quan điểm đó của Cau-xky và của những kẻ tương tự là sự hoàn toàn rời bỏ chính những nguyên lý cách mạng của chủ nghĩa Mác, những nguyên lý mà Cau-xky đã bênh vực hàng chục năm, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa cơ hội của Béc-stanh, Min-lơ-răng, Hen-đman, Gôm-pớc-xơ, v.v.). Cho nên, không phải là ngẫu nhiên mà ngày nay trên khắp thế giới, "phái Cau-xky", trong lĩnh vực thực tiễn - chính trị, đã liên kết với bọn cơ

hội cực đoan (thông qua Quốc tế II hay Quốc tế vàng [128]) và với các Chính phủ tư sản (thông qua các Chính phủ liên hiệp tư sản trong đó có các đảng viên xã hội chủ nghĩa tham gia).

Phong trào cách mạng vô sản nói chung, và phong trào cộng sản nói riêng, đang lớn lên trên toàn thế giới, không thể bỏ qua không phân tích và vạch trần những sai lầm lý luận của "chủ nghĩa Cau-xky". Việc đó lại càng phải làm, vì chủ nghĩa hòa bình và "chủ nghĩa dân chủ" nói chung, - hai trào lưu ấy hoàn toàn không tự nhận mình là chủ nghĩa Mác, nhưng cũng giống hệt như Cau-xky và đồng bọn, hai trào lưu ấy đang làm lu mờ tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc và tính tất yếu của cuộc khủng hoảng cách mạng do chủ nghĩa đế quốc gây ra, - những trào lưu ấy đang còn hết sức thịnh hành trên toàn thế giới. Đấu tranh chống các trào lưu ấy là điều bắt buộc đối với đảng của giai cấp vô sản, đảng phải giành lại từ tay giai cấp tư sản những người tiểu chủ bị giai cấp đó lừa bịp, cũng như phải giành lại hàng triệu người lao động hiện đang sống trong những điều kiện sinh hoạt ít nhiều mang tính chất tiểu tư sản.

## V

Cần phải nói vài lời về chương VIII: "Tính ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản". Như đã nói trong nội dung quyển sách này, Hin-phéc-đinh – nguyên là một "người mác-xít", ngày nay là bạn chiến đấu của Cau-xky và là một trong những đại biểu chủ yếu của chính sách tư sản, cải lương chủ nghĩa trong "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức"[129] - trong vấn đề này đã thụt lùi so với Hốp-xơn, một người Anh *công khai* theo chủ nghĩa hòa bình và chủ nghĩa cải lương. Ngày nay sự phân liệt có tính chất quốc tế trong toàn bộ phong trào công nhân đã hoàn toàn bộc lộ rõ rồi

(Quốc tế II và III). Cuộc đấu tranh vũ trang và cuộc nội chiến giữa hai trào lưu cũng đã trở thành sự thật: ở Nga, bọn men-sê-vích và bọn "xã hội chủ nghĩa - cách mạng" ủng hộ bọn Côn-tsắc và Đê-ni-kin chống lại những người bôn-sê-vích; ở Đức, những người theo phái Sai-đê-man, Nô-xkê và đồng bọn, đi với giai cấp tư sản chống phái Xpác-ta-cút [130]; ở Phần-lan, Ba-lan, Hung-ga-ri, v.v. , tình hình cũng thế. Vậy cơ sở kinh tế của hiện tượng lịch sử có tính chất toàn thế giới đó là ở chỗ nào?

Chính là ở tính ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản, những nét đặc trưng của giai đoạn lịch sử tột cùng của nó, tức là chủ nghĩa đế quốc. Như cuốn sách này đã chứng minh, ngày nay chủ nghĩa tư bản đã tách ra *một nhúm nhỏ* những quốc gia đặc biệt giàu và mạnh (gồm dưới một phần mười dân số thế giới, và nếu tính thật "rộng rãi" và tính quá tay đi nữa, thì cũng chỉ gồm dưới một phần năm), các quốc gia này cướp bóc toàn thế giới chỉ giản đơn bằng lối "cắt phiếu". Tính theo giá trước chiến tranh và theo thống kê tư sản trước chiến tranh, thì việc xuất khẩu tư bản đang đem lại một số thu nhập hàng năm từ 8 đến 10 tỷ phrăng. Ngày nay, cố nhiên còn nhiều hơn thế nữa.

Dĩ nhiên là với món *siêu lợi nhuận* khổng lồ ấy (vì số lợi nhuận này là kiếm được thêm ngoài số lợi nhuận mà bọn tư bản bòn rút được của công nhân nước "chúng"), người ta *có thể mua chuộc* những lãnh tụ công nhân và tầng lớp trên trong công nhân quý tộc. Và bọn tư bản các nước "tiên tiến" chính đang mua chuộc họ như vậy, mua chuộc bằng hàng nghìn thủ đoạn, trực tiếp hay gián tiếp, công khai hay che đậy.

Lớp công nhân tư sản hóa hay "công nhân quý tộc" đó, – hoàn toàn mang tính chất tiểu thị dân, xét về lối sống và mức tiền lương, xét về toàn bộ thế giới quan của họ, – là cột trụ chủ yếu của Quốc tế II, và ngày nay là

*chỗ dựa xã hội* (chứ không phải quân sự) chủ yếu *của giai cấp tư sản*. Vì họ là những tay sai thật sự của giai cấp tư sản trong phong trào *công nhân*, những công nhân tay chân của giai cấp tư bản (labor lieutenants of the capitalist class), những tay thật sự truyền bá chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa sô-vanh. Trong cuộc nội chiến giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, một số không ít trong bọn họ nhất định đứng vào hàng ngũ giai cấp tư sản, vào phía "phái Véc-xây"[131] chống lại "các chiến sĩ Công xã".

Không hiểu rõ gốc rễ kinh tế của hiện tượng ấy, không đánh giá được ý nghĩa chính trị và xã hội của nó, thì không thể nào tiến được một bước trong việc giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của phong trào cộng sản và của cuộc cách mạng xã hội sắp đến.

Chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản. Điều này đã được xác nhận từ năm 1917, trên quy mô toàn thế giới.

Ngày 6 tháng Bảy 1920 *N. Lê-nin*

Имперіализмъ, какъ высшая стадія капитализма.

(Популярный очеркъ).

За послѣдніе 15-20 лѣтъ, особенно послѣ испано-американской (1898) и англо-бурской (1899-1902) войны, экономическая, а также политическая, литература стараго и новаго свѣта все чаще и чаще останавливается на понятіи „имперіализмъ" для характеристики переживаемой нами эпохи. Въ 1902 году в Лондонѣ и Нью-Іоркѣ вышло въ свѣтъ сочиненіе англійскаго экономиста Дж. А. Гобсона: „Имперіализмъ". Авторъ, стоящій на точкѣ зрѣнія буржуазнаго соціалъ-реформизма и пацифизма — однородной, в сущности, съ теперешней позиціей бывшаго марксиста К. Каутскаго, — далъ очень хорошее и обстоятельное описаніе основныхъ экономическихъ и политическихъ особенностей имперіализма. Въ 1910 году в Вѣнѣ вышло въ свѣтъ сочиненіе австрійскаго марксиста Рудольфа Гильфердинга: „Финансовый капиталъ" (рус.

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản". — 1916

*Ảnh thu nhỏ*

Trong 15-20 năm gần đây, nhất là từ sau các cuộc chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ (1898) và Anh - Bô-e (1899 - 1902), các sách báo kinh tế cũng như sách báo chính trị của thế giới cũ và mới ngày càng thường dùng đến khái niệm "chủ nghĩa đế quốc" để chỉ đặc tính của thời đại chúng ta đang sống. Năm 1902, một nhà kinh tế học Anh tên là Gi. A. Hốp-xơn đã cho xuất bản ở Luân-đôn và Niu-oóc một tác phẩm nhan đề là "Chủ nghĩa đế quốc". Tuy đứng trên quan điểm chủ nghĩa cải lương - xã hội tư sản và chủ nghĩa hòa bình - quan điểm này, về thực chất, giống hệt với lập trường hiện nay của C. Cau-xky, một người nguyên trước kia là mác-xít, - nhưng tác giả vẫn mô tả được rất hay và tường tận những đặc điểm kinh tế và chính trị chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc [132]. Năm 1910, ở Viên, có xuất bản cuốn sách của nhà mác-xít Áo Ru-đôn-phơ Hin-phéc-đinh: "Tư bản tài chính" (bản dịch tiếng Nga: Mát-xcơ-va, 1912). Mặc dầu tác giả có một sai lầm trong vấn đề lý luận về tiền tệ và có một khuynh hướng nào đó muốn điều hòa chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa cơ hội, nhưng cuốn sách đó vẫn là một bản phân tích lý luận hết sức quý báu về "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", như phụ đề cuốn sách của Hin-phéc-đinh đã nói[133]. Thật ra, những điều mà người ta nói mấy năm gần đây về chủ nghĩa đế quốc - nhất là trong rất nhiều bài viết trên báo và trên tạp chí về đề tài này, cũng

như trong các nghị quyết, chẳng hạn, của các Đại hội Hem-ni-txơ[134] và Ba-lơ họp vào mùa thu 1912 - chưa chắc đã vượt khỏi phạm vi những tư tưởng mà hai tác giả nói trên đã trình bày, hay nói cho đúng hơn là đã tổng kết...

Sau đây, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày vắn tắt, dưới hình thức hết sức phổ thông, mối liên hệ và quan hệ qua lại giữa các đặc điểm kinh tế *cơ bản* của chủ nghĩa đế quốc. Ngoài mặt kinh tế chúng tôi sẽ không bàn đến những mặt khác của vấn đề, tuy những mặt đó cũng đáng được bàn đến. Còn mục sách tham khảo và những chú thích khác có thể không được hết thảy các độc giả quan tâm đến, thì chúng tôi để ở cuối cuốn sách.

## I. SỰ TẬP TRUNG SẢN XUẤT VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐỘC QUYỀN

Sự phát triển rất lớn của công nghiệp và quá trình tập trung cực kỳ nhanh chóng của sản xuất vào trong các xí nghiệp ngày càng to lớn, là một trong những đặc điểm tiêu biểu nhất của chủ nghĩa tư bản. Các con số thống kê công nghiệp ngày nay cung cấp những tài liệu đầy đủ nhất và chính xác nhất về quá trình ấy.

Ở Đức, chẳng hạn, cứ một nghìn xí nghiệp công nghiệp thì năm 1882 có 3 xí nghiệp lớn, nghĩa là có trên 50 công nhân làm thuê; năm 1895 có 6 cái, và năm 1907 có 9 cái. Cứ một trăm công nhân thì có 22, 30 và 37 người làm trong các xí nghiệp ấy. Nhưng so với mức tập trung công nhân thì mức tập trung sản xuất còn mạnh hơn nhiều, vì lao động trong các xí nghiệp lớn có năng suất cao hơn nhiều. Những con số về máy chạy bằng hơi nước và về động cơ điện đều chứng tỏ điều đó. Nếu chúng ta xét cái mà ở Đức người ta gọi là công nghiệp theo nghĩa rộng của danh từ, nghĩa là gồm cả thương nghiệp và đường giao thông, v.v., chúng ta sẽ thấy tình hình như sau. Trong tổng số 3 265 623 xí nghiệp,

thì số xí nghiệp lớn là 30 588, tức là chỉ có 0,9%. Các xí nghiệp này dùng 5,7 triệu công nhân trong tổng số 14,4 triệu công nhân, tức 39,4%; dùng 6,6 triệu mã lực hơi nước trong tổng số 8,8 triệu mã lực, tức 75,3%, và dùng 1,2 triệu ki-lô-oát điện trong tổng số 1,5 triệu ki-lô-oát, tức là 77,2%.

Không đầy một phần trăm các xí nghiệp mà chiếm *hơn* 3/4 tổng số sức hơi nước và điện lực! 2,97 triệu xí nghiệp nhỏ (dùng từ 5 công nhân làm thuê trở xuống), tức 91% tổng số xí nghiệp, mà chỉ dùng có 7% sức hơi nước và điện lực! Hàng vạn xí nghiệp thật lớn là tất cả, còn hàng triệu xí nghiệp nhỏ chỉ là số không.

Năm 1907, ở Đức, số xí nghiệp dùng từ 1 000 công nhân trở lên là 586. Các xí nghiệp này dùng gần *một phần mười* (1,38 triệu) tổng số công nhân và *gần một phần ba* (32%) tổng số sức hơi nước và điện lực*. Như chúng ta sẽ thấy, tư bản tiền tệ và các ngân hàng làm cho ưu thế đó của một nhúm những xí nghiệp rất lớn càng có tính chất áp đảo hơn nữa; đó là nói hoàn toàn đúng với nghĩa thật của danh từ, tức là có hàng triệu "chủ xí nghiệp" hạng nhỏ, hạng vừa và ngay cả một phần thuộc hạng lớn nữa, trên thực tế đều hoàn toàn bị vài trăm tên tư bản tài chính triệu phú nô dịch.

Trong một nước tiên tiến khác của chủ nghĩa tư bản hiện đại là nước Mỹ, sự tập trung sản xuất còn phát triển mạnh hơn nữa. Ở đây, thống kê chỉ xét riêng công nghiệp hiểu theo nghĩa hẹp của danh từ này, và xếp loại các xí nghiệp theo giá trị sản lượng hàng năm. Năm 1904, đã có 1 900 xí nghiệp lớn nhất (trong số 216 180 cái, tức là 0,9%), giá trị sản lượng của mỗi xí nghiệp này là 1 triệu đô-la và hơn nữa, các xí nghiệp này đã dùng 1,4 triệu công nhân (trong số 5,5 triệu, tức 25,6%); và giá trị sản lượng của

* Theo Annalen des deutschen Reichs, 1911, Zahn[1)].

1) Niên giám của Nhà nước Đức, 1911, Txan.

chúng là 5,6 tỷ (trong số 14,8 tỷ, tức là 38%). Qua 5 năm sau, vào năm 1909, thì số liệu tương ứng là: có 3 060 xí nghiệp lớn nhất (trong số 268 491 cái, tức là 1,1%), những xí nghiệp này dùng 2 triệu công nhân (trong số 6,6 triệu, tức là 30,5%), và giá trị sản lượng của chúng là 9 tỷ đô-la (trong số 20,7 tỷ, tức là 43,8%)*.

Gần một nửa tổng sản lượng của tất cả các xí nghiệp trong nước nằm trong tay *một phần trăm* tổng số các xí nghiệp! Và ba nghìn xí nghiệp khổng lồ ấy bao gồm 258 ngành công nghiệp[135]. Do đấy, ta thấy rõ rằng khi phát triển đến mức độ nhất định, thì có thể nói, sự tập trung tự nó sẽ dẫn thẳng đến độc quyền. Vì vài chục xí nghiệp khổng lồ có thể dễ dàng thỏa thuận với nhau; mặt khác chính quy mô to lớn của các xí nghiệp làm cho cạnh tranh ngày càng khó khăn và làm nảy sinh ra khuynh hướng đi đến độc quyền. Sự cạnh tranh biến thành độc quyền, đó là một trong những hiện tượng quan trọng nhất - nếu không phải là hiện tượng quan trọng nhất - trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, cho nên chúng ta cần phải phân tích tỉ mỉ hiện tượng đó. Nhưng trước hết, chúng ta hãy thanh toán một sự hiểu lầm có thể xảy ra.

Thống kê của Mỹ cho biết: Có 3 000 xí nghiệp khổng lồ trong 250 ngành công nghiệp. Như thế dường như mỗi ngành chỉ có 12 xí nghiệp hết sức lớn.

Nhưng không phải thế. Không phải bất cứ ngành công nghiệp nào cũng có những xí nghiệp lớn; mặt khác, khi chủ nghĩa tư bản phát triển đến tột mức, thì có một đặc điểm cực kỳ trọng yếu mà người ta gọi là *chế độ liên hợp hóa*, nghĩa là sự tập hợp vào trong tay một xí nghiệp duy nhất nhiều ngành công nghiệp khác nhau, những ngành này hoặc

---

* Statistical Abstract of the United States 1912, p. 202[1)].

---

1) Tập thống kê của Mỹ năm 1912, tr. 202.

thể hiện những giai đoạn kế tiếp nhau trong quá trình chế biến nguyên liệu (chẳng hạn, nấu quặng thành gang, biến gang thành thép và có thể là cả việc chế tạo những thành phẩm nào đó bằng thép nữa), hoặc có tác dụng bổ trợ lẫn nhau (chẳng hạn, chế biến những cặn bã hay những sản phẩm phụ; chế tạo những vật liệu dùng làm bao bì, v.v.).

"Chế độ liên hợp hóa – Hin-phéc-đinh viết – san bằng những sự lên xuống trên thị trường và, do đó, bảo đảm cho xí nghiệp liên hợp có một tỷ suất lợi nhuận ổn định hơn. Hai là, chế độ liên hợp hóa dẫn tới chỗ loại trừ được thương nghiệp. Ba là, nó cho phép thực hiện được những sự cải tiến kỹ thuật và, do đó, so với xí nghiệp "đơn thuần" (nghĩa là không liên hợp), nó cho phép kiếm thêm được lợi nhuận. Bốn là, so với xí nghiệp "đơn thuần", chế độ liên hợp hóa củng cố được địa vị của xí nghiệp liên hợp trong cuộc cạnh tranh lúc có tình trạng tiêu điều nặng (kinh doanh bị đình đốn, khủng hoảng), khi giá cả những chế phẩm sụt nhanh hơn giá nguyên liệu"*.

Hai-man, nhà kinh tế học tư sản Đức, đã dành riêng một tác phẩm để tả những xí nghiệp "hỗn hợp", nghĩa là liên hợp, trong công nghiệp luyện thép ở Đức; ông nói: "các xí nghiệp đơn thuần chết đi, vì bị chẹt bởi giá cả cao về vật liệu và giá cả thấp về thành phẩm". Kết quả là thế này:

"Còn lại, một bên là các công ty than đá lớn, sản xuất đến hàng mấy triệu tấn, được tổ chức vững chắc trong một xanh-đi-ca than đá của chúng; và sau nữa, kết hợp chặt chẽ với các công ty than đá nói trên, là các nhà máy luyện thép lớn cùng với xanh-đi-ca thép của các nhà máy đó. Những xí nghiệp khổng lồ này sản xuất hàng năm 400 000 tấn thép (một tấn = 60 pút) và những số lượng rất lớn quặng và than đá, chế tạo những thành phẩm bằng thép; những xí nghiệp đó dùng 10 000 công nhân ăn ở trong những

---

* "Tư bản tài chính", bản dịch tiếng Nga, tr.286-287.

trại thuộc các khu của xưởng, và có khi còn có cả đường sắt và bến tàu riêng nữa. Những xí nghiệp khổng lồ này là những điển hình tiêu biểu cho công nghiệp luyện thép ở Đức. Và sự tập trung ngày càng tiến lên nữa. Một số xí nghiệp ngày càng trở nên lớn hơn; ngày càng có nhiều xí nghiệp thuộc cùng một ngành công nghiệp hoặc thuộc nhiều ngành công nghiệp khác nhau, tập hợp lại thành những xí nghiệp khổng lồ, mà chỗ tựa và đồng thời cũng là người chỉ đạo là nửa tá ngân hàng lớn ở Béc-lanh. Sự đúng đắn của học thuyết của Các Mác về sự tập trung đã được chứng minh chính xác đối với nền công nghiệp mỏ ở Đức; tuy nhiên, điều đó đúng đối với một nước mà công nghiệp đã được thuế quan và các thuế vận tải bảo hộ. Công nghiệp mỏ ở Đức đã chín muồi để cho người ta tước đoạt nó"*.

Đó là kết luận mà một nhà kinh tế học tư sản có lương tâm - trường hợp này là một ngoại lệ - đã phải đi tới. Nên chú ý rằng ông ta tựa hồ xem nước Đức là một trường hợp riêng biệt, vì công nghiệp Đức được thuế quan cao bảo hộ. Nhưng tình hình ấy chỉ có thể đẩy nhanh việc tập trung và làm cho các liên minh độc quyền của các nhà kinh doanh, các các-ten, các xanh-đi-ca, v.v., mau hình thành. Điều hết sức quan trọng là ở Anh, một nước có chế độ tự do mậu dịch, sự tập trung *cũng* đưa đến độc quyền, tuy chậm hơn một chút và có thể là dưới một hình thức khác. Giáo sư Héc-man Lê-vy, trong tác phẩm nghiên cứu đặc biệt của ông là "Các công ty độc quyền, các các-ten và tơ-rớt", đã căn cứ vào những tài liệu về sự phát triển kinh tế của nước Anh mà viết như sau:

*Hans Gideon Heymann. "Die gemischten Werke im deutschen Grobeisengewerbe", Stuttgart, 1904 (SS. 256, 278-279)[1].

1) Han-sơ Hi-đê-ôn Hai-man. "Những xí nghiệp hỗn hợp trong nền đại công nghiệp luyện thép ở Đức". Stút-ga, 1904 (tr. 256, 278-279).

"Ở Anh, chính quy mô to lớn của các xí nghiệp và trình độ kỹ thuật cao của các xí nghiệp này đã mang trong mình nó cái xu hướng đi đến độc quyền. Một mặt, sự tập trung dẫn đến kết quả là cần phải đầu tư những số tư bản khổng lồ vào mỗi một xí nghiệp; vì vậy việc thiết lập các xí nghiệp mới vấp phải những yêu cầu ngày càng cao về quy mô của số tư bản cần thiết, và cái đó làm cho việc thiết lập những xí nghiệp này trở thành khó khăn hơn. Mặt khác (và chúng tôi cho rằng điều này là điểm quan trọng hơn) bất cứ xí nghiệp mới nào muốn đuổi kịp các xí nghiệp khổng lồ do sự tập trung tạo nên, đều phải sản xuất ra một số sản phẩm thừa rất lớn, đến nỗi chỉ khi nào lượng cầu tăng lên một cách phi thường thì mới có thể bán những sản phẩm ấy một cách có lãi, bằng không thì số sản phẩm thừa đó sẽ làm cho giá cả hạ xuống đến một mức không có lợi cho nhà máy mới, cũng như cho các liên minh độc quyền". Ở các nước khác thuế quan bảo hộ làm cho các các-ten thành lập được dễ dàng, còn ở Anh lại khác hẳn, các liên minh độc quyền của các nhà kinh doanh, các các-ten và tơ-rớt, thường thường chỉ xuất hiện khi nào con số các xí nghiệp chủ yếu đang cạnh tranh với nhau rút xuống chỉ còn "vài tá gì đấy". Ở đây, ảnh hưởng của sự tập trung đối với việc hình thành các tổ chức độc quyền trong đại công nghiệp, đã bộc lộ ra một cách rõ ràng trông thấy"*.

Trước đây nửa thế kỷ, khi Mác viết bộ "Tư bản", thì đối với đại đa số các nhà kinh tế học, tự do cạnh tranh là: "một quy luật của tự nhiên". Giới khoa học quan phương đã mưu toan bóp chết tác phẩm đó bằng cách không đả động

* Hermann Levy. "Monopole, Kartelle und Trusts". Jena, 1909, SS. 286, 290, 298[1].

1) Héc-ma Lê-vy. "Các công ty độc quyền, các các-ten và tơ-rớt, I-ê-na, 1909, tr. 286, 290, 298.

gì đến tác phẩm của Mác, người đã chứng minh - thông qua sự phân tích chủ nghĩa tư bản về mặt lý luận và lịch sử - rằng tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền. Giờ đây, độc quyền đã trở thành một sự thật. Các nhà kinh tế học viết hàng đống sách để mô tả những biểu hiện riêng lẻ của sự độc quyền ấy, trong khi đó thì họ vẫn tiếp tục đồng thanh tuyên bố rằng "chủ nghĩa Mác bị bác bỏ rồi". Nhưng, như câu phương ngôn Anh đã nói, sự thật là điều bướng bỉnh, và dù muốn hay không, người ta vẫn phải tính đến nó. Sự thật chứng minh rằng những sự khác nhau giữa một số nước tư bản chủ nghĩa, chẳng hạn về chế độ bảo hộ mậu dịch hoặc tự do buôn bán, chỉ quyết định những sự khác nhau không đáng kể về hình thức các tổ chức độc quyền, hoặc về thời gian chúng xuất hiện, còn việc tập trung sản xuất đẻ ra các tổ chức độc quyền thì nói chung lại là một quy luật phổ biến và cơ bản trong giai đoạn phát triển hiện nay của chủ nghĩa tư bản.

Đối với châu Âu, ta có thể nhận định một cách khá chính xác thời kỳ chủ nghĩa tư bản mới thay thế *hẳn* chủ nghĩa tư bản cũ: đó chính là đầu thế kỷ XX. Ở một trong những tác phẩm tổng kết mới nhất nói về lịch sử "hình thành của các tổ chức độc quyền", người ta đọc thấy:

"Thời kỳ trước năm 1860 có thể cho ta vài thí dụ về các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa, trong đó người ta có thể tìm ra được những mầm mống của các hình thức hiện nay đã trở nên rất quen thuộc; nhưng tất cả những cái đó chắc chắn là thuộc về tiền sử của những các-ten. Thời kỳ bắt đầu thật sự của các tổ chức độc quyền hiện đại sớm nhất là vào khoảng những năm 1860. Thời kỳ quan trọng đầu tiên trong sự phát triển của các tổ chức đó bắt đầu cùng với thời kỳ tiêu điều của công nghiệp toàn thế giới vào những năm 1870 và kéo dài đến thời kỳ đầu những năm 1890". "Nếu người ta xem xét vấn đề trên quy mô châu Âu, thì sự

phát triển của tự do cạnh tranh đạt tới điểm cao nhất của nó vào những năm 60 và 70. Vào thời kỳ đó nước Anh đã xây dựng xong tổ chức tư bản chủ nghĩa kiểu cũ của nó. Ở Đức, tổ chức này đã bước vào cuộc đấu tranh có tính chất quyết định với thủ công nghiệp và công nghiệp gia đình, và bắt đầu tạo ra những hình thức tồn tại riêng của nó".

"Một cuộc chuyển biến lớn bắt đầu từ sự phá sản năm 1873, hay nói cho đúng hơn, từ thời kỳ tiêu điều tiếp sau sự phá sản đó, thời kỳ tiêu điều này đã kéo dài trong suốt 22 năm trong lịch sử kinh tế châu Âu, chỉ trừ một lần gián đoạn rất khó thấy, xảy ra ngay đầu những năm 80 và một lần phồn vinh hết sức mãnh liệt, nhưng ngắn ngủi, vào gần năm 1889". "Trong thời kỳ phồn vinh ngắn ngủi 1889 - 1890, người ta đã sử dụng mạnh mẽ các các-ten để lợi dụng tình hình thị trường. Một chính sách thiếu chín chắn đã làm cho giá cả tăng lên còn nhanh và mạnh hơn so với khi không có những các-ten, và hầu hết những các-ten đó đã tiêu vong một cách không vẻ vang "trong cái mồ phá sản". Tiếp theo đó là năm năm làm ăn thua thiệt và giá cả hạ thấp, nhưng trong công nghiệp thì tâm trạng lại không như trước nữa. Thời kỳ tiêu điều không còn được xem như một sự kiện tất nhiên nữa, người ta chỉ coi đó là một thời kỳ tạm ngừng trước khi có một tình hình thuận lợi mới mà thôi.

Như vậy là phong trào các-ten đã bước vào giai đoạn thứ hai của nó. Từ chỗ là hiện tượng nhất thời những các-ten đã trở thành một trong những cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế. Những các-ten đó chiếm hết ngành công nghiệp này đến ngành công nghiệp khác, và trước hết là ngành chế biến nguyên liệu. Ngay từ đầu những năm 1890, khi tổ chức xanh-đi-ca than cốc, – mà sau này xanh-đi-ca than đá cũng được tổ chức rập theo, – những các-ten đó đã xây dựng được cho mình một kỹ thuật các-ten mà về thực chất phong trào lúc đó không vượt xa hơn được. Thời kỳ phồn vinh lớn vào cuối thế kỷ XIX và cuộc khủng hoảng 1900 - 1903 đều diễn

ra - ít nhất là trong công nghiệp mỏ và công nghiệp luyện thép - lần đầu tiên hoàn toàn dưới chế độ các-ten. Và nếu hiện tượng đó lúc bấy giờ còn có vẻ là một cái gì mới, thì ngày nay việc nhiều khu vực quan trọng của đời sống kinh tế, theo thông lệ, đều được rút ra khỏi vòng tự do cạnh tranh, - việc đó đã thành một chân lý hiển nhiên đối với ý thức xã hội rộng rãi" *.

Như vậy, những kết quả chủ yếu trong lịch sử các tổ chức độc quyền là như sau: 1) Những năm 1860 và 1870: tự do cạnh tranh phát triển đến tột điểm. Các tổ chức độc quyền chỉ là những mầm mống chưa rõ rệt lắm. 2) Sau cuộc khủng hoảng năm 1873, là giai đoạn phát triển rộng rãi của những các-ten, nhưng những các-ten đó vẫn còn là ngoại lệ. Chúng vẫn còn chưa được vững chắc. Chúng vẫn còn là một hiện tượng nhất thời. 3) Thời kỳ phồn vinh cuối thế kỷ XIX và cuộc khủng hoảng của những năm 1900 - 1903: các-ten trở thành một trong những cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế. Chủ nghĩa tư bản đã biến thành chủ nghĩa đế quốc.

Những các-ten thỏa thuận với nhau về các điều kiện bán hàng, về kỳ hạn trả tiền, v.v.. Chúng chia nhau các khu vực tiêu thụ. Chúng quyết định số lượng sản phẩm cần chế tạo. Chúng quy định giá cả. Chúng chia lãi cho các xí nghiệp, v.v..

---

* Th. Vogelstein. "Die finanzielle Organisation der kapitalistischen Industrie und die Monopolbildungen" trong "Grundriβ der Sozialökonomik". VI Abt., Tüb., 1914[1)]. Xem của cùng tác giả: "Organisationsformen der Eisenindustrie und Textilindustrie in England und Amerika". Bd. I, Lpz., 1910[2)].

---

1) T. Phô-ghen-stanh. "Tổ chức tài chính của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa và việc thành lập các công ty độc quyền" trong "Những cơ sở của nền kinh tế xã hội". Phần VI, Ti-u-bin-ghen, 1914.

2) "Những hình thức tổ chức của công nghiệp luyện thép và công nghiệp dệt ở Anh và Mỹ". Tập I, Lai-pxích, 1910.

Số lượng các-ten ở Đức năm 1896 ước độ 250, năm 1905 là 385, với sự tham gia của gần 12 000 xí nghiệp*. Nhưng mọi người đều thừa nhận là những con số đó bị thu nhỏ lại. Những tài liệu thống kê công nghiệp Đức năm 1907 kể trên chứng tỏ rằng ngay cả 12 000 xí nghiệp hết sức lớn đó chắc cũng đã tập trung được quá nửa tổng số sức hơi nước và điện lực. Ở nước Mỹ, số lượng tơ-rớt năm 1900 là 185, năm 1907 là 250. Thống kê ở Mỹ phân tất cả các xí nghiệp công nghiệp thành những xí nghiệp thuộc cá nhân, các hãng hay các công ty. Năm 1904, loại xí nghiệp thuộc các công ty chiếm 23,6%, đến năm 1909 thì chiếm 25,9%, tức là quá một phần tư tổng số xí nghiệp. Năm 1904, các xí nghiệp ấy dùng 70,6% tổng số công nhân, đến năm 1909 thì dùng 75,6%, tức là ba phần tư tổng số công nhân; giá trị sản lượng là 10,9 và 16,3 tỷ đô-la, tức là 73,7% và 79% tổng giá trị sản lượng.

Những các-ten và tơ-rớt thường thường nắm đến bảy hay tám phần mười tổng sản lượng của một ngành công nghiệp. Xanh-đi-ca than đá miền Ranh - Ve-xtơ-pha-li, khi được thành lập năm 1893, đã nắm được 86,7% tổng số than đá sản xuất ở vùng này, và đến năm 1910, thì xanh-đi-ca ấy đã nắm được 95,4%**. Sự độc quyền được tạo ra bằng cách đó bảo đảm

* Dr. Riesser. "Die deutschen Großbanken und ihre Konzentration im Zusammenhange mit der Entwicklung der Gesamtwirtschaft in Deutschland". 4. Aufl. 1912, S. 149. - R. Liefmann. "Kartelle und Trusts und die Weiterbildung der volkswirtschaftlichen Organisation". 2. Aufl., 1910. S. 25[1].

**. Dr. Fritz Kestner. "Der Organisationszwang. Eine Untersuchung über die Kämpfe zwischen Kartellen und Außenseitern". Brl., 1912, tr. 11[2].

1) Tiến sĩ Rít-xơ. "Các ngân hàng lớn ở Đức và sự tập trung các ngân hàng đó do sự phát triển chung của nền kinh tế Đức". Xuất bản lần thứ 4, 1912, tr. 149. - R. Líp-man. "Các-ten và tơ-rớt và sự phát triển hơn nữa của các tổ chức kinh tế quốc dân". Xuất bản lần thứ 2, 1910, tr. 25.

2) Tiến sĩ Phri-txơ Kê-xtơ-nơ. "Sự cưỡng bách vào tổ chức. Nghiên cứu về cuộc đấu tranh giữa các-ten với những kẻ đứng ở ngoài". Béc-lanh.

những khoản thu nhập khổng lồ và đưa đến việc hình thành những đơn vị kỹ thuật - sản xuất có một quy mô rộng lớn phi thường. Tơ-rớt dầu lửa nổi tiếng ở Mỹ (Standard Oil Company) đã được thành lập năm 1900. "Tư bản của tơ-rớt này lên đến 150 triệu đô-la. Người ta đã phát ra 100 triệu đô-la cổ phần thường và 106 triệu đô-la cổ phần ưu tiên. Những cổ phần ưu tiên này, từ năm 1900 đến 1907, mỗi năm thu được phần lời như sau: 48, 48, 45, 44, 36, 40, 40, 40%, tổng cộng là 367 triệu đô-la. Từ năm 1882 đến hết năm 1907, người ta thu được 889 triệu đô-la lợi nhuận ròng: trong số đó, 606 triệu được đem chia và số còn lại thì bỏ vào tư bản dự trữ"*. "Năm 1907, tất cả những xí nghiệp thuộc tơ-rớt thép (United States Steel Corporation) thuê ít nhất là 210 180 công nhân và nhân viên. Xí nghiệp lớn nhất trong ngành công nghiệp mỏ ở Đức là Công ty mỏ Ghen-den-kiếc-sen (Gelsenkirchener Bergwerksgesellschaft), năm 1908, đã dùng 46 048 công nhân và nhân viên"**. Ngay năm 1902, tơ-rớt thép đã sản xuất 9 triệu tấn thép***. Năm 1901, sản lượng thép của tơ-rớt đó là 66,3%, và năm 1908 là 56,1% tổng sản lượng thép ở Mỹ****, cũng trong những năm đó, số quặng khai thác của tơ-rớt đó lên đến 43,9% và 46,3%.

Bản báo cáo của tiểu ban của chính phủ Mỹ về các tơ-rớt nói như sau: "Các tơ-rớt có ưu thế đối với những xí nghiệp

* R. Liefmann. "Beteiligungs-und Finanzierungsgesellschaften. Eine Studie über den modernen Kapitalismus und das Effektenwesen". I. Aufl., Jena, 1909, tr.212[1].

** Như trên, tr. 218.

*** Dr. S. Tschierschky. "Kartell und Trust". Gött., 1903, tr. 13[2].

**** Th. Vogelstein. "Organisationsformen", tr. 275.

1) R. Líp-man. "Các công ty tham dự và cung cấp tài chính. Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại và về bản chất các chứng khoán". Xuất bản lần thứ nhất, I-ê-na.

2) Tiến sĩ D. Tsiếc-ski. "Các-ten và tơ-rớt". Gốt-tin-ghen.

cạnh tranh với mình, là nhờ những xí nghiệp của các tơ-rớt đó có quy mô to lớn và trang bị kỹ thuật rất tốt. Ngay từ khi mới thành lập, tơ-rớt thuốc lá đã cố gắng hết sức dùng máy móc để thay thế lao động chân tay ở khắp nơi trên những quy mô rộng lớn. Để đạt mục đích ấy, tơ-rớt này đã mua được hết thảy những bằng phát minh nào có ít nhiều quan hệ đến việc chế biến thuốc lá và đã chi tiêu vào đó những món tiền rất lớn. Nhiều bằng phát minh đó lúc đầu không dùng được, và các kỹ sư của tơ-rớt đã phải chỉnh lý lại. Cuối năm 1906, hai công ty chi nhánh được thành lập để chỉ chuyên mua những bằng phát minh. Cũng nhằm mục đích ấy, tơ-rớt đó đã cho xây dựng các lò đúc, xưởng chế tạo máy và các xưởng sửa chữa máy móc riêng của mình. Một trong những xưởng đó, xưởng ở Bru-clin, trung bình dùng 300 công nhân; ở đấy, người ta thí nghiệm những phát minh về việc chế tạo thuốc lá điếu, xì gà nhỏ, thuốc hít, giấy thiếc làm bao, hộp đựng thuốc, v.v.; những phát minh cũng được cải tiến ở đây"*. "Các tơ-rớt khác cũng dùng những người mà người ta gọi là developping engineers" (kỹ sư chuyên về phát triển kỹ thuật) có nhiệm vụ phát minh những phương pháp sản xuất mới và đem thử những cải tiến kỹ thuật. Tơ-rớt thép thưởng những món tiền lớn cho các kỹ sư và công nhân về những phát minh có thể nâng cao kỹ thuật hoặc giảm bớt các chi phí"**.

---

*Report of the Commissioner of Corporations on the Tobacco In- dustry. Washington, 1909, tr. 266[1] - dẫn theo cuốn "Dr. Paul Tafel. "Die nordamerikanischen Trusts und ihre Wirkungen auf den Fortschritt der Technik". Stuttgart, 1913, tr. 48[2].

** Như trên, tr. 48-49.

---

1) Báo cáo của ủy viên tiểu ban về các tơ-rớt trong công nghiệp thuốc lá, Oa-sinh-tơn.

2) Tiến sĩ Pôn Ta-phen. "Các tơ-rớt ở Bắc Mỹ và ảnh hưởng của chúng đối với sự phát triển kỹ thuật". Stút-ga.

Việc cải tiến kỹ thuật trong đại công nghiệp ở Đức cũng được tổ chức giống như thế, chẳng hạn như trong công nghiệp hóa chất, công nghiệp này suốt trong mấy chục năm gần đây đã có những bước phát triển khổng lồ. Ngay từ năm 1908, trong công nghiệp này, quá trình tập trung sản xuất cũng đã đẻ ra hai "nhóm" chủ yếu, hai nhóm này cũng đi tới tổ chức độc quyền bằng con đường riêng của mình. Thoạt đầu đó là những "liên minh tay đôi" của hai cặp nhà máy hết sức lớn, mỗi cặp có một số tư bản từ 20 đến 21 triệu mác: một bên là xưởng May-xte cũ ở Hốt-xơ và xưởng Cát-xen-lê ở Phran-pho trên sông Manh; một bên nữa là xưởng làm a-ni-lin và xút ở Lút-vích-xa-phen và nhà máy Bay-e cũ ở En-béc-phen. Rồi năm 1905, nhóm này, và năm 1908, nhóm kia, mỗi nhóm lại ký một hợp đồng với một xưởng lớn khác. Do đó, thành ra có hai "liên minh tay ba", mỗi liên minh có một số tư bản từ 40 đến 50 triệu mác, và những "liên minh" này đã bắt đầu "đi sát lại với nhau", "thỏa thuận với nhau" về giá cả, v.v. *.

Cạnh tranh biến thành độc quyền. Kết quả là việc xã hội hóa sản xuất tiến một bước lớn. Trong đó cả quá trình phát minh và cải tiến kỹ thuật cũng được xã hội hóa.

Điều đó hoàn toàn không còn giống tình trạng tự do cạnh tranh cũ giữa những người chủ phân tán, không biết gì nhau và sản xuất để bán trên một thị trường mà họ chưa hề biết tới. Sự tập trung đã lên đến mức độ khiến có thể kiểm kê được gần đúng tất cả các nguồn nguyên vật liệu (như những nơi có mỏ sắt chẳng hạn) trong một nước, và thậm chí, như dưới đây chúng ta sẽ thấy, cả trong nhiều nước hay trên toàn thế giới nữa. Chẳng những người ta đã tiến hành việc kiểm kê đó, mà những nguồn đó còn bị những liên minh độc quyền lớn độc chiếm nữa. Người ta phỏng tính khả năng tiêu

---

* Riesser, tác phẩm đã dẫn, tr. 547 và 548, xuất bản lần thứ 3. Các báo đăng tin (tháng Sáu 1916) về việc thành lập một tơ-rớt mới, một tơ-rớt khổng lồ nắm ngành công nghiệp hóa chất ở Đức.

thụ của thị trường mà những liên minh này "chia nhau" theo hợp đồng. Người ta độc quyền chiếm đoạt những lực lượng công nhân có chuyên môn và thuê các kỹ sư giỏi nhất; người ta nắm lấy những con đường và những phương tiện giao thông: đường sắt ở Mỹ, các công ty tầu thủy ở châu Âu và châu Mỹ. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản tiến sát tới chỗ xã hội hóa việc sản xuất một cách toàn diện nhất, có thể nói là chủ nghĩa tư bản, bất chấp ý chí và ý thức của bọn tư bản, đã đưa chúng vào một trật tự xã hội mới nào đó, trật tự này là bước quá độ từ chỗ hoàn toàn tự do cạnh tranh đến chỗ hoàn toàn xã hội hóa.

Sản xuất trở nên có tính chất xã hội, nhưng chiếm hữu vẫn mang tính chất tư nhân. Các tư liệu sản xuất xã hội vẫn là sở hữu tư nhân của một số ít người. Khuôn khổ chung của cạnh tranh tự do, mà về danh nghĩa còn được thừa nhận, thì vẫn tồn tại, và ách áp bức của một nhóm người độc quyền đối với số dân cư còn lại đã trở thành nặng nề, rõ rệt, không thể chịu nổi, hơn trước gấp trăm lần.

Nhà kinh tế học Đức Kê-xtơ-nơ đã dành một tác phẩm riêng để nói về "cuộc đấu tranh giữa các-ten với những kẻ đứng ở ngoài", nghĩa là với những nhà kinh doanh không tham gia các-ten. Ông ta đặt tên tác phẩm đó là: "Sự cưỡng bách vào tổ chức", nhưng nếu không muốn tô điểm cho chủ nghĩa tư bản thì tất nhiên phải nói đến sự cưỡng bách phải phục tùng các liên minh của bọn độc quyền. Thật là bổ ích nếu ta nhìn qua một chút bản kê những thủ đoạn đấu tranh hiện đại, tối tân, văn minh, cho "tổ chức", những thủ đoạn mà các liên minh của bọn độc quyền đã dùng đến: 1) tước nguồn nguyên vật liệu ("... một trong những phương sách quan trọng nhất để bắt buộc gia nhập các-ten"); 2) tước nguồn công nhân bằng cách dùng những "liên minh" (tức là những hợp đồng giữa bọn tư bản với các công đoàn, quy định các công đoàn này chỉ nhận làm việc trong những xí nghiệp đã các-ten hóa); 3) tước các phương tiện vận chuyển; 4) tước nơi tiêu

thụ; 5) ký hợp đồng với người mua, quy định người mua chỉ giao dịch với những các-ten thôi; 6) đánh sụt giá một cách có hệ thống (để làm phá sản các xí nghiệp "ở ngoài", tức là các xí nghiệp không phục tùng bọn độc quyền; người ta tiêu phí hàng triệu để bán hạ hơn giá thành trong một thời gian nào đó: trong công nghiệp dầu xăng đã có những trường hợp hạ giá từ 40 xuống 22 mác, tức là giảm gần một nửa!); 7) tước nguồn tín dụng; 8) tuyên bố tẩy chay.

Trước mắt chúng ta, đó không còn là sự cạnh tranh giữa những xí nghiệp nhỏ và xí nghiệp lớn, giữa những xí nghiệp lạc hậu về kỹ thuật và những xí nghiệp tiên tiến về kỹ thuật nữa. Trước mắt chúng ta, đó là tình trạng bọn độc quyền bóp chết những người nào không chịu phục tùng độc quyền, ách thống trị và sự chuyên chế của chúng. Quá trình đó phản ánh trong ý thức của một nhà kinh tế học tư sản như sau:

"Ngay cả trong lĩnh vực hoạt động thuần túy kinh tế – Kê-xtơ-nơ viết – cũng nảy sinh ra một sự chuyển biến nào đó từ hoạt động thương nghiệp, nói theo nghĩa cũ của danh từ đó, sang hoạt động đầu cơ - tổ chức. Kẻ được hưởng lợi lộc nhiều nhất không phải là nhà buôn nào biết dựa trên kinh nghiệm về kỹ thuật và về buôn bán của mình để xác định một cách chính xác nhất nhu cầu của khách hàng, để tìm ra, và có thể nói là "phát hiện" lượng cầu đang ở trong trạng thái tiềm tàng, - mà là thiên tài (?!) đầu cơ, biết tính trước hay ít ra cũng biết đánh hơi trước được sự phát triển, về tổ chức và khả năng có những liên hệ nhất định giữa các xí nghiệp với các ngân hàng...".

Nói nôm na thì điều đó có nghĩa là: sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã đạt tới một trình độ mà sản xuất hàng hóa, mặc dù vẫn tiếp tục "thống trị" và được xem như là cơ sở của toàn bộ nền kinh tế như trước, nhưng thực tế thì đã bị lung lay, và những khoản lợi nhuận chủ yếu đều lọt vào tay bọn "thiên tài" về các thủ đoạn tài chính. Cơ

sở của những thủ đoạn và những sự lường gạt đó là sự xã hội hóa nền sản xuất; nhưng bước tiến lớn lao của loài người, đã vươn tới sự xã hội hóa đó, lại làm lợi... cho bọn đầu cơ. Trong đoạn sau, chúng ta sẽ thấy, "trên cơ sở đó", khi phê phán chủ nghĩa đế quốc tư bản, bọn phê bình tiểu thị dân - phản động đã mơ tưởng đến việc quay *trở lại* sự cạnh tranh "tự do", "hòa bình", "trung thực", như thế nào.

"Giá cả tiếp tục tăng lên trong một thời gian dài do việc thành lập các các-ten gây nên, hiện tượng đó – Kê-xtơ-nơ nói – từ trước đến nay chỉ thấy xảy ra đối với những tư liệu sản xuất quan trọng nhất, nhất là than đá, sắt, bồ tạt, và ngược lại chưa bao giờ thấy xảy ra đối với các thành phẩm. Vì vậy việc tăng tiền lãi do tình hình đó gây nên, cũng chỉ giới hạn trong ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất mà thôi. Phải nói thêm vào nhận xét đó rằng nhờ việc thành lập các các-ten, công nghiệp chế biến nguyên vật liệu (chứ không phải chế biến nửa thành phẩm) chẳng những đã thu được những món lời dưới hình thức lợi nhuận cao, làm tổn hại đến ngành công nghiệp tiếp tục chế biến những nửa thành phẩm, – mà đối với ngành công nghiệp này nó còn đạt một *quan hệ thống trị* nhất định, chưa hề có trong thời kỳ cạnh tranh tự do"*.

Những chữ chúng tôi viết ngả chỉ rõ thực chất của vấn đề mà những nhà kinh tế học tư sản rất ít khi thừa nhận và không sẵn lòng thừa nhận, và những kẻ hiện nay bênh vực chủ nghĩa cơ hội, đứng đầu là C. Cau-xky, đều tích cực tìm cách lẩn tránh và bỏ qua. Quan hệ thống trị và bạo lực do những quan hệ ấy sinh ra - đó là những hiện tượng tiêu biểu trong "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", đó là kết quả tất yếu phải xảy ra, và đã xảy ra do sự hình thành những tổ chức kinh tế độc quyền vạn năng.

---

*Kê-xtơ-nơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 254.

Ta hãy dẫn thêm một ví dụ về sự thống trị của những các-ten. Chỗ nào có thể chiếm được toàn bộ nguồn nguyên liệu hay những nguồn chủ yếu về nguyên liệu thì ở đó đặc biệt dễ xuất hiện những các-ten và hình thành các tổ chức độc quyền. Nhưng sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng các tổ chức độc quyền không xuất hiện cả trong các ngành công nghiệp khác, mà ở đó người ta không thể nào chiếm đoạt được các nguồn nguyên liệu. Ở khắp mọi nơi đều tìm được nguyên vật liệu cho ngành công nghiệp xi-măng. Thế mà ở Đức, ngành công nghiệp này cũng được các-ten hóa một cách mạnh mẽ. Các nhà máy đều hợp thành những xanh-đi-ca khu vực: khu Nam Đức, khu Ranh – Ve-xtơ-pha-li, v.v.. Giá cả là giá cả độc quyền: mỗi toa xi-măng trị giá từ 230 đến 280 mác trong khi giá thành chỉ có 180 mác! Các xí nghiệp, đem lại tiền lãi cổ phần từ 12 đến 16%; hơn nữa, ta không được quên rằng bọn "thiên tài" đầu cơ hiện đại, ngoài số được chia về tiền lãi cổ phần, còn biết cách bỏ túi thêm những món lợi nhuận to lớn nữa. Để thủ tiêu nạn cạnh tranh trong một ngành công nghiệp sinh lợi như thế, bọn độc quyền còn dùng cả đến mưu kế nữa: chúng tung ra những tin giả về tình hình xấu trong công nghiệp, chúng đăng ở trên báo những lời bố cáo nặc danh: "các nhà tư bản: chớ nên bỏ vốn vào ngành công nghiệp xi-măng"; cuối cùng, chúng mua lại những xí nghiệp "ở ngoài" (nghĩa là những xí nghiệp không tham gia xanh-đi-ca) và trả cho chủ các xí nghiệp này những khoản "bồi thường" từ 60, 80 hoặc 150 nghìn mác*.

Tổ chức độc quyền mở đường cho mình ở khắp mọi nơi và bằng đủ mọi cách, từ việc trả tiền bồi thường "nho nhỏ" đến việc theo lối Mỹ "dùng" thuốc nổ đối với kẻ cạnh tranh với mình.

---

*"Zement" von L. Eschwege. "Die Bank"[136], 1909, I, tr.115 và những trang sau[1)].

---

1) "Xi-măng" của L. E-svê-gơ. Tạp chí "Ngân hàng".

Nói rằng các các-ten thủ tiêu được những cuộc khủng hoảng, đó là câu chuyện hoang đường của những nhà kinh tế học tư sản vẫn cố hết sức tô điểm cho chủ nghĩa tư bản. Trái lại, tổ chức độc quyền được thành lập trong *một vài* ngành công nghiệp, lại làm cho tình trạng hỗn loạn, vốn có trong *toàn bộ* nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tăng lên và trầm trọng thêm. Tình trạng không cân đối giữa sự phát triển của nông nghiệp và sự phát triển của công nghiệp, – đặc điểm của chủ nghĩa tư bản nói chung, – lại càng tăng. Địa vị đặc quyền của ngành công nghiệp đã được các-ten hóa cao độ nhất, tức là ngành mà người ta gọi là công nghiệp *nặng*, nhất là công nghiệp than và sắt, làm cho các ngành công nghiệp khác lâm vào tình trạng "mất tính kế hoạch còn trầm trọng hơn nữa", như I-ây-đen-xơ, tác giả một trong những tác phẩm hay nhất nói về "quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp"*, đã thừa nhận.

Líp-man, người một mực bênh vực chủ nghĩa tư bản, viết: "Nền kinh tế quốc dân mà càng phát triển thì nó càng hướng về những xí nghiệp có tính chất mạo hiểm hơn hoặc những xí nghiệp ở nước ngoài, những xí nghiệp cần có một thời kỳ lâu dài để phát triển, hoặc cuối cùng hướng về những xí nghiệp chỉ có ý nghĩa địa phương"**. Tính mạo hiểm tăng lên, nói cho cùng, là do tư bản tăng lên rất nhiều, có thể nói là nó tràn ngập và chảy ra nước ngoài, v.v.. Đồng thời, sự tiến bộ rất nhanh chóng của kỹ thuật cũng lại làm cho những yếu tố không cân đối giữa các mặt khác nhau của nền kinh tế quốc dân, những yếu tố hỗn loạn

---

*Jeidels. "Das Verhältnis der deutschen Grobbanken zur Industrie mit besonderer Berücksichtigung der Eisenindustrie". Lpz., 1905, tr. 271[1].

**Liefmann. "Beteiligungs - etc. Ges.", tr. 434.

---

1) I-ây-đen-xơ. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp, đặc biệt với công nghiệp luyện kim". Lai-pxích 137.

và khủng hoảng, ngày càng tăng thêm. Chính Líp-man cũng buộc phải thừa nhận rằng: "Trong lĩnh vực kỹ thuật, chắc chắn là sẽ còn có nhiều cuộc biến đổi lớn đang chờ đợi loài người trong một tương lai gần đây; những cuộc biến đổi ấy sẽ tác động đến cả việc tổ chức nền kinh tế quốc dân"... điện khí, hàng không... "Thường thường và theo thông lệ, thì người ta thấy phát triển một tình trạng đầu cơ mạnh mẽ trong những thời kỳ biến đổi căn bản về kinh tế như thế..."*.

Và những cuộc khủng hoảng – đủ mọi thứ khủng hoảng, thường xuyên nhất là những cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng không phải chỉ những cuộc khủng hoảng kinh tế mà thôi – lại làm cho xu hướng tập trung và độc quyền tăng lên với những quy mô rất lớn. Dưới đây là lời nhận xét hết sức có ý nghĩa của I-ây-đen-xơ về tầm quan trọng của cuộc khủng hoảng năm 1900, cuộc khủng hoảng đó, như ta thấy, đã đóng vai trò một bước ngoặt trong lịch sử những tổ chức độc quyền hiện đại:

"Khi cuộc khủng hoảng năm 1900 xảy ra thì bên cạnh những xí nghiệp khổng lồ thuộc các ngành công nghiệp chủ yếu, vẫn còn có nhiều xí nghiệp mà tổ chức, theo quan niệm hiện nay, thì đã lỗi thời rồi, đó là những xí nghiệp "đơn thuần" (tức là không liên hợp), "nổi lên trên đỉnh sóng của ngọn trào công nghiệp. Giá cả hạ xuống, lượng cầu tụt xuống đã đẩy các xí nghiệp "đơn thuần" ấy vào một tình trạng nguy khốn, tình trạng này hoặc giả hoàn toàn không làm tổn hại gì đến các xí nghiệp liên hợp khổng lồ, hoặc giả chỉ gây tổn hại cho những xí nghiệp khổng lồ đó trong một thời gian hết sức ngắn mà thôi. Vì thế, cuộc khủng hoảng năm 1900 đã dẫn đến một sự tập trung công nghiệp mạnh mẽ hơn rất nhiều so với cuộc khủng hoảng năm 1873 trước kia: cuộc khủng hoảng năm 1873 cũng đã làm việc chọn lọc ra những xí nghiệp khá nhất, nhưng với trình độ kỹ

*Liefmann. "Beteiligungs - etc. Ges.", tr. 465-466.

thuật thời bấy giờ, sự chọn lọc đó đã không thể dẫn đến sự độc quyền của những xí nghiệp biết thoát khỏi khủng hoảng một cách thắng lợi. Những xí nghiệp khổng lồ thuộc các ngành công nghiệp luyện thép và điện khí hiện nay chính đang nắm được cái địa vị độc quyền lâu năm như thế, hơn nữa lại nắm được với một mức độ cao, nhờ có kỹ thuật rất phức tạp, có tổ chức hết sức chu đáo và có tư bản hùng hậu; tiếp đó, trên một mức độ thấp hơn, là các xí nghiệp thuộc ngành chế tạo máy móc, một số ngành công nghiệp luyện kim, giao thông, v.v." *.

Độc quyền, đó là đỉnh tột cùng của "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản". Nhưng những quan niệm của chúng ta về sức mạnh thực tế và ý nghĩa của các tổ chức độc quyền hiện đại sẽ hết sức thiếu sót, hết sức không đầy đủ và không đúng mức, nếu chúng ta không tính đến vai trò của các ngân hàng.

## II. CÁC NGÂN HÀNG VÀ VAI TRÒ MỚI CỦA CHÚNG

Công việc cơ bản và thoạt đầu của các ngân hàng là làm trung gian trong việc trả tiền. Nhờ thế, các ngân hàng biến tư bản tiền tệ không hoạt động thành tư bản hoạt động, nghĩa là tư bản đem lại lợi nhuận, và tập hợp mọi khoản thu nhập bằng tiền để giao cho giai cấp các nhà tư bản sử dụng.

Công việc kinh doanh ngân hàng càng phát triển và càng tập trung vào một số ít cơ quan, thì từ chỗ đóng vai trò khiêm tốn của những kẻ trung gian, các ngân hàng đã trở thành những tổ chức độc quyền vạn năng, sử dụng được hầu hết tổng số tư bản tiền tệ của toàn thể các nhà tư bản và tiểu chủ, cũng như phần lớn những tư liệu sản xuất và những

---

* Jeidels, tr. 108.

nguồn nguyên liệu của một nước nhất định hay của cả một loạt nước. Việc biến đông đảo những kẻ trung gian khiêm tốn thành một nhúm nhỏ những kẻ độc quyền là một trong những quá trình cơ bản của sự chuyển biến chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa đế quốc tư bản; vì vậy, chúng ta hãy bàn trước tiên đến sự tập trung của ngành ngân hàng.

Năm 1907 - 1908, trong tất cả các ngân hàng cổ phần ở Đức có một tư bản hơn 1 triệu mác, số tiền gửi đã lên đến 7 tỷ mác; năm 1912-1913 số tiền gửi đó lại lên đến 9,8 tỷ. Như vậy, trong năm năm, số tiền gửi đó đã tăng thêm 40%, hơn nữa, trong số 2,8 tỷ đó, 2,75 tỷ là thuộc về 57 ngân hàng, mỗi ngân hàng này có một số tư bản hơn 10 triệu mác. Việc phân phối số tiền gửi giữa các ngân hàng lớn và các ngân hàng nhỏ như sau*:

*Tỷ lệ phần trăm trong tổng số tiền gửi*

| | trong 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh | trong 48 ngân hàng khác có tư bản hơn 10 triệu mác | trong 115 ngân hàng có tư bản từ 1 đến 10 triệu | trong các ngân hàng nhỏ (có tư bản dưới 1 triệu) |
|---|---|---|---|---|
| 1907 - 1908 | 47 | 32,5 | 16,5 | 4 |
| 1912 - 1913 | 49 | 36 | 12 | 3 |

Các ngân hàng nhỏ đều bị các ngân hàng lớn lấn át, chỉ riêng 9 ngân hàng lớn đã tập trung được gần nửa tổng số những khoản tiền gửi. Song ở đây, chưa tính đến rất nhiều yếu tố, chẳng hạn như việc cả một loạt ngân hàng nhỏ biến thành những chi nhánh thật sự của những ngân hàng lớn, v.v., điều đó sẽ được nói ở đoạn dưới đây.

*Alfred Lansburgh. "Fünf Jahre d. Bankwesen", "Die Bank", 1913, số 8, tr. 728[1].

1) An-phrết Lan-xbuốc. "Năm năm hoạt động của các ngân hàng Đức", tạp chí "Ngân hàng".

Cuối năm 1913, Sun-txê – Ghê-véc-ni-txơ đã xác định số tiền gửi ở 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh là 5,1 tỷ trong tổng số gần 10 tỷ mác[138]. Không phải chỉ chú ý đến số tiền gửi mà còn chú ý đến toàn bộ tư bản ngân hàng, cũng tác giả ấy đã viết: "Cuối năm 1909, 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh, *cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào chúng*, đã quản lý 11,3 tỷ mác, tức là vào khoảng 83% tổng số tư bản ngân hàng ở Đức. "Ngân hàng Đức" ("Deutsche Bank") *cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào nó,* quản lý gần 3 tỷ mác, ngân hàng này, cũng như Cục quản lý đường sắt quốc gia ở Phổ, là một tổ chức tích tụ tư bản lớn nhất trong thế giới cũ và cũng là tổ chức có sự phân tán cao độ" *.

Chúng tôi nhấn mạnh điểm nói về những ngân hàng "phụ thuộc", vì đó là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của sự tập trung tư bản chủ nghĩa hiện đại. Các xí nghiệp lớn, nhất là các ngân hàng, không những chỉ trực tiếp nuốt những xí nghiệp nhỏ, chúng còn làm cho những xí nghiệp nhỏ này "gắn liền" vào chúng, phục tùng chúng, sáp nhập vào tập đoàn "của chúng", nếu dùng thuật ngữ chuyên môn, thì tức là vào "công-xoóc-xi-om" của chúng, bằng cách "tham dự" vào tư bản của những ngân hàng nhỏ ấy, bằng lối mua hay trao đổi cổ phần, bằng hệ thống quan hệ vay mượn, v.v. và v.v.. Giáo sư Líp-man đã dành riêng một "tác phẩm" lớn dày 500 trang để mô tả những "hội tham dự và cung cấp tài chính"** hiện đại; nhưng tiếc thay ông này lại đưa

*Schulze-Gaevernitz. "Die deutsche Kreditbank" trong "Grundriβ der Sozialökonomik". Tüb., 1915, tr. 12 và 137[1)].

** R. Liefmann. "Beteiligungs - und Finanzierungsgesellschaften. Eine Studie über den modernen Kapitalismus und das Effektenwesen". I. Aufl., Jena, 1909, tr. 212.

1) Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ. "Ngân hàng tín dụng ở Đức" trong "Những cơ sở của nền kinh tế xã hội". Ti-u-bin-ghen.

thêm những suy luận "lý luận" kém cỏi vào số tài liệu mới lượm lặt, thường chưa được phân tích kỹ[139]. Chế độ "tham dự" này dẫn đến đâu, xét về phương diện tập trung, – điều đó được trình bày tốt hơn cả trong cuốn sách nói về các ngân hàng lớn ở Đức, của Rít-xơ, "một nhà hoạt động" ngân hàng[140]. Nhưng trước khi xem xét những tài liệu do ông ta dẫn ra, ta hãy kể một ví dụ cụ thể về chế độ "tham dự".

"Tập đoàn" "Ngân hàng Đức" là một trong những tập đoàn lớn nhất, nếu không phải là tập đoàn lớn hơn cả trong hết thảy các tập đoàn ngân hàng lớn. Để nhìn ra được những sợi dây liên hệ chủ yếu gắn liền tất cả các ngân hàng thuộc tập đoàn đó với nhau, cần phải phân biệt những "sự tham dự " bậc nhất, bậc nhì, bậc ba, hoặc nói một cách khác, phân biệt sự lệ thuộc (của các ngân hàng nhỏ hơn đối với "Ngân hàng Đức") bậc nhất, bậc nhì hay bậc ba. Ta thấy một tình hình như sau * (xem bảng tr. 419. *BT*.):

Trong số 8 ngân hàng "lệ thuộc bậc nhất" "một đôi lúc" phụ thuộc vào "Ngân hàng Đức", có 3 ngân hàng nước ngoài: một ngân hàng Áo ("Bankverein" - "Liên minh ngân hàng" ở Viên) và hai ngân hàng Nga (Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri và Ngân hàng ngoại thương Nga). Tổng cộng, tham gia vào tập đoàn "Ngân hàng Đức", trực tiếp hay gián tiếp, toàn bộ hay từng phần, có 87 ngân hàng; và tổng số tư bản mà tập đoàn ấy chi phối - tư bản của nó và tư bản của người khác – là 2 - 3 tỷ mác.

Rõ ràng là, một ngân hàng đứng đầu một tập đoàn như thế và đã thỏa thuận với nửa tá ngân hàng kém hơn nó đôi chút, về những hoạt động tài chính đặc biệt to lớn và có lợi, như công trái quốc gia chẳng hạn, thì nó đã vượt ra ngoài

*Alfred Lansburgh. "Das Beteiligungssystem im deutschen Bank – wesen", "Die Bank", 1910, I, tr. 500[1)].

1) An-phrết Lan-xbuốc. "Chế độ tham dự trong ngành ngân hàng ở Đức", tạp chí "Ngân hàng".

| | | Lệ thuộc bậc nhất: | Lệ thuộc bậc nhì: | Lệ thuộc bậc ba: |
|---|---|---|---|---|
| "Ngân hàng Đức" tham dự: | thường xuyên vào.... | 17 ngân hàng; | trong số này, có 9 ngân hàng tham dự vào 34 ngân hàng khác; | trong số này, có 4 ngân hàng tham dự vào 7 ngân hàng khác |
| | trong một thời gian không nhất định vào ..... | 5 " | — | — |
| | một đôi lúc vào ...... | 8 " | trong số này, có 5 ngân hàng tham dự vào 14 ngân hàng khác; | trong số này, có 2 ngân hàng tham dự vào 2 ngân hàng khác |
| *Tổng cộng* vào 30 ngân hàng; | | | trong số này, có 14 ngân hàng tham dự vào 48 ngân hàng khác; | trong số này, có 6 ngân hàng tham dự vào 9 ngân hàng khác |

vai trò một "kẻ trung gian" và trở thành một liên minh của một nhúm nhỏ bọn độc quyền.

Ở Đức, sự tập trung hoạt động ngân hàng được tiến hành nhanh chóng đến mức độ nào vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, điều đó sẽ được chỉ rõ qua những số liệu của Rít-xơ mà chúng tôi trích dẫn một cách vắn tắt sau đây:

*Sáu ngân hàng lớn ở Béc-lanh đã có*

| Năm | Chi nhánh ở Đức | Quỹ tiền gửi và phòng hối đoái | Tham dự thường xuyên vào các ngân hàng cổ phần ở Đức | Tổng số các cơ quan |
|---|---|---|---|---|
| 1895....... | 16 | 14 | 1 | 42 |
| 1900....... | 21 | 40 | 8 | 80 |
| 1911...... | 104 | 276 | 63 | 450 |

Do đó, ta thấy cái mạng lưới dày đặc những mạch máu ngân hàng lan rộng nhanh chóng như thế nào, nó bao phủ cả nước, tập trung hết thảy tư bản và các khoản thu nhập bằng tiền, biến hàng nghìn, hàng vạn doanh nghiệp tản mạn, thành một đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa thống nhất toàn quốc, rồi sau đó thành một đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới. Trên thực tế, sự "phân tán" mà Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ nhân danh khoa kinh tế chính trị tư sản hiện nay, đã nói đến trong đoạn kể trên, – là ở chỗ ngày càng có nhiều đơn vị kinh tế trước kia tương đối "độc lập" hay, nói cho đúng hơn, có tính chất đóng cửa cục bộ (trong một địa phương), thì nay phải lệ thuộc vào một trung tâm thống nhất. Thật ra, đó là *tập trung*, là tăng cường vai trò, ý nghĩa, uy lực của các công ty độc quyền khổng lồ.

Trong các nước tư bản chủ nghĩa lâu đời hơn, "mạng lưới ngân hàng" ấy lại còn dày đặc hơn nữa. Ở Anh và Ai-rơ-len năm 1910, tất cả các ngân hàng đã có 7 151 chi nhánh. Bốn ngân hàng lớn, mỗi cái có hơn 400 chi nhánh (từ 447 đến 689), 4 ngân hàng khác mỗi cái có hơn 200 chi nhánh, và 11 ngân hàng mỗi cái có hơn 100 chi nhánh.

Ở Pháp, *ba* ngân hàng lớn nhất là: "Crédit Lyonnais", "Comptoir National" và "Société Générale"[1)] đã phát triển

| | Số chi nhánh và quỹ | | | Số tư bản (triệu phrăng) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | ở các tỉnh | ở Pa-ri | tổng cộng | của bản thân | của người khác |
| 1870........... | 47 | 17 | 64 | 200 | 427 |
| 1890........... | 192 | 66 | 258 | 265 | 1 245 |
| 1909........... | 1 033 | 196 | 1 229 | 887 | 4 363 |

1) "Ngân hàng tín dụng Ly-ông", "Cục chiết khấu toàn quốc" và "Tổng công ty".

các hoạt động và mạng lưới chi nhánh của mình như sau*.

Để nêu rõ đặc tính những mối "liên hệ" của một ngân hàng lớn hiện đại, Rít-xơ đã đưa ra những số liệu về số lượng chứng thư đi và đến của "Công ty chiết khấu" ("Dis - conto - Gesellschaft"), một trong những ngân hàng lớn nhất ở Đức và trên toàn thế giới (năm 1914 tư bản của nó đã lên tới 300 triệu mác):

| | *Số chứng thư* | |
|---|---|---|
| | đến | đi |
| 1852 ....... | 6 135 | 6 292 |
| 1870........ | 85 800 | 87 513 |
| 1900....... | 533 102 | 626 043 |

Ở "Ngân hàng tín dụng Ly-ông", một ngân hàng lớn ở Pa-ri, số tài khoản năm 1875 là 28 535, đến năm 1912 thì tăng lên 633 539**.

Những con số đơn giản này, so với những lời bàn luận dài dòng, có lẽ còn nói lên một cách rõ rệt hơn rằng cùng với sự tập trung tư bản và sự tăng thêm số chu chuyển của ngân hàng, ý nghĩa của chúng cũng thay đổi một cách căn bản. Từ những nhà tư bản riêng rẽ đã hình thành nên một nhà tư bản tập thể. Trong khi tính những tài khoản vãng lai của một số nhà tư bản, ngân hàng tựa hồ như tiến hành một hoạt động thuần túy kỹ thuật, hoàn toàn có tính chất phụ thêm mà thôi. Nhưng khi các hoạt động này bành trướng lên tới quy mô to lớn thì ta lại thấy là một nhúm nhỏ bọn độc quyền chi phối được các hoạt động công thương nghiệp của

*Eugen Kaufmann. "Das französische Bankwesen". Tüb., 1911, tr.356 và 362[1)].

** Jean Lescure. "L'épargne en France". P., 1914. tr. 52[2)].

1) Ơ-giê-ni Cau-phman. "Ngành ngân hàng ở Pháp". Ti-u-bin-ghen.

2) Giăng Lê-quya-rơ. "Tiền tiết kiệm ở Pháp". Pa-ri.

toàn xã hội tư bản chủ nghĩa; nhóm này, nhờ những mối liên hệ về ngân hàng, nhờ những tài khoản vãng lai và những hoạt động tài chính khác, mà trước hết có thể *biết được một cách chính xác* tình hình kinh doanh của từng nhà tư bản, rồi sau đó *kiểm soát* bọn này, ảnh hưởng đến chúng bằng cách mở rộng hoặc thu hẹp tín dụng, làm dễ dàng hoặc gây khó khăn cho việc tín dụng, rồi sau cùng *hoàn toàn quyết định* số phận của chúng, quyết định mức thu nhập của chúng, tước mất tư bản của chúng hoặc tạo khả năng cho chúng tăng nhanh chóng số tư bản của chúng lên đến những quy mô to lớn, v.v..

Chúng tôi vừa nói đến số tư bản 300 triệu mác của "Công ty chiết khấu" ở Béc-lanh. Việc tăng tư bản của "Công ty chiết khấu" này là một trong những giai đoạn của cuộc đấu tranh để giành quyền bá chủ giữa hai trong số những ngân hàng lớn nhất ở Béc-lanh: "Ngân hàng Đức" và "Công ty chiết khấu". Năm 1870, "Ngân hàng Đức" vừa mới thành lập và chỉ có một số tư bản vẻn vẹn là 15 triệu, trong khi đó số tư bản của "Công ty chiết khấu" là 30 triệu. Đến năm 1908, "Ngân hàng Đức" có một số tư bản là 200 triệu; "Công ty chiết khấu" có 170 triệu. Năm 1914, ngân hàng thứ nhất nâng số tư bản của mình lên 250 triệu; ngân hàng thứ hai, nhờ sáp nhập với một ngân hàng lớn bậc nhất khác là "Ngân hàng liên hợp Sáp-phơ-hau-den", nên đã nâng số tư bản của mình lên 300 triệu. Và đương nhiên là cuộc đấu tranh để giành quyền bá chủ này đi đôi với những sự "thỏa thuận" ngày càng nhiều và được củng cố giữa hai ngân hàng đó. Dưới đây là những kết luận mà quá trình phát triển đó đã gợi lên cho các chuyên gia về ngành ngân hàng, họ nhìn nhận những vấn đề kinh tế theo một quan điểm không bao giờ vượt ra ngoài tư tưởng cải lương tư sản ôn hòa nhất và thận trọng nhất:

Tạp chí "Ngân hàng" ở Đức bàn về việc nâng số tư bản của "Công ty chiết khấu" lên 300 triệu, đã viết: "Các ngân

hàng khác cũng sẽ đi theo con đường ấy và, với thời gian, số 300 người ngày nay đang thống trị nước Đức về mặt kinh tế, sẽ giảm xuống 50, 25 hoặc còn ít hơn nữa. Không nên cho rằng phong trào tập trung hiện đại chỉ giới hạn trong ngành ngân hàng thôi. Những mối liên hệ chặt chẽ giữa các ngân hàng tất nhiên cũng sẽ làm cho những xanh-đi-ca của các nhà công nghiệp do các ngân hàng đó nâng đỡ, xích lại gần nhau... Một ngày kia, khi chúng ta thức dậy, chúng ta sẽ lấy làm ngạc nhiên thấy chỉ có toàn những tơ-rớt thôi; chúng ta sẽ đứng trước một sự tất yếu là phải đem những tổ chức độc quyền của nhà nước thay cho những tổ chức độc quyền của tư nhân. Thế nhưng thực ra chúng ta cũng không có gì đáng tự trách mình cả, có trách là trách đã để mặc cho sự vật phát triển tự do, sự phát triển đó lại được cổ phiếu thúc đẩy nhanh lên đôi chút"*.

Đó là một kiểu mẫu về sự bất lực của các nhà chính luận tư sản, và các nhà khoa học tư sản chỉ khác các nhà chính luận tư sản ở chỗ kém thành thật hơn và có khuynh hướng muốn che giấu thực chất của sự vật, muốn lấy cây che rừng. "Ngạc nhiên" trước những hậu quả của sự tập trung; "trách" chính phủ của nước Đức tư bản chủ nghĩa hay "xã hội" tư bản chủ nghĩa ("chúng ta"); sợ rằng việc sử dụng các cổ phiếu sẽ "thúc đẩy" sự tập trung, giống như Tsiếc-sky – chuyên gia Đức "về các-ten" – sợ các tơ-rớt Mỹ và "thích" những các-ten Đức hơn, vì ông ta cho rằng những các-ten Đức có khả năng "thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật và tiến bộ kinh tế một cách không thái quá như các tơ-rớt"** – điều đó há không phải là sự bất lực hay sao?

* A. Lansburgh. "Die Bank mit den 300 Millionen", "Die Bank", 1914, I, tr. 426[1].

** S. Tschierschky, tác phẩm đã dẫn, tr. 128.

1) A. Lan-xbuốc. "Ngân hàng 300 triệu", tạp chí "Ngân hàng".

Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Ở Đức không có tơ-rớt, "chỉ" có những các-ten thôi; nhưng trong nước Đức, nhiều lắm cũng chỉ có 300 tên trùm tư bản *thống trị* là cùng. Và số đó lại giảm xuống không ngừng. Dù sao thì trong hết thảy các nước tư bản chủ nghĩa, mặc dù luật ngân hàng ở các nước đó có những biến thể như thế nào đi nữa, các ngân hàng vẫn tăng cường và đẩy nhanh gấp bội quá trình tập trung tư bản và quá trình hình thành những tổ chức độc quyền.

Cách đây nửa thế kỷ, Mác đã viết trong bộ "Tư bản" (bản tiếng Nga, t. III, ph. II, tr. 144[141]): "Ngân hàng tạo ra, trên quy mô toàn xã hội, một hình thức nhưng chính chỉ là hình thức thôi, kế toán chung và phân phối chung về tư liệu sản xuất". Những số liệu chúng tôi đã dẫn chứng về việc tư bản ngân hàng tăng, số chi điếm và chi nhánh của các ngân hàng lớn nhất tăng lên, về việc số tài khoản của các ngân hàng này tăng, v.v., đều chỉ ra cụ thể cho chúng ta thấy sự "kế toán chung" đó của *toàn bộ* giai cấp tư bản, và thậm chí không phải chỉ riêng của những nhà tư bản, vì các ngân hàng tập hợp, dù là tạm thời, đủ mọi khoản thu nhập bằng tiền của những người tiểu chủ, của những người công chức và của tầng lớp rất ít ỏi những công nhân lớp trên. Về mặt hình thức mà nói, thì sự "phân phối chung về tư liệu sản xuất" là kết quả của bước *phát triển* của các ngân hàng hiện đại, số ngân hàng đó (ở Pháp, số ngân hàng này chỉ có từ ba đến sáu, và ở Đức từ sáu đến tám) chi phối hàng tỷ. Nhưng về *nội dung*, thì sự phân phối về tư liệu sản xuất đó hoàn toàn không phải mang tính chất "chung", mà lại có tính chất riêng, nghĩa là phù hợp với quyền lợi của đại tư bản – và trước hết của tư bản lớn nhất, tư bản độc quyền – hoạt động trong hoàn cảnh quần chúng nhân dân bị ăn đói và toàn bộ sự phát triển của nông nghiệp thì lạc hậu một cách tuyệt vọng so với sự phát triển của công nghiệp, mà trong công nghiệp thì ngành "công nghiệp nặng" bắt tất cả mọi ngành công nghiệp khác phải nộp cống cho mình.

Trong việc xã hội hóa nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, các quỹ tiết kiệm và các cơ quan bưu chính bắt đầu cạnh tranh với các ngân hàng. Các quỹ tiết kiệm và các cơ quan bưu chính này là những cơ quan "phân tán" hơn, nghĩa là ảnh hưởng của những cơ quan đó lan rộng đến nhiều địa phương hơn, đến nhiều nơi hẻo lánh hơn, đến những giới dân cư đông đảo hơn. Một tiểu ban ở Mỹ đã tập hợp những số liệu so sánh sự phát triển của những số tiền gửi trong ngân hàng và trong các quỹ tiết kiệm như sau *:

*Tiền gửi (tính theo tỷ mác)*

| | Anh | | Pháp | | Đức | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | ở ngân hàng | ở quỹ tiết kiệm | ở ngân hàng | ở quỹ tiết kiệm | ở ngân hàng | ở hội tín dụng | ở quỹ tiết kiệm |
| 1880 | 8,4 | 1,6 | ? | 0,9 | 0,5 | 0,4 | 2,6 |
| 1888 | 12,4 | 2,0 | 1,5 | 2,1 | 1,1 | 0,4 | 4,5 |
| 1908 | 23,2 | 4,2 | 3,7 | 4,2 | 7,1 | 2,2 | 13,9 |

Vì phải trả cho những khoản tiền gửi một số lợi tức từ 4% đến $4^1/_4$% nên các quỹ tiết kiệm buộc phải tìm kiếm nơi đầu tư tư bản của mình "cho có lợi", phải lao mình vào những hoạt động về hối phiếu, về cầm cố, v.v.. Những ranh giới giữa ngân hàng và quỹ tiết kiệm "ngày càng mờ đi". Các phòng thương mại ở Bô-khum và ở Éc-phuya chẳng hạn, đòi phải "cấm" các quỹ tiết kiệm không được có những hoạt động có tính chất "thuần túy" ngân hàng, như việc chiết khấu các hối phiếu, và đòi phải hạn chế hoạt động "có tính chất ngân hàng" của các cơ quan bưu chính **. Những ông trùm ngân hàng hình như sợ rằng biết đâu tổ chức độc quyền của

* Số liệu của National Monetary Commission của Mỹ, trong "Die Bank"[1)], 1910, 2, tr. 1200.

** Như trên, 1913, tr.811, 1022; 1914, tr. 713.

1) Tiểu ban tiền tệ quốc gia, trong tạp chí "Ngân hàng".

nhà nước lại không lần mò đến họ từ phía không ngờ đến. Nhưng cố nhiên, mối lo ngại đó không vượt ra ngoài khuôn khổ của một sự cạnh tranh có thể nói là giữa hai người trưởng phòng cùng trong một sở. Bởi vì một mặt, chung quy *vẫn là* những tên trùm tư bản ngân hàng thực tế chi phối số tư bản hàng tỷ gửi trong các quỹ tiết kiệm; mặt khác, tổ chức độc quyền của nhà nước trong xã hội tư bản chỉ là một thủ đoạn để nâng cao và bảo đảm những khoản thu nhập của bọn triệu phú gần phá sản trong ngành công nghiệp nào đó mà thôi.

Việc chủ nghĩa tư bản mới - trong đó chế độ độc quyền giữ địa vị thống trị - thay thế chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó chế độ cạnh tranh tự do thống trị, còn được thể hiện ở chỗ tác dụng của sở giao dịch bị giảm bớt. Tạp chí "Ngân hàng" viết: "Đã từ lâu, sở giao dịch không còn là tổ chức trung gian cần thiết trong việc lưu thông, như trước kia, khi mà ngân hàng chưa có thể đem phần lớn những chứng khoán đã phát hành, để phân phối cho khách hàng của nó" *.

""Mỗi ngân hàng là một sở giao dịch": ngân hàng càng lớn bao nhiêu và sự tập trung trong hoạt động ngân hàng càng có nhiều tiến bộ bao nhiêu, thì câu danh ngôn hiện đại đó càng đúng sự thật bấy nhiêu" **. "Nếu trước kia, trong những năm 70, sở giao dịch, với những điều thái quá trong buổi thiếu thời của nó" (ám chỉ một cách "tế nhị" sự phá sản của sở giao dịch vào năm 1873[142], những vụ đầu cơ gruyn-đéc[143], v.v.), "đã mở đầu thời đại công nghiệp hóa nước Đức, thì ngày nay, các ngân hàng và công nghiệp đều có thể "tự mình xoay xở lấy" được. Sự thống trị của các ngân hàng lớn ở nước ta đối với sở giao dịch... chỉ là biểu hiện của nhà nước

* "Die Bank", 1914, I, tr. 316.

** Dr. Oscar Stillich. "Geld - und Bankwesen". Berlin, 1907, tr. 169[1)].

1) Bác sĩ Ô-xca Stin-lích. "Tiền tệ và hoạt động ngân hàng", Béc-lanh.

công nghiệp Đức được tổ chức đầy đủ. Nếu do đó mà có sự thu hẹp phạm vi tác động của các quy luật kinh tế tự động phát huy tác dụng, và có sự mở rộng hết sức phạm vi của việc điều tiết có ý thức thông qua các ngân hàng, thì điều đó cũng làm cho trách nhiệm, về mặt kinh tế quốc dân, của một số ít người lãnh đạo lại tăng lên rất nhiều". Giáo sư Đức Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ đã viết như vậy*, ông này là nhà biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc Đức, là một nhân vật có uy tín đối với bọn đế quốc tất cả các nước và cố gắng che giấu một "chi tiết nhỏ", cụ thể là: việc "điều tiết có ý thức" thông qua các ngân hàng đó biểu hiện ở chỗ một nhúm bọn độc quyền, "được tổ chức đầy đủ", đã bóc lột công chúng. Nhiệm vụ của giáo sư tư sản đó không phải là lột trần tất cả các mánh khoé và phơi bày hết thảy các ngón gian lận của bọn độc quyền ngân hàng, mà là tô điểm những cái đó.

Cả Rít-xơ, nhà kinh tế học và "nhà hoạt động" ngân hàng có uy tín hơn, cũng vậy, ông này dùng những câu trống rỗng như sau để lảng tránh những sự thật không thể nào chối cãi được: "Sở giao dịch càng ngày càng mất tính năng tuyệt đối cần thiết đối với toàn bộ nền kinh tế và đối với việc lưu thông các chứng khoán, tính năng đó là: sở giao dịch không những là một dụng cụ đo lường chính xác nhất, mà còn là một cái máy điều tiết, hầu như tự động điều tiết những sự vận động kinh tế quy tụ vào mình" **.

Nói cách khác: chủ nghĩa tư bản cũ, chủ nghĩa tư bản với chế độ cạnh tranh tự do, cùng với cái máy điều tiết tuyệt đối cần thiết đối với nó là sở giao dịch, đã lùi vào quá khứ rồi. Chủ nghĩa tư bản mới thay nó, chủ nghĩa tư bản mới này mang những nét quá độ rõ rệt, một cái gì hỗn

---

* Schulze-Gaevernitz. "Die deutsche Kreditbank" trong "Grundriβ der Sozialökonomik". Tüb., 1915, tr. 101.

**. Rít-xơ, tác phẩm đã dẫn, xuất bản lần thứ 4, tr. 629.

hợp giữa cạnh tranh tự do và độc quyền. Tự nhiên là sẽ nảy ra câu hỏi: "sự quá độ" của chủ nghĩa tư bản mới nhất ấy sẽ *dẫn đến đâu*? Nhưng câu hỏi này, các học giả tư sản lại sợ không dám đặt ra.

"Cách đây ba mươi năm, những nhà kinh doanh tự do cạnh tranh với nhau, đã làm 9/10 cái công việc kinh tế không thuộc phạm vi lao động chân tay của "công nhân". Giờ đây, thì những người *viên chức* đang làm 9/10 công việc kinh tế có tính chất trí óc ấy. Hoạt động ngân hàng đứng đầu quá trình phát triển ấy"*. Một lần nữa, lời thú nhận này của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ vẫn lại đụng đến vấn đề là xem xét sự quá độ ấy, tức là chủ nghĩa tư bản mới nhất, chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa của nó, sẽ dẫn đến đâu. – – –

Một số ít ngân hàng, do quá trình tập trung mà đứng đầu toàn bộ nền kinh tế tư bản, tự nhiên ngày càng biểu lộ và ngày càng tăng cường khuynh hướng muốn đi đến sự thỏa thuận độc quyền, đi đến thành lập *tơ-rớt các ngân hàng*. Ở Mỹ, không phải là chín mà là *hai* ngân hàng lớn nhất, của bọn tỷ phú Rốc-cơ-phen-lơ và Moóc-gan[144], chi phối số tư bản 11 tỷ mác**. Ở Đức, việc "Công ty chiết khấu" thu hút "Ngân hàng liên hợp Sáp-phơ-hau-den", mà chúng tôi đã nói ở trên, đã được tờ "Báo Phran-pho"[145], cơ quan phục vụ quyền lợi của các sở giao dịch, nhận định như sau:

"Việc các ngân hàng ngày càng tập trung làm cho con số những cơ quan mà, nói chung, người ta có thể hỏi vay được, bị giảm đi, do đó ngành công nghiệp lớn ngày càng phụ thuộc vào một số nhỏ những tập đoàn ngân hàng. Mối liên hệ chặt chẽ giữa công nghiệp và giới tài chính đã thu hẹp sự tự do hoạt động của các công ty công nghiệp cần đến vốn của ngân hàng. Cho nên, ngành công nghiệp lớn nhìn với nhiều tình

---

* Schulze - Gaevernitz. "Die deutsche Kreditbank" trong "Grundriβ der Sozialökonomik". Tüb., 1915, tr. 151.

** "Die Bank", 1912, I, tr. 435.

cảm khác nhau quá trình tơ-rớt hóa (tập hợp thành hay biến thành các tơ-rớt) các ngân hàng ngày càng tăng; thật vậy, đã nhiều lần người ta thấy rằng đã có những mầm mống thỏa thuận nào đó giữa những công-xoóc-xi-om nào đó của các ngân hàng lớn với nhau nhằm hạn chế cạnh tranh"*.

Lại một lần nữa người ta thấy rằng mức phát triển cao nhất của hoạt động ngân hàng là độc quyền.

Còn về sự liên hệ chặt chẽ giữa ngân hàng và công nghiệp, thì chính trong lĩnh vực này, vai trò mới của ngân hàng gần như được biểu hiện rõ rệt hơn cả. Nếu ngân hàng chiết khấu những hối phiếu của một nhà kinh doanh, mở cho người đó một tài khoản vãng lai, v.v. thì những hoạt động như thế, nếu kể riêng từng hoạt động, không mảy may làm giảm bớt sự độc lập của nhà kinh doanh đó, và ngân hàng vẫn không vượt quá vai trò khiêm tốn của kẻ trung gian. Nhưng nếu những hoạt động ấy cứ ngày càng nhiều và trở nên vững chắc, nếu ngân hàng "tập hợp" vào trong tay mình những số tư bản đồ sộ, nếu việc quản lý những tài khoản vãng lai của một xí nghiệp nào đó cho phép ngân hàng – và thường chính là như vậy – hiểu được tình hình kinh tế của khách hàng một cách ngày càng tỉ mỉ hơn, đầy đủ hơn, thì kết quả là nhà tư bản công nghiệp ngày càng phải hoàn toàn lệ thuộc vào ngân hàng.

Đồng thời, người ta thấy phát triển cái có thể gọi là sự liên hợp về người giữa các ngân hàng với những doanh nghiệp công thương nghiệp lớn nhất, sự hợp nhất giữa những ngân hàng này với những doanh nghiệp kia bằng cách mua cổ phần, bằng cách đưa các giám đốc ngân hàng vào trong các hội đồng giám sát (hay các ban quản trị) của các doanh nghiệp công thương nghiệp, và ngược lại. Nhà kinh tế học Đức I-ây-đen-xơ đã thu thập những số liệu hết sức tỉ mỉ về hình

---

* Dẫn theo Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ trong "Grundriβ der Sozialöko- nomik", tr. 155.

thức đó của sự tập trung tư bản và doanh nghiệp. Sáu ngân hàng lớn nhất ở Béc-lanh đã có những viên giám đốc của mình làm đại diện trong *344* công ty công nghiệp, và có những ủy viên ban quản trị của mình làm đại diện trong *407* công ty công nghiệp nữa, tức là tổng cộng trong *751* công ty. Trong *289* công ty, sáu ngân hàng nói trên đã có hai ủy viên trong các hội đồng giám sát, hoặc nắm được chức chủ tịch trong các hội đồng giám sát. Trong số những công ty công thương nghiệp đó chúng ta thấy có những ngành công nghiệp hết sức khác nhau, có cả ngành bảo hiểm, có cả ngành giao thông, có cả tiệm ăn, có cả nhà hát, có cả công nghiệp mỹ nghệ, v.v.. Mặt khác, trong các hội đồng giám sát của cũng sáu ngân hàng này đã có (năm 1910) 51 nhà kinh doanh công nghiệp lớn nhất, trong số này có viên giám đốc của hãng Krúp, giám đốc của đại công ty tầu thủy "Hapag" (Ham-burg-Amerika), v.v., v.v.. Từ năm 1895 đến 1910, mỗi một ngân hàng trong số sáu ngân hàng ấy đều đã tham gia việc phát hành các cổ phiếu và các trái khoán cho hàng trăm công ty công nghiệp, cụ thể con số những công ty đó là từ 281 đến 419 công ty*.

"Sự liên hợp về người" giữa ngân hàng với công nghiệp được bổ sung bằng "sự liên hợp về người" giữa những công ty ngân hàng và công nghiệp với chính phủ. "Những chức vụ trong các hội đồng giám sát – I-ây-đen-xơ viết – được người ta tự nguyện dành cho những nhân vật có danh tiếng, cũng như cho những cựu viên chức nhà nước, những người này có thể làm cho việc giao thiệp với các nhà đương cục được dễ dàng (!!) rất nhiều"... "Trong hội đồng giám sát của một ngân hàng lớn, người ta thường thấy có nghị viên hoặc ủy viên Hội đồng thị chính Béc-lanh".

Vậy là việc xây dựng và có thể nói việc phát triển các công ty độc quyền đại tư bản chủ nghĩa được tiến hành nhanh

---

* I-ây-đen-xơ và Rít-xơ, các tác phẩm đã dẫn.

hết sức, bằng mọi thủ đoạn "tự nhiên" và "siêu tự nhiên". Ta thấy hình thành, một cách có hệ thống, sự phân công nhất định giữa vài trăm ông vua tài chính xã hội tư bản hiện đại:

"Song song với sự mở rộng phạm vi hoạt động của các nhà công nghiệp lớn riêng lẻ" (tham dự các ban quản trị của các ngân hàng, v.v.) "và song song với việc giao cho những giám đốc ngân hàng ở các tỉnh phụ trách chỉ một khu vực công nghiệp nhất định, thì việc chuyên môn hóa những người lãnh đạo các ngân hàng lớn cũng được phát triển trên một mức độ nhất định. Việc chuyên môn hóa như thế, nói chung, chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện toàn bộ doanh nghiệp ngân hàng có quy mô lớn và, nói riêng, trong điều kiện nếu doanh nghiệp ngân hàng này có liên hệ rộng rãi trong giới công nghiệp. Sự phân công ấy được tiến hành theo hai hướng: một mặt, việc liên hệ với công nghiệp được giao toàn bộ cho một giám đốc, coi đó là công việc chuyên môn của giám đốc đó; mặt khác, mỗi giám đốc đảm đương việc giám sát riêng từng xí nghiệp hoặc các tập đoàn xí nghiệp gần gũi nhau về ngành và về quyền lợi"... (Chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới mức độ *giám sát* được một cách có tổ chức từng xí nghiệp)... "Giám đốc này thì chuyên về công nghiệp Đức, đôi khi thậm chí chỉ chuyên về công nghiệp Tây Đức thôi" (Tây Đức là bộ phận có nền công nghiệp phát triển nhất trong nước Đức); "các giám đốc khác thì chuyên liên hệ với các nước khác và với công nghiệp nước ngoài, tìm hiểu về cá nhân các nhà kinh doanh công nghiệp, v.v. , làm những công việc giao dịch, v.v.. Ngoài ra, một giám đốc của ngân hàng thường được giao cho quản lý riêng một khu vực hoặc một ngành công nghiệp riêng; người này chủ yếu làm việc trong các hội đồng giám sát của các công ty điện, người kia làm việc trong các nhà máy hóa chất, các nhà máy bia hoặc các nhà máy đường, người khác nữa lại làm việc trong một số ít xí nghiệp còn ở riêng lẻ và đồng

thời làm việc trong hội đồng giám sát của các công ty bảo hiểm... Tóm lại, không nghi ngờ gì nữa, trong các ngân hàng lớn, tùy theo quy mô hoạt động được mở rộng và tính chất nhiều vẻ trong sự hoạt động tăng lên, mà sự phân công giữa những người lãnh đạo các ngân hàng đó càng được rõ ràng hơn, nhằm mục đích (và đạt được kết quả) là nâng họ lên, có thể nói như vậy, cao hơn những hoạt động thuần túy ngân hàng một chút; làm cho họ có thêm khả năng xét đoán hơn, thông thạo hơn trong các vấn đề chung của công nghiệp và trong các vấn đề riêng của từng ngành công nghiệp khác nhau, chuẩn bị cho họ có khả năng hoạt động trong phạm vi ảnh hưởng của ngân hàng đối với công nghiệp. Ngoài phương pháp này ra, các ngân hàng còn có thêm một khuynh hướng muốn bầu vào hội đồng giám sát của ngân hàng những người hiểu biết nhiều về công nghiệp, những nhà kinh doanh, những cựu viên chức, nhất là những người đã từng làm việc trong các ngành đường sắt, hầm mỏ", v.v.*.

Trong ngành ngân hàng Pháp, chúng ta thấy cũng có những cơ quan cùng loại như thế, nhưng chỉ hơi khác một chút về hình thức. Chẳng hạn "Ngân hàng tín dụng Ly-ông", một trong ba ngân hàng lớn nhất ở Pháp, đã tổ chức cơ quan đặc biệt là "phòng thu thập tin tức tài chính" (service des études financières). Cơ quan này thường xuyên dùng hơn 50 kỹ sư, nhà thống kê, nhà kinh tế học, nhà luật học, v.v. và chi phí hàng năm từ 6 đến 7 trăm nghìn phrăng. Cơ quan này lại chia thành 8 bộ phận, bộ phận thứ nhất phụ trách thu lượm tin tức chỉ riêng về các xí nghiệp công nghiệp, bộ phận thứ hai nghiên cứu thống kê chung, bộ phận thứ ba nghiên cứu các công ty đường sắt và công ty tầu thuỷ, bộ phận thứ tư nghiên cứu tiền vốn, bộ phận thứ năm nghiên cứu các báo cáo tài chính, v.v. **.

---

* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 156-157.

** Bài của Eug. Kaufmann nói về những ngân hàng Pháp, trong tạp chí "Die Bank", 1909, 2, tr. 851 và những trang sau.

Kết quả, một mặt là có sự hợp nhất ngày càng chặt chẽ giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, hoặc như N. I. Bu-kha-rin đã nói một cách rất đạt, là có sự hòa vào nhau giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, và mặt khác là có sự phát triển của các ngân hàng thành những cơ quan thật sự có "tính chất vạn năng". Chúng tôi thấy cần dẫn ra những câu nói chính xác về vấn đề này của I-ây-đen-xơ, một tác giả đã nghiên cứu vấn đề này kỹ hơn ai hết:

"Việc nghiên cứu toàn bộ những mối liên hệ công nghiệp đưa đến kết quả là làm cho ta thấy *tính chất vạn năng* của các cơ quan tài chính hoạt động cho công nghiệp. Trái với những hình thức khác của ngân hàng, trái với những yêu cầu đôi khi đã được người ta nêu ra trên sách báo đòi ngân hàng phải chuyên môn hóa trong một lĩnh vực hoạt động hoặc trong một ngành công nghiệp nhất định để khỏi mất chỗ đứng, – các ngân hàng lớn đều cố gắng làm cho những mối liên hệ với các xí nghiệp công nghiệp trở nên hết sức nhiều vẻ về phương diện nơi sản xuất và loại hàng sản xuất, cố gắng xóa bỏ những hiện tượng phân phối tư bản không đều nhau giữa các địa phương hoặc giữa các ngành công nghiệp khác nhau, những hiện tượng nảy sinh ra từ lịch sử phát triển của các xí nghiệp". "Một xu hướng muốn làm cho sự liên hệ với công nghiệp trở thành một hiện tượng chung, một xu hướng khác lại muốn làm cho sự liên hệ ấy được vững chắc và ngày càng được tăng cường; cả hai xu hướng này đều đã được thực hiện trong sáu ngân hàng lớn, tuy chưa đầy đủ nhưng với một quy mô đáng kể và với một mức độ ngang nhau".

Người ta vẫn thường nghe thấy các giới công thương nghiệp phàn nàn về "sự khủng bố" của ngân hàng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi những lời phàn nàn ấy được thốt ra vào lúc các ngân hàng lớn "chỉ huy" theo cách mà một ví dụ dưới đây sẽ chỉ rõ. Ngày 19 tháng Mười một 1901, một trong những ngân hàng mà người ta gọi là ngân hàng *d* ở Béc-lanh (tức là bốn ngân hàng lớn nhất, tên gọi của các

ngân hàng này đều bắt đầu bằng chữ *d)* đã gửi cho ban quản trị của Xanh-đi-ca xi-măng miền Trung-Tây-Bắc nước Đức bức thư sau đây: "Theo thông báo mà các ngài đăng ngày 18 tháng này, trong một tờ báo nọ, thì thấy rõ rằng chúng tôi sẽ phải tính đến khả năng là kỳ hội nghị chung sắp tới của xanh-đi-ca các ngài, định họp vào ngày 30 này, sẽ có những quyết định có thể dẫn đến những thay đổi trong doanh nghiệp của các ngài, không thích hợp với chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi rất lấy làm tiếc rằng chúng tôi buộc lòng sẽ phải thôi không cấp cho các ngài khoản tín dụng mà trước kia vẫn cấp cho các ngài... Nhưng nếu hội nghị nói trên không thông qua những quyết định không thích hợp với chúng tôi và nếu trong tương lai chúng tôi có được những bảo đảm thích đáng về mặt này, thì chúng tôi tuyên bố sẵn sàng thương lượng với các ngài để mở một khoản tín dụng mới"*.

Thực chất, đó cũng lại là sự phàn nàn của tư bản nhỏ về sự áp bức của tư bản lớn, nhưng lần này thì cả một xanh-đi-ca bị rơi xuống hàng những "tư bản nhỏ"! Cuộc đấu tranh xưa kia giữa tư bản nhỏ và tư bản lớn lại tái diễn trên một mức độ phát triển mới, vô cùng cao hơn. Cố nhiên, do nắm trong tay hàng nghìn triệu, các ngân hàng lớn cũng có khả năng thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật bằng những thủ đoạn mà những phương tiện trước kia không thể bì nổi. Chẳng hạn, các ngân hàng lập ra những hội chuyên nghiên cứu kỹ thuật, mà kết quả của những công trình nghiên cứu kỹ thuật, thì cố nhiên chỉ có những xí nghiệp công nghiệp "bạn" mới được hưởng. Thuộc vào số những hội này có "Hội nghiên cứu vấn đề đường sắt chạy điện", "Cục trung ương nghiên cứu khoa học - kỹ thuật", v.v..

Bản thân những người lãnh đạo các ngân hàng lớn cũng không thể không thấy rằng trong nền kinh tế quốc dân hiện

* Dr. Oscar Stillich. "Geld-und Bankwesen". Berlin, 1907, tr. 147.

đang hình thành những điều kiện mới, nhưng họ bất lực trước những điều kiện đó:

"Trong những năm gần đây – I-ây-đen-xơ viết – ai mà quan sát sự thay đổi những người giữ chức giám đốc và những ủy viên các hội đồng giám sát của các ngân hàng lớn, thì người đó không thể không thấy rằng quyền bính dần dần đã chuyển qua tay những người nào coi việc can thiệp tích cực vào sự phát triển chung của công nghiệp là một nhiệm vụ cần thiết và ngày càng khẩn cấp của các ngân hàng lớn, và đồng thời giữa những người này và các giám đốc cũ của các ngân hàng đã nảy ra những bất đồng trong quan hệ nghiệp vụ và thường cả trong quan hệ cá nhân nữa. Về thực chất thì vấn đề là ở chỗ phải xem các ngân hàng, với tư cách là những cơ quan tín dụng, có vì can thiệp như thế vào quá trình sản xuất công nghiệp mà bị tổn thất không; xem những ngân hàng đó có hy sinh hay không những nguyên tắc vững chắc và một khoản lời chắc chắn cho một hoạt động không dính dáng gì đến vai trò làm trung gian trong việc cấp tín dụng, và đưa ngân hàng đến một lĩnh vực trong đó nó phải chịu, nhiều hơn trước kia, sự chi phối mù quáng của tình hình công nghiệp. Nhiều người trong số các nhà lãnh đạo cũ của ngân hàng đều nói như thế, nhưng phần lớn các nhà lãnh đạo trẻ tuổi lại xem việc can thiệp tích cực vào những vấn đề của công nghiệp là một tất yếu cũng giống như sự tất yếu đã làm nảy sinh ra cả những ngân hàng lớn và doanh nghiệp ngân hàng công nghiệp mới nhất, song song với sự phát triển của công nghiệp lớn hiện đại. Cả hai bên đều chỉ đồng ý với nhau trên một điểm là: trong hoạt động mới của các ngân hàng lớn, không có những nguyên tắc vững chắc được, cũng như không có mục đích cụ thể được"*.

Chủ nghĩa tư bản cũ đã lỗi thời rồi. Chủ nghĩa tư bản mới là một bước quá độ sang một cái gì đó. Tìm "những

---

* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 183-184.

nguyên tắc vững chắc và một mục đích cụ thể" để "điều hoà" độc quyền với cạnh tranh tự do, thì đó dĩ nhiên là một việc vô hy vọng. Những lời thú nhận của các nhà thực tiễn không giống một chút nào với những lời tán dương quan phương của bọn bênh vực chủ nghĩa tư bản, như Sun-txê- Ghê-véc-ni-txơ, Líp-man và các "nhà lý luận" loại đó vẫn tán dương những điều tuyệt mỹ của chủ nghĩa tư bản "có tổ chức"[146].

"Hoạt động mới" của các ngân hàng lớn được xác lập một cách dứt khoát chính vào thời kỳ nào? Về câu hỏi quan trọng này, ta thấy I-ây-đen-xơ trả lời khá chính xác:

"Với tính cách là hiện tượng tiêu biểu của nền kinh tế quốc dân, những mối liên hệ giữa các xí nghiệp công nghiệp, với nội dung mới, với hình thức mới, với những cơ quan mới của những mối liên hệ đó, tức là những ngân hàng lớn được tổ chức một cách vừa tập trung đồng thời vừa phân tán, - đã hình thành chưa chắc có phải trước những năm 1890; theo một ý nghĩa nào đó, người ta thậm chí có thể đặt khởi điểm ấy vào trước năm 1897 là năm có những sự "hợp nhất" lớn giữa các xí nghiệp, những sự hợp nhất này, vì những lý do thuộc về chính sách công nghiệp của các ngân hàng, mà lần đầu tiên đã áp dụng hình thức mới về tổ chức phân tán. Có lẽ có thể đặt khởi điểm đó vào một thời gian muộn hơn nữa, vì chỉ có cuộc khủng hoảng năm 1900 mới thúc đẩy hết sức nhanh chóng quá trình tập trung trong công nghiệp, cũng như trong ngành ngân hàng, mới củng cố vững chắc quá trình đó, và lần đầu tiên mới biến những mối quan hệ với công nghiệp thành sự độc quyền thật sự của các ngân hàng lớn, làm cho những quan hệ đó được chặt chẽ hơn và tăng cường hơn trước rất nhiều"*.

Như vậy là thế kỷ XX đánh dấu một bước ngoặt từ chủ nghĩa tư bản cũ sang chủ nghĩa tư bản mới, từ sự thống trị của tư bản nói chung sang sự thống trị của tư bản tài chính.

---

* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 181.

## III. TƯ BẢN TÀI CHÍNH VÀ BỌN ĐẦU SỎ TÀI CHÍNH

Hin-phéc-đinh viết: "Một bộ phận ngày càng lớn của tư bản công nghiệp không thuộc về các nhà kinh doanh công nghiệp vẫn sử dụng nó. Những người này chỉ có thông qua ngân hàng mới sử dụng được tư bản, và đối với họ ngân hàng là những người sở hữu tư bản đó. Mặt khác, ngay ngân hàng cũng bắt buộc phải bỏ một bộ phận tư bản ngày càng lớn của nó vào công nghiệp. Nhờ đó ngân hàng, với mức độ luôn luôn tăng lên, trở thành nhà tư bản công nghiệp. Tư bản ngân hàng ấy - tức là tư bản dưới dạng tiền - qua đó trên thực tế đã biến thành tư bản công nghiệp, tôi gọi nó là tư bản tài chính". "Tư bản tài chính là tư bản do ngân hàng chi phối và do các nhà công nghiệp sử dụng"*.

Định nghĩa này chưa đầy đủ, vì nó không chỉ rõ một trong những yếu tố quan trọng nhất, cụ thể là sự tập trung sản xuất và tư bản đã phát triển mạnh đến nỗi đang và đã dẫn đến độc quyền. Nhưng nói chung, toàn bộ sự trình bày của Hin-phéc-đinh và nói riêng hai chương trước, chương mà chúng tôi rút ra định nghĩa đó, đều nhấn mạnh vai trò của các *tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa*.

Sự tập trung sản xuất, các tổ chức độc quyền sinh ra từ sự tập trung đó; sự hợp nhất hay sự hòa vào nhau giữa ngân hàng và công nghiệp - đó là lịch sử phát sinh của tư bản tài chính và là nội dung của khái niệm tư bản tài chính.

Giờ đây, chúng ta cần chuyển qua việc mô tả để thấy rõ, trong hoàn cảnh chung của nền sản xuất hàng hóa và của chế độ tư hữu, sự "lộng hành" của các tổ chức độc quyền tư bản tất nhiên trở thành sự thống trị của một bọn đầu sỏ tài chính. Chúng tôi xin nêu rõ là những người đại biểu cho

* R. Hin-phéc-đinh. "Tư bản tài chính". M., 1912, tr. 338-339.

khoa học tư sản Đức - và không phải chỉ đại biểu cho khoa học Đức không thôi - như Rít-xơ, Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, Líp-man, v.v., đều hoàn toàn là những kẻ bênh vực chủ nghĩa đế quốc và tư bản tài chính. Họ không vạch trần "cách thức" hình thành ra bọn đầu sỏ tài chính ấy, các phương pháp của chúng, quy mô của những món thu nhập "lương thiện và không lương thiện" của chúng, những liên hệ của chúng với các nghị viện, v.v. và v.v. , mà lại che giấu và tô điểm cho những cái đó. Đối với những "vấn đề đáng nguyền rủa" thì họ lẩn tránh bằng những lời vừa ra vẻ quan trọng, vừa tối tăm, bằng những lời kêu gọi "tinh thần trách nhiệm" của các giám đốc ngân hàng, bằng lời ca tụng "tinh thần vì nghĩa vụ" của người viên chức Phổ, bằng cách phân tích nghiêm chỉnh những điều vụn vặt trong các dự luật hoàn toàn không nghiêm chỉnh về "sự giám sát" và "quy chế ", bằng trò chơi những câu lý luận rỗng tuếch, chẳng hạn như câu định nghĩa có tính chất "khoa học" dưới đây mà giáo sư Líp-man đã viết ra: "**... thương mại là một hoạt động kinh doanh thu nhận những của cải, bảo quản và trao những của cải đó vào tay người sử dụng**"* (chữ in đậm nét là ở trong tác phẩm của vị giáo sư đó)... Vậy là thương mại đã có từ hồi con người nguyên thủy chưa biết trao đổi, và thương mại sẽ tồn tại cả trong xã hội xã hội chủ nghĩa!

Nhưng những sự thật quái dị về sự thống trị quái dị của bọn đầu sỏ tài chính đã quá rõ ràng đến nỗi trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, ở Mỹ cũng như ở Pháp, ở Đức, đã xuất hiện những sách báo, tuy là đứng trên quan điểm *tư sản*, nhưng cũng vẽ lên được một bức tranh gần xác thực và cũng đã phê phán - cố nhiên là phê phán theo kiểu tiểu thị dân - bọn đầu sỏ tài chính.

"Chế độ tham dự" mà chúng tôi đã nói sơ qua ở trên, phải được coi là điều quan trọng nhất. Sau đây là sự mô tả

---

* R. Liefmann, tác phẩm đã dẫn, tr. 476.

về thực chất vấn đề đó của nhà kinh tế học Đức Hai-man, có lẽ là người đầu tiên đã chú ý đến vấn đề đó:

"Người lãnh đạo đứng ra kiểm soát công ty gốc (theo đúng chữ là "công ty mẹ"); công ty gốc lại chi phối các công ty phụ thuộc vào nó (các "công ty con"); các công ty con này lại chi phối các "công ty cháu", v.v.. Như vậy không cần có một số tư bản thật rất lớn mà người ta vẫn có thể chi phối được những lĩnh vực sản xuất rất lớn. Thật thế, nếu có 50% tổng số tư bản là luôn luôn đủ để kiểm soát một công ty cổ phần, thì người lãnh đạo chỉ cần có 1 triệu là có thể kiểm soát được tư bản 8 triệu trong các "công ty cháu". Và nếu lối "tổ chức móc xích" ấy cứ phát triển lên, thì với 1 triệu, người ta có thể kiểm soát được 16 triệu, 32 triệu, v.v."*.

Trên thực tế, kinh nghiệm chứng tỏ rằng chỉ cần có 40% số cổ phiếu cũng đủ để chi phối công việc của một công ty cổ phần**, vì một số nào đó những cổ đông nhỏ ở rải rác, thực tế họ không có một khả năng nào để tham dự các hội nghị chung, v.v.. Sự "dân chủ hóa" việc sở hữu cổ phiếu, mà bọn ngụy biện tư sản và bọn cơ hội cũng tự xưng là "những người dân chủ - xã hội" đang hy vọng (hoặc đang quả quyết rằng chúng hy vọng) là sẽ dẫn đến chỗ "dân chủ hóa tư bản", tăng cường vai trò và ý nghĩa của sản xuất nhỏ, v.v., - thật ra chỉ là một trong những phương pháp tăng thêm uy lực cho bọn đầu sỏ tài chính[147]. Vì thế trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến hơn hay kỳ cựu và "có kinh nghiệm" hơn, thì pháp luật cho phép phát hành những cổ phiếu nhỏ. Ở Đức, theo luật pháp, giá một cổ phiếu không được dưới 1 000 mác, nên bọn trùm tài chính Đức nhìn nước Anh bằng con mắt ghen tị, vì ở đấy luật pháp cho phép phát hành những cổ phiếu trị giá 1 li-vrơ xtéc-linh

---

*Hans Gideon Heymann. "Die gemischten Werke im deutschen Groβeisengewerbe". St. 1904, tr. 268-269.

** Liefmann, "Beteiligungsges. etc.", tr.258, xuất bản lần thứ nhất.

( = 20 mác, gần 10 rúp). Xi-men-xơ, một trong số những nhà công nghiệp lớn nhất và một trong "những ông vua tài chính" ở Đức, ngày 7 tháng Sáu 1900, đã tuyên bố trước Quốc hội Đức rằng "cổ phiếu trị giá 1 li-vrơ xtéc-linh là cơ sở của chủ nghĩa đế quốc Anh"*. Nhà buôn này quan niệm về chủ nghĩa đế quốc một cách rõ ràng sâu sắc hơn, "mác-xít" hơn là tác giả bất lịch sự nọ, một người được coi là người sáng lập ra chủ nghĩa Mác ở Nga[148], mà lại cho rằng chủ nghĩa đế quốc là một đặc tính xấu của một dân tộc nào đó...

Nhưng "chế độ tham dự" không phải chỉ dùng để làm cho quyền lực của bọn độc quyền hết sức tăng lên mà thôi, ngoài ra nó còn cho phép làm những việc đen tối bẩn thỉu đủ loại và cho phép vơ vét của công chúng mà không bị trừng phạt gì cả, bởi vì về phương diện chính thức, theo pháp luật, thì bọn lãnh đạo "công ty mẹ" không chịu trách nhiệm về "công ty con", vì "công ty con" được coi như "độc lập", và *thông qua* công ty con này, chúng có thể "làm" *bất cứ cái gì* cũng được. Dưới đây là một ví dụ mà chúng tôi rút trong tạp chí "Ngân hàng" ở Đức, số ra tháng Năm 1914:

""Công ty cổ phần sản xuất thép lò xo" ở Cát-xen, trước đây vài năm vẫn còn được coi là một trong những doanh nghiệp Đức có nhiều thu nhập hơn cả. Vì quản lý kém nên lợi tức cổ phần của nó từ 15% tụt xuống 0%. Sở dĩ như vậy là vì ban giám đốc, không cho các cổ đông biết, đã cho một trong những "công ty con" của nó, công ty "Hát-xi-a", mà số tư bản danh nghĩa chỉ có vài chục vạn mác thôi, vay *6 triệu mác*. Trong bảng cân đối của "công ty mẹ" không hề nói gì đến khoản cho vay đó, khoản cho vay này lớn gần gấp ba tư bản cổ phần của "công ty mẹ"; đứng về pháp lý mà nói, thì việc lờ đi như thế vẫn hoàn toàn hợp pháp, và có thể lờ đi như thế trong hai năm trường vì làm như vậy vẫn không phạm một điều nào của thương luật. Viên chủ

* Schulze - Gaevernitz trong "Grdr. d. S. - Oek.", V, 2, tr. 110.

tịch hội đồng giám sát, với tư cách là người có trách nhiệm, đã ký vào các bảng cân đối giả đó, trước đây và hiện nay viên đó vẫn làm chủ tịch phòng thương mại Cát-xen. Chỉ mãi rất lâu về sau, các cổ đông mới biết về việc cho công ty "Hát-xi-a" vay tiền đó khi mà việc này được xác nhận là sai lầm..." (đáng lẽ tác giả phải để danh từ này trong ngoặc kép mới phải)... "và khi các cổ phiếu của "công ty thép lò xo" đã bị hạ giá gần 100% vì bị những người đã rõ chuyện đem bán tống bán tháo đi...

*Ví dụ điển hình này về cái trò xiếc với các bảng cân đối, cái trò xiếc thông thường nhất* trong các công ty cổ phần, giải thích cho ta hiểu vì sao ban quản trị các công ty đó lại dám làm những việc mạo hiểm một cách dễ dãi hơn rất nhiều so với những nhà kinh doanh riêng. Kỹ thuật hiện đại về cách lập bảng cân đối chẳng những đã giúp cho các ban đó che mắt các cổ đông hạng trung không thấy được những việc mạo hiểm, mà còn cho phép những đương sự chính trốn tránh được trách nhiệm trong trường hợp cuộc thí nghiệm bị thất bại, bằng cách bán kịp thời các cổ phiếu của mình, còn nhà kinh doanh riêng thì bản thân phải chịu trách nhiệm về tất cả những việc mình làm...

Các bảng cân đối của nhiều công ty cổ phần giống những bản thoái tích thời trung cổ, trong đó trước hết người ta phải cạo lớp chữ rõ đi đã, rồi mới có thể tìm thấy những chữ nói lên nội dung thật sự của tài liệu" (thoái tích là bản giấy da trên đó người ta đã xóa lớp chữ gốc, để viết đè lên một lớp chữ mới).

"Phương pháp giản đơn nhất và, do đó, được dùng nhiều nhất để làm cho các bảng cân đối trở nên không thể hiểu được, là ở chỗ chia một doanh nghiệp thống nhất ra thành mấy bộ phận, bằng cách thành lập hay cho sáp nhập các "công ty con". Đứng trên giác độ những mục đích khác nhau - hợp pháp hay không hợp pháp - mà xét thì phương pháp đó đều có lợi rõ rệt đến nỗi ngày nay trường hợp những công

ty lớn không theo phương pháp đó chỉ là trường hợp thật sự ngoại lệ"*.

Tác giả dẫn ra "Tổng công ty điện khí" nổi tiếng (A.E.G., mà sau này chúng tôi sẽ còn nói đến) làm ví dụ về một công ty loại lớn nhất và độc quyền, đã áp dụng hết sức rộng rãi phương pháp đó. Năm 1912, người ta tính rằng công ty đó đã tham dự vào *175-200* công ty khác, cố nhiên là nó thống trị các công ty đó, và tổng cộng nắm được một số tư bản khoản I 1/2 *tỷ mác* **.

Tất cả những quy tắc về kiểm soát, về công bố các bảng cân đối, về việc lập một công thức rõ ràng cho những bảng cân đối đó, về việc thiết lập sự giám sát, v.v., những cái mà các giáo sư và các quan chức có thiện ý - tức là thiện ý bảo vệ và tô điểm chủ nghĩa tư bản - đưa ra để lưu ý công chúng, - đều chẳng có ý nghĩa gì cả. Vì quyền tư hữu là quyền thiêng liêng, người ta không thể ngăn cấm một ai mua, bán, trao đổi, cầm cố các cổ phần, v.v..

Để xét xem "chế độ tham dự" trong các ngân hàng lớn ở Nga phát triển đến quy mô nào, thì có thể căn cứ vào những số liệu do Ê. A-gát cung cấp, ông này là một viên chức đã làm việc 15 năm ở Ngân hàng Nga - Trung, và hồi tháng Năm 1914 đã xuất bản một tác phẩm mà nhan đề có phần không hoàn toàn chính xác: "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới"***. Tác giả chia các ngân hàng lớn ở

---

* L. Eschwege. "Tochtergesellschaften", "Die, Bank", 1914, I, tr. 545[1].

** Kurt Heinig. "Der Weg des Elektrotrusts", "Neue Zeit", 1912, 30. Jahrg., 2, tr. 484[2].

*** E. Agahd, "Grobbanken und Weltmarkt. Die wirtchaftliche und politische Bedeutung der Grobbanken im Weltmarkt unter Berücksich -

---

1) L. E-svê-ghê. "Các công ty con", tạp chí "Ngân hàng".

2) Cuốc-tơ Hai-ních. "Con đường của tơ-rớt điện", tạp chí "Thời mới", 1912, năm xuất bản thứ 30.

Nga thành hai nhóm cơ bản: a) những ngân hàng hoạt động theo "chế độ tham dự " và b) những ngân hàng "độc lập" (tuy nhiên tác giả đã tùy tiện hiểu "độc lập" đây là độc lập đối với các ngân hàng *nước ngoài* ) ; nhóm ngân hàng thứ nhất, tác giả lại chia làm ba nhóm nhỏ: 1) có người Đức tham dự, 2) có người Anh tham dự và 3) có người Pháp tham dự, nghĩa là ý nói có "sự tham dự " và thống trị của các ngân hàng lớn nhất của mỗi nước nói trên. Tác giả chia các tư bản ngân hàng thành tư bản đầu tư để "sản xuất" (đầu tư vào thương mại và công nghiệp) và tư bản để "đầu cơ" (dành cho những hoạt động của sở giao dịch và các hoạt động tài chính), và do quan điểm cải lương - tiểu tư sản vốn có của mình, nên tác giả cho rằng trong điều kiện duy trì chế độ tư bản, có thể tách loại đầu tư thứ nhất khỏi loại thứ hai và có thể thủ tiêu loại thứ hai.

Dưới đây là số liệu của tác giả (xem bảng tr. 444. *BT.):*

Như vậy, theo những số liệu kể trên, thì trong số gần 4 tỷ rúp tư bản "hoạt động" của các ngân hàng lớn, *có hơn* 3/4, tức là hơn 3 tỷ, thuộc về những ngân hàng thật ra chỉ là những "công ty con" của các ngân hàng nước ngoài, trước tiên là của các ngân hàng ở Pa-ri (thuộc bộ ba nổi tiếng sau đây: "Liên hiệp ngân hàng Pa-ri", "Ngân hàng Pa-ri và Hà-lan", "Tổng công ty") và của các ngân hàng ở Béc-lanh (nhất là "Ngân hàng Đức" và "Công ty chiết khấu"). Hai ngân hàng lớn nhất ở Nga là "Ngân hàng Nga" ("Ngân hàng ngoại thương Nga") và "Ngân hàng quốc tế " ("Ngân hàng thương mại quốc tế ở Xanh Pê-téc-bua"), từ năm 1906 đến 1912, đã

---

Tiung ihres Einflusses auf Runβlands Volkswirtschaft nud die deutsh - russischen Beziehungen". Berl., 1914[1].

---

1) Ê. A-gát. "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới. Ý nghĩa kinh tế và chính trị của những ngân hàng lớn trên thị trường thế giới xét về mặt ảnh hưởng của chúng đối với nền kinh tế quốc dân của Nga và quan hệ Đức - Nga". Béc-lanh.

*Số có của các ngân hàng (theo các báo cáo tháng Mười - tháng Mười một 1913) tính theo triệu rúp*

| Các nhóm ngân hàng Nga: | Tư bản đầu tư<br>để sản xuất | <br>để đầu cơ | <br>cộng |
|---|---|---|---|
| a 1) 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri, Ngân hàng Nga, Ngân hàng quốc tế, Ngân hàng chiết khấu..... ........................ | 413,7 | 859,1 | 1 272,8 |
| a 2) 2 ngân hàng: Ngân hàng công thương nghiệp, Ngân hàng Nga-Anh....................... | 239,3 | 169,1 | 408,4 |
| a 3) 5 ngân hàng: Ngân hàng Nga - Á, Ngân hàng tư nhân ở Xanh Pê-téc-bua, Ngân hàng A-dốp - Đôn, Liên hợp ngân hàng Mát-xcơ-va, Ngân hàng thương mại Nga - Pháp..... ............................................... | 711,8 | 661,2 | 1 373,0 |
| (II Ngân hàng) *Cộng*...... a) = | 1 364,8 | 1 689,4 | 3 054,2 |
| b) 8 ngân hàng: Ngân hàng thương nhân Mát-xcơ-va, Ngân hàng Vôn-ga - Ca-ma, Ngân hàng Gioong-ke và công ty, Ngân hàng thương mại Xanh Pê-téc-bua (nguyên là Va-ven-béc), Ngân hàng Mát-xcơ-va (nguyên là của Ri-a-bu-sin-xki), Ngân hàng chiết khấu Mát-xcơ-va, Ngân hàng thương mại Mát-xcơ-va và Ngân hàng tư nhân Mát-xcơ-va...... ................................................ | 504,2 | 391,1 | 895,3 |
| (19 ngân hàng) *Cộng*..... ........... | 1 869,0 | 2 080,5 | 3 949,5 |

tăng số tư bản lên từ 44 đến 98 triệu rúp, và số tư bản dự trữ lên từ 15 đến 39 triệu, "mà 3/4 số tư bản kinh doanh là dùng tư bản của Đức"; ngân hàng thứ nhất thuộc "công xoóc-xi-om" của "Ngân hàng Đức" ở Béc-lanh và ngân hàng thứ hai thuộc "công xoóc-xi-om" của "Công ty chiết khấu" ở Béc-lanh. Ông A-gát hiền lành hết sức phẫn nộ thấy đa số các cổ phần đã bị các ngân hàng Béc-lanh nắm giữ cả, khiến những cổ

đông người Nga bị bất lực. Và cố nhiên là nước nào xuất khẩu tư bản thì nước đó kiếm được phần béo bở hơn: ví dụ như "Ngân hàng Đức" ở Béc-lanh, trong khi phát hành ở Béc-lanh những cổ phiếu của Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri, thì nó đã găm các cổ phiếu đó trong túi mình một năm và sau đó mới đem ra bán theo giá 193%, nghĩa là gần gấp đôi; như thế là nó đã "kiếm được" một số lãi gần 6 triệu rúp mà Hin-phéc-đinh gọi là "tiền lời sáng lập".

Tác giả ước lượng toàn bộ "thực lực" của các ngân hàng lớn nhất ở Pê-téc-bua là 8 235 triệu rúp, tức là gần $8^{1}/_{4}$ tỷ; còn về việc "tham dự", hay nói cho đúng hơn, về sự thống trị của các ngân hàng nước ngoài, thì ông ta phân định theo tỷ lệ như sau: các ngân hàng của Pháp - 55%; của Anh - 10%; của Đức - 35%. Theo sự tính toán của tác giả, trong số 8 235 triệu này, thì 3 687 triệu tư bản hoạt động, tức là già 40% thuộc về các xanh-đi-ca: Prô-đu-gôn, Prô-đa-mết, xanh-đi-ca dầu lửa, luyện kim và xi-măng. Vậy là nhờ có sự hình thành các công ty tư bản độc quyền, nên sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, cả ở Nga cũng đã có những bước tiến lớn[149].

Tư bản tài chính, tập trung vào một số ít người và thực tế chiếm địa vị độc quyền, đã thu được những món lời rất lớn và ngày càng tăng lên, trong việc sáng lập các công ty, phát hành các chứng khoán, công trái quốc gia, v.v., và đã củng cố sự thống trị của bọn đầu sỏ tài chính và bắt toàn thể xã hội phải nộp cống cho bọn độc quyền. Dưới đây là một trong vô số ví dụ mà Hin-phéc-đinh đã dẫn ra, về lối "kinh doanh" của những tơ-rớt Mỹ: năm 1887, nhờ việc hợp nhất 15 công ty nhỏ với số tư bản chung là 6 1/2 triệu đô-la, ông Ha-vê-mai-ơ đã sáng lập ra tơ-rớt đường. Nhờ đã "pha thêm" – đấy là nói theo lối Mỹ – nên số tư bản của tơ-rớt này được coi là 50 triệu đô-la. "Đưa tư bản lên gấp bội" như thế là người ta đã tính toán trước những khoản lợi nhuận độc quyền trong tương lai, cũng như tơ-rớt thép – cũng vẫn

ở Mỹ – tính toán trước những khoản lợi nhuận độc quyền trong tương lai cho nên đã mua ngày càng nhiều vùng đất có mỏ sắt. Quả vậy, tơ-rớt đường đã quy định những giá cả độc quyền làm cho nó có được những khoản thu nhập đủ để có thể trả 10% lợi tức cổ phần cho số tư bản đã "pha thêm" gấp *bảy lần*, tức là *trả gần 70% cho số tư bản thực tế bỏ ra khi sáng lập tơ-rớt!* Năm 1909, tư bản của tơ-rớt này đã lên tới 90 triệu đô-la. Trong hai mươi hai năm, tư bản đó đã tăng quá mười lần.

Ở Pháp, sự thống trị của "bọn đầu sỏ tài chính" ("Chống bọn đầu sỏ tài chính ở Pháp" - đó là nhan đề cuốn sách nổi tiếng của Ly-dít, xuất bản lần thứ năm, năm 1908) chỉ mang một hình thức hơi khác thôi. Bốn ngân hàng lớn nhất hưởng "độc quyền" không phải tương đối mà là "tuyệt đối" trong việc phát hành các chứng khoán. Thực tế, đó là một "tơ-rớt các ngân hàng lớn". Và do có độc quyền mà tơ-rớt này có được những lợi nhuận độc quyền trong khi phát hành các chứng khoán. Nước đi vay thường không nhận được quá 90% tổng số tiền vay, vì 10% là rơi vào tay các ngân hàng và những trung gian khác. Tiền lãi của các ngân hàng về khoản 400 triệu phrăng công trái Nga - Trung là 8%, về khoản 800 triệu công trái Nga (năm 1904) là 10%, về khoản 62 1/2 triệu phrăng công trái Ma-rốc (năm 1904) là 18 3/4%. Chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu bước phát triển của nó với tư bản cho vay nặng lãi quy mô nhỏ, thì nay nó kết thúc bước phát triển đó với tư bản cho vay nặng lãi quy mô rất lớn. "Người Pháp - Ly-dít nói - là những người cho vay nặng lãi ở châu Âu". Do sự thoái hóa đó của chủ nghĩa tư bản, mà tất cả các điều kiện của đời sống kinh tế đều thay đổi sâu sắc. Ngay cả trong lúc dân số không tăng lên và công nghiệp, thương mại cùng với ngành vận tải đường biển lâm vào tình trạng tiêu điều, thì "nước nhà" vẫn có thể làm giàu bằng lối cho vay nặng lãi. "Năm mươi người, đại biểu cho một số tư bản 8 triệu phrăng có thể chi phối *hai tỷ*

phrăng trong 4 ngân hàng". Chế độ "tham dự", mà chúng ta đã rõ, cũng dẫn đến cùng một kết quả như vậy: "Tổng công ty" (Société Générale), một trong những ngân hàng lớn nhất, phát hành 64 000 trái khoán của "công ty con" tên là "Xưởng sản xuất đường miếng ở Ai - cập". Giá trái khoán lúc phát hành là 150%, tức là cứ một rúp thì ngân hàng kiếm lời được 50 cô-pếch. Sự thật thì số lợi tức cổ phần của công ty ấy là giả mạo, và "công chúng" đã mất từ 90 tới 100 triệu phrăng; "một trong những giám đốc của "Tổng công ty" là ủy viên ban quản trị của "Xưởng sản xuất đường miếng ở Ai- cập"". Không có gì đáng ngạc nhiên cả nếu tác giả buộc phải kết luận rằng: "nước cộng hòa Pháp là một nước quân chủ về tài chính"; "bọn đầu sỏ tài chính hoàn toàn thống trị, chúng thống trị cả báo chí, cả chính phủ"*.

Tính chất sinh lợi đặc biệt của việc phát hành chứng khoán, một trong những hoạt động chủ yếu của tư bản tài chính, đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát triển và củng cố bọn đầu sỏ tài chính. Tạp chí "Ngân hàng"** Đức viết: "Trong nước không có một công việc kinh doanh nào có thể mang lại được, dù chỉ xấp xỉ thôi, những lợi nhuận cao như việc đứng làm trung gian để phát hành công trái cho nước ngoài".

"Không có một hoạt động ngân hàng nào có thể đem lại những lợi nhuận cao như việc phát hành chứng khoán". Theo số liệu của "Nhà kinh tế học Đức", thì lợi nhuận đã thu

---

* Lysis. "Contre l'oligarchie financière en France". 5 éd., P., 1908, pp. II, 12, 26, 39, 40, 48[1)].

** "Die Bank", 1913, N<u>o</u> 7, S. 630.

---

1) Li-dít. "Chống bọn đầu sỏ tài chính ở Pháp". Xuất bản lần thứ 5, Pa-ri, 1908, tr. 11, 12, 26, 39, 40, 48.

được trong việc phát hành chứng khoán của các xí nghiệp công nghiệp, tính trung bình hàng năm là:

| | |
|---|---|
| 1895 - 38,6% | 1898 - 67,7% |
| 1896 - 36,1% | 1899 - 66,9% |
| 1897 - 66,7% | 1900 - 55,2% |

"Trong mười năm, từ 1891 đến 1900, việc phát hành chứng khoán công nghiệp ở Đức đã làm cho người ta "kiếm được" *hơn một tỷ* "*.

Nếu trong thời kỳ công nghiệp phồn vinh, tư bản tài chính thu được những món lợi nhuận vô cùng to lớn, thì trong thời kỳ suy sụp, những xí nghiệp nhỏ và những xí nghiệp không vững chắc bị tiêu vong đi, còn các ngân hàng lớn thì "tham dự" vào việc mua các xí nghiệp đó với giá rẻ mạt, hoặc "tham dự" vào những việc "hồi phục" và "cải tổ" có lời. Trong việc "hồi phục" những xí nghiệp thua lỗ, thì "tư bản cổ phần bị giảm xuống, nghĩa là số thu nhập được đem phân phối theo số tư bản ít hơn trước, và về sau, cứ căn cứ vào đó mà tính toán. Hoặc giả, nếu không sinh lợi được nữa, thì người ta lại thu hút tư bản mới; tư bản này, hợp vào tư bản cũ sinh lợi ít hơn, sẽ mang lại một khoản thu nhập khá lớn. Nhân đây cũng nên nói rằng – Hin-phéc-đinh nói thêm – tất cả những việc hồi phục và cải tổ ấy đều có hai ý nghĩa đối với các ngân hàng: thứ nhất, đó là một việc làm có lời và, thứ hai, là một cơ hội thuận lợi để bắt các công ty bị túng quẫn ấy lệ thuộc vào mình" **.

Một ví dụ: công ty mỏ cổ phần "Liên hợp" ở Đoóc-mun, sáng lập năm 1872, đã phát hành cổ phiếu cho số tư bản cổ phần gần 40 triệu mác; sau khi đã trả năm đầu 12% lợi tức

* Stillich, tác phẩm đã dẫn, tr. 143 và W. Sombart. "Die deutsche Volkswirtschaft im 19. Jahrhundert". 2. Aufl., 1909, tr. 526, Anlage 8[1)].

** "Tư bản tài chính", tr. 172.

1) V. Dôm-bác-tơ. "Kinh tế quốc dân của nước Đức vào thế kỷ XIX". Xuất bản lần thứ 2, 1909, tr. 526, Phụ lục 8.

cổ phần, thì giá cổ phần của nó lên đến 170%. Tư bản tài chính thu được phần béo bở nhất, kiếm được một khoản nho nhỏ khoảng 28 triệu mác. Khi thành lập công ty ấy, vai trò chủ yếu thuộc về "Công ty chiết khấu", tức là thuộc về chính cái ngân hàng Đức lớn nhất đã đạt được một cách êm ả thuận lợi số tư bản 300 triệu mác. Rồi sau, số lợi tức cổ phần của công ty "Liên hợp" lại tụt xuống không còn gì cả. Các cổ đông buộc phải đồng ý để cho người ta "trừ bớt" tư bản, nghĩa là chịu mất một phần tư bản để khỏi mất hết cả. Và thế là do một số lần "hồi phục" mà hơn 73 triệu mác, trong vòng 30 năm, đã biến khỏi sổ sách của công ty "Liên hợp". "Hiện giờ, những cổ đông đầu tiên của công ty đó chỉ còn nắm có 5% giá trị danh nghĩa của các cổ phần của họ"*, song cứ mỗi lần "hồi phục" thì các ngân hàng lại tiếp tục "kiếm chác".

Việc đầu cơ những đất đai xung quanh các thành phố lớn đang phát triển nhanh, cũng là một hoạt động đặc biệt có lời cho tư bản tài chính. Ở đây, độc quyền của các ngân hàng hợp nhất với độc quyền về địa tô và độc quyền về đường giao thông, vì việc giá đất lên cao, khả năng bán có lời từng vùng đất, v.v. đều phụ thuộc nhiều nhất vào những đường giao thông tốt gắn liền với trung tâm thành phố, mà những đường giao thông này lại nằm trong tay các công ty lớn gắn bó cùng với những ngân hàng ấy bằng chế độ tham dự và bằng sự phân phối các ghế giám đốc. Thế là đẻ ra cái mà nhà trước tác Đức L. E-svê-ghê, cộng tác viên của tạp chí "Ngân hàng", chuyên nghiên cứu về những việc buôn bán và cầm cố đất đai, v.v., đã gọi là cái "vũng lầy": việc điên cuồng đầu cơ những đất đai ngoại ô thành phố, sự phá sản của các công ty kiến trúc, như công ty "Bô-xvau và Cnau-ơ" ở Béc-lanh, công ty này đã kiếm được 100 triệu mác nhờ có sự trung gian của cái "Ngân hàng Đức" (Deutsche Bank)

---

* Stillich, tác phẩm đã dẫn, tr. 138 và Liefmann, tr. 51.

"vững nhất và lớn nhất", ngân hàng này tất nhiên đã hành động theo chế độ "tham dự", nghĩa là đã hành động bí mật che mắt mọi người, nên đã thoát khỏi bước khó khăn mà "chỉ" mất có 12 triệu mác; rồi sau đó là sự phá sản của các tiểu chủ và của công nhân không được lợi lộc gì ở các công ty kiến trúc hữu danh vô thực; những gian kế xếp đặt với sở cảnh sát "liêm khiết" và các cơ quan hành chính ở Béc-lanh để nắm lấy việc cấp phát các giấy chứng nhận về đất và các giấy phép của Hội đồng thị chính cho xây dựng nhà cửa, v.v. và v.v. *.

Những "phong tục Mỹ" mà các giáo sư và các nhà tư bản thiện tâm ở châu Âu giả bộ căm phẫn thì đến thời đại tư bản tài chính, đã trở thành phong tục của hết thảy mọi thành phố lớn trong bất cứ một nước nào.

Đầu năm 1914, ở Béc- lanh, người ta đã nói đến việc sẽ tổ chức một "tơ-rớt vận tải", nghĩa là một "cộng đồng lợi ích" giữa ba doanh nghiệp vận tải ở Béc-lanh: đường sắt chạy điện trong thành phố, công ty xe điện và công ty xe ngựa. "Chúng tôi biết có cái ý định đó – tạp chí "Ngân hàng" viết - từ lúc người ta thấy rằng đa số các cổ phần của công ty xe ngựa đều chuyển sang hai công ty vận tải khác.... Người ta có thể hoàn toàn tin lời những người theo đuổi mục đích đó nói rằng họ hy vọng là nhờ sự điều tiết thống nhất đối với ngành vận tải, sẽ có được những món tiết kiệm mà một phần trong đó cuối cùng có thể thuộc về tay công chúng. Nhưng vấn đề trở thành phức tạp do chỗ là đằng sau cái tơ-rớt đang hình thành đó, lại có các ngân hàng có thể – nếu họ muốn – buộc những đường giao thông mà họ giữ độc quyền, phải phục tùng lợi ích của việc buôn bán của họ về đất đai. Để thấy rõ xem giả định ấy là điều tự

* "Die Bank" 1913, tr. 952, L. Eschwege. "Der Sumpf"[1)], như trên, 1912, I, tr. 223 và những trang sau.

1) "Vũng lầy".

nhiên đến chừng nào, thì chỉ cần nhớ lại rằng ngay từ khi thành lập công ty đường sắt chạy điện trong thành phố, lợi ích của ngân hàng lớn - ngân hàng đã khuyến khích việc lập công ty ấy, - đã xen lẫn trong việc đó rồi. Cụ thể là: lợi ích của doanh nghiệp vận tải này gắn chặt với lợi ích của việc buôn bán đất đai. Sự thể là thế này: đoạn phía Đông của con đường sắt này phải xuyên qua những vùng đất đai mà sau này, khi việc xây dựng con đường đó đã được bảo đảm rồi, ngân hàng đã đem bán lại và thu về một số lợi to lớn cho chính mình và cho vài người tham dự..."*.

Tổ chức độc quyền một khi đã thành hình và thao túng hàng tỷ, thì tuyệt đối nhất thiết là nó phải xâm nhập *hết thảy* các lĩnh vực trong đời sống xã hội bất kể chế độ chính trị và mọi "chi tiết" khác. Các sách báo kinh tế ở Đức thường hay tán dương một cách nô lệ về tinh thần liêm khiết của các viên chức Phổ, và ám chỉ vụ kênh đào Pa-na-ma của Pháp[150] và tình trạng tham nhũng trong chính giới ở Mỹ. Nhưng sự thật là *ngay cả* các sách báo tư sản chuyên về các vấn đề ngân hàng ở Đức, cũng thường xuyên buộc phải vượt ra xa ngoài phạm vi hoạt động có tính chất thuần túy ngân hàng, và phải nói, chẳng hạn, đến tình trạng "hướng về ngân hàng" nhân tình hình ngày càng có nhiều trường hợp các viên chức chuyển sang làm việc cho các ngân hàng: "tinh thần liêm khiết của viên chức nhà nước như thế nào, khi mà trong thâm tâm viên chức đó lại ước ao có một chỗ béo bở nho nhỏ nào đó ở phố Bê-ren?"** tức là phố có trụ sở của "Ngân hàng Đức" ở Béc-lanh. Ông An-phrết Lan-xbuốc, người xuất bản tạp chí "Ngân hàng" năm 1909, đã viết bài:

---

* "Verkehrstrust", "Die Bank", 1914, I, tr. 89[1)].

** "Der Zug zur Bank", "Die Bank", 1909, I, tr. 79[2)]

---

1) "Tơ-rớt vận tải", tạp chí "Ngân hàng".

2) "Sự hướng về ngân hàng", tạp chí "Ngân hàng".

"Ý nghĩa kinh tế của chủ nghĩa Vi-dăng-tin", cũng là bàn về cuộc hành trình của Vin-hem II đến Pa-le-xtin và "kết quả trực tiếp của cuộc hành trình đó, tức là việc xây dựng con đường sắt Bát-đa, cái "sự nghiệp vĩ đại" và bất hạnh đó "của óc kinh doanh của người Đức" lại là nguyên nhân của tình trạng bị "bao vây", nhiều hơn là tất cả những sai lầm chính trị của chúng ta gộp lại"* – (người ta hiểu sự bao vây đây là chính sách của Ê-đu-a VII, nhằm cô lập nước Đức bằng vòng vây của khối liên minh các đế quốc chống Đức). Năm 1911, người cộng tác đã nói trên kia của cũng tạp chí đó, ông E-svê-ghê, đã viết một bài nhan đề là: "Bọn tài phiệt và giới viên chức", trong bài này chẳng hạn ông đã lột trần trường hợp của Phuên-cơ, một viên chức Đức nổi tiếng là có nghị lực trong tiểu ban về các các-ten, nhưng sau một thời gian, thì chiếm được một địa vị béo bở trong các-ten lớn nhất là xanh-đi-ca thép. Những trường hợp tương tự như thế – những trường hợp này hoàn toàn không phải ngẫu nhiên, – đã buộc chính nhà trước tác tư sản đó phải thừa nhận rằng "sự tự do kinh tế, được hiến pháp Đức bảo đảm, trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế chỉ là một câu nói vô nghĩa", và thừa nhận rằng một khi bọn tài phiệt đã lập được quyền thống trị, thì "ngay cả sự tự do chính trị rộng rãi nhất cũng không thể nào cứu được chúng ta khỏi trở thành một đám người mất tự do"**.

Còn đối với nước Nga, chúng tôi chỉ xin đưa ra một ví dụ: cách đây vài năm, trên khắp các báo chí, đều có đăng tin rằng Đa-vư-đốp, giám đốc cục tín dụng, đã bỏ chức vụ nhà nước của mình để vào làm cho một ngân hàng lớn với một số lương mà theo hợp đồng thì trong vài năm phải lên đến quá 1 triệu rúp. Cục tín dụng là một cơ quan có nhiệm vụ "thống nhất sự hoạt động của tất cả những cơ quan tín

* "Der Zug zur Bank", "Die Bank", 1909, I, tr. 301.

** Như trên, 1911, 2, tr. 825; 1913, 2, tr. 962.

dụng trong nước", và giúp đỡ tài chính cho các ngân hàng ở thủ đô những khoản từ 800 đến 1 000 triệu rúp*. – – –

Nói chung, đặc tính của chủ nghĩa tư bản là sự tách rời quyền sở hữu tư bản khỏi việc đầu tư tư bản vào sản xuất; sự tách rời tư bản tiền tệ khỏi tư bản công nghiệp hay còn gọi là tư bản sản xuất; sự tách rời người thực lợi, chỉ sống nhờ vào số thu nhập do tư bản tiền tệ mang lại, khỏi nhà kinh doanh và hết thảy những người trực tiếp tham dự việc sử dụng tư bản. Chủ nghĩa đế quốc hay là sự thống trị của tư bản tài chính, là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản, khi mà sự tách rời ấy đạt tới một quy mô rất lớn. Ưu thế của tư bản tài chính đối với tất cả những hình thức khác của tư bản có nghĩa là bọn thực lợi và bọn đầu sỏ tài chính giữ địa vị thống trị; có nghĩa là một số ít quốc gia "có sức mạnh" tài chính tách khỏi tất các quốc gia khác. Người ta có thể biết được quy mô của quá trình đó nhờ số liệu thống kê về việc phát hành chứng khoán, nghĩa là việc phát ra mọi loại chứng khoán.

Trong "Bản tin của Viện thống kê quốc tế ", A. Nây-mác-co** đã đăng những số liệu hết sức tỉ mỉ, đầy đủ và có thể so sánh được, về việc phát hành chứng khoán trên toàn thế giới; những số liệu đó sau này có nhiều lần được dẫn ra từng đoạn, trong các sách báo kinh tế[151]. Dưới đây là những con số tổng kết trong 40 năm:

Trong những năm 1870, tổng giá trị các chứng khoán phát hành trên toàn thế giới đã tăng lên, đặc biệt là do các công trái phát hành trong dịp chiến tranh Pháp - Phổ và trong thời kỳ đầu cơ gruyn-đéc ở Đức tiếp sau cuộc chiến tranh đó.

* E. Agahd, tr. 202.

** Bulletin de l'institut international de statistique, t. XIX, livr. II. La Haye, 1912[1]. Những số liệu về những quốc gia nhỏ, cột thứ 2 đại khái theo chỉ tiêu năm 1902, đã được tăng thêm 20%.

1) Bản tin của Viện thống kê quốc tế, t. XIX, quyển II, La Hay.

*Tổng số chứng khoán phát hành trong từng thời kỳ 10 năm tính theo tỷ phrăng*

| | |
|---|---|
| 1871 - 1880 | 76,1 |
| 1881 - 1890 | 64,5 |
| 1891 - 1900 | 100,4 |
| 1901 - 1910 | 197,8 |

Nói chung, trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỷ XIX, việc phát hành chứng khoán tương đối không tăng lên nhanh lắm, và chỉ trong mười năm đầu thế kỷ XX, việc phát hành đó mới tăng lên rất nhiều, trong 10 năm mà tăng gần gấp đôi. Như vậy là thời kỳ đầu của thế kỷ XX là thời kỳ chuyển biến không những về mặt phát triển các tổ chức độc quyền (các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt) như chúng ta đã nói, mà còn cả về mặt phát triển tư bản tài chính nữa.

Nây-mác-cơ ước lượng tổng số chứng khoán đã phát hành trên toàn thế giới trong năm 1910 là khoảng 815 tỷ phrăng. Trừ đi một cách phỏng chừng những khoản trùng nhau, ông ta đã giảm tổng số đó xuống 575-600 tỷ. Số tiền này (ta lấy con số 600 tỷ) được phân bổ giữa các nước như sau:

*Tổng số chứng khoán năm 1910 (tính theo tỷ phrăng):*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Anh | 142 | 479 | Hà - lan | 12,5 |
| Mỹ | 132 | | Bỉ | 7,5 |
| Pháp | 110 | | Tây-ban-nha | 7,5 |
| Đức | 95 | | Thụy-sĩ | 6,25 |
| Nga | 31 | | Đan-mạch | 3,75 |
| Áo - Hung | 24 | | Thụy điển, Na-uy, Ru-ma-ni, v.v | 2,5 |
| Ý | 14 | | | |
| Nhật | 12 | | *Tổng cộng* | 600 |

Căn cứ vào những số liệu đó, người ta thấy ngay rằng bốn nước tư bản chủ nghĩa giàu có nhất nổi bật hẳn lên, mỗi nước này có chừng từ 100 đến 150 tỷ phrăng chứng khoán. Trong bốn nước đó, có hai nước – Anh và Pháp – là những nước tư bản già nhất và, như sau này chúng ta sẽ thấy, là

những nước có nhiều thuộc địa nhất; hai nước khác – Mỹ và Đức – là những nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến xét về mặt phát triển nhanh chóng và về mức độ bành trướng của những tổ chức tư bản độc quyền trong sản xuất. Tính gộp cả lại, 4 nước này có 479 tỷ phrăng, tức là gần 80% số tư bản tài chính trên toàn thế giới. Hầu hết các nước khác trên thế giới đều là, dưới hình thức này hay hình thức khác, con nợ của những nước đó, là kẻ phải nộp cống cho những nước đó, - những chủ ngân hàng quốc tế, bốn "trụ cột" của tư bản tài chính thế giới.

Cần phải đặc biệt xét đến vai trò của việc xuất khẩu tư bản trong việc thành lập ra mạng lưới lệ thuộc và liên hệ quốc tế của tư bản tài chính.

## IV. XUẤT KHẨU TƯ BẢN

Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó sự cạnh tranh tự do còn hoàn toàn thống trị, là việc xuất khẩu *hàng hóa.* Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản mới nhất, trong đó các tổ chức độc quyền thống trị, là việc xuất khẩu *tư bản*.

Chủ nghĩa tư bản là nền sản xuất hàng hóa ở mức độ phát triển cao nhất khi mà chính ngay sức lao động cũng trở thành hàng hóa. Sự phát triển của trao đổi ở trong nước, và đặc biệt là trên quốc tế, là một đặc điểm tiêu biểu của chủ nghĩa tư bản. Sự phát triển không đều và có tính chất nhảy vọt của các doanh nghiệp khác nhau, của các ngành công nghiệp khác nhau và của những nước khác nhau, là điều không tránh khỏi trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Lúc đầu nước Anh trở thành nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên và vào giữa thế kỷ XIX trong khi tiến hành tự do buôn bán, nó có tham vọng đóng vai trò "công xưởng của toàn thế giới", người cung cấp các thành phẩm cho hết thảy các nước, còn những nước này, ngược lại, phải cung cấp nguyên liệu cho

nó. Nhưng địa vị độc quyền *ấy* của nước Anh đã bị lung lay trong 25 năm cuối thế kỷ XIX vì nhiều nước khác đã dùng thuế quan "bảo hộ" để tự vệ, đã phát triển thành những nước tư bản độc lập. Bước vào thế kỷ XX, ta thấy hình thành những loại độc quyền khác: thứ nhất, các liên minh độc quyền của bọn tư bản trong tất cả các nước mà chủ nghĩa tư bản phát triển; thứ hai, địa vị độc quyền của một số ít nước giàu nhất, trong đó việc tích lũy tư bản đạt tới những quy mô rất lớn. Tình trạng "tư bản thừa" xuất hiện rất nhiều trong các nước tiên tiến.

Dĩ nhiên, nếu chủ nghĩa tư bản có phát triển được nông nghiệp là lĩnh vực hiện nay, ở mọi nơi, vẫn còn hết sức lạc hậu so với công nghiệp; nếu chủ nghĩa tư bản có thể nâng cao được mức sống của quần chúng nhân dân là những người hiện nay, ở khắp các nước, vẫn còn thiếu ăn và nghèo khổ, mặc dù kỹ thuật tiến bộ rất nhanh, – thì không thể nào có chuyện tư bản thừa được. Và những người đứng trên quan điểm tiểu tư sản để phê phán chủ nghĩa tư bản, thì hầu như lúc nào cũng đưa "lý lẽ" ấy ra. Nhưng như thế thì chủ nghĩa tư bản sẽ không phải là chủ nghĩa tư bản nữa, vì cả tính chất phát triển không đều của nó và mức sống thiếu ăn của quần chúng là những điều kiện và tiền đề căn bản, tất yếu của phương thức sản xuất đó. Chừng nào chủ nghĩa tư bản vẫn còn là chủ nghĩa tư bản, số tư bản thừa vẫn còn được dùng không phải là để nâng cao mức sống của quần chúng trong nước đó, vì như thế thì sẽ đi đến kết quả là làm giảm bớt lợi nhuận của bọn tư bản, – mà là để tăng thêm lợi nhuận bằng cách xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, vào những nước lạc hậu. Trong các nước lạc hậu này, lợi nhuận thường cao, vì tư bản hãy còn ít, giá đất đai tương đối thấp, tiền công hạ, nguyên liệu rẻ. Sở dĩ có thể xuất khẩu được tư bản là vì một số nước lạc hậu đã bị lôi cuốn vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản thế giới, những tuyến đường sắt chính đã được xây dựng xong hoặc đã bắt đầu được xây dựng, đã

có những điều kiện tối thiểu để phát triển công nghiệp, v.v.. Sở dĩ cần phải xuất khẩu tư bản là vì trong một số ít nước chủ nghĩa tư bản đã "quá chín", và tư bản thiếu địa bàn đầu tư "có lợi" (trong điều kiện nông nghiệp lạc hậu, quần chúng nghèo khổ).

Sau đây là những số liệu phỏng chừng về số tư bản đầu tư ra nước ngoài của ba nước chủ yếu *:

*Số tư bản đầu tư ở nước ngoài*

(tính theo tỷ phrăng)

| Năm | Anh | Pháp | Đức |
|---|---|---|---|
| 1862............ | 3,6 | — | — |
| 1872............ | 15 | 10 (1869) | — |
| 1882............ | 22 | 15 (1880) | ? |
| 1893............ | 42 | 20 (1890) | ? |
| 1902............ | 62 | 27 - 37 | 12,5 |
| 1914............ | 75 - 100 | 60 | 44 |

* Hobson. "Imperialism". L., 1902, p. 58; Riesser, tác phẩm đã dẫn, tr. 395 và 404; P. Arndt trong "Weltwirtschaftliches Archiv", Bd. 7, 1916, S. 35[1)] Neymarck trong Bulletin; Hin-phéc-đinh. "Tư bản tài chính", tr. 492; Lloyd George, diễn văn đọc trước hạ nghị viện Anh, ngày 4 tháng Năm 1915, "Daily Telegraph", ngày 5 tháng Năm 1915; B. Harms. "Probleme der Weltwirtschaft". Jena, 1912, S. 235 và các trang sau[2)]; Dr. Siegmund Schiider: "Entwicklungstendenzen der Weltwirtschaft". Berlin, 1912, Bd, I, S. 150[3)]; George Paish. "Great Britain's Capital Investments etc." trong "Journal of the Royal Statistical Society", vol. LXXIV. 1910 - II, tr. 167 và tiếp theo[4)]; Georges Diouritch. "L'Ex-

1) P. Ác-nơ-tơ trong "Tư liệu kinh tế thế giới", t. 7, 1916, tr. 35.

2) B. Ham-xơ. "Những vấn đề kinh tế thế giới". I-ê-na, 1912 tr. 235 và các trang sau.

3) Tiến sĩ Dích-mung Sin - đơn. "Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới". Béc-lanh, 1912, t.I, tr. 150.

4) Gioóc-giơ Pây-sơ. "Đầu tư của tư bản Anh, v.v." trong "Tạp chí Hội thống kê hoàng gia", t. LXXIV.

Do đó, ta thấy rằng việc xuất khẩu tư bản chỉ đạt tới mức phát triển rất lớn vào hồi đầu thế kỷ XX. Trước chiến tranh số tư bản do ba nước chính đầu tư ở nước ngoài là từ 175 đến 200 tỷ phrăng. Cứ tính lợi suất thấp là 5%, thì số tư bản đó cũng phải mang lại một khoản thu nhập từ 8 đến 10 tỷ phrăng mỗi năm. Đó là cơ sở chắc chắn để cho bọn đế quốc áp bức và bóc lột phần lớn các dân tộc và các nước trên thế giới, cơ sở cho sự ăn bám có tính chất tư bản chủ nghĩa của một nhúm quốc gia hết sức giàu có!

Số tư bản đầu tư ra nước ngoài ấy được phân phối giữa các nước như thế nào? Nó được đầu tư *ở đâu*? Đối với câu hỏi đó người ta chỉ có thể trả lời phỏng chừng, tuy nhiên câu trả lời này vẫn có thể làm sáng tỏ một số quan hệ và liên hệ chung của chủ nghĩa đế quốc hiện đại:

*Tình hình (phỏng chừng) phân phối tư bản*
*xuất khẩu trên các lục địa (vào khoảng năm 1910)*

| | Anh | Pháp | Đức | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| | | (tính theo tỷ mác) | | |
| Châu Âu........ | 4 | 23 | 18 | 45 |
| Châu Mỹ........ | 37 | 4 | 10 | 51 |
| Châu Á, Phi và Úc... | 29 | 8 | 7 | 44 |
| *Tổng cộng*............ | 70 | 35 | 35 | 140 |

Đối với nước Anh, những thuộc địa của nó chiếm vị trí hàng đầu, những thuộc địa này ở châu Mỹ cũng rất lớn (như Ca-na-đa chẳng hạn), đó là chưa nói đến châu Á, v.v.. Ở

pansion des banques allemandes à l'étranger, ses rapports avec le développement économique de l'Allemagne". P., 1909, P. 84[1)].

1) Gioóc-giơ Điu-rích. "Sự bành trướng của các ngân hàng Đức ở nước ngoài, những quan hệ của nó với sự phát triển kinh tế ở Đức". Pa-ri, 1909, tr. 84.

Anh, số tư bản xuất khẩu rất lớn có quan hệ mật thiết nhất với các thuộc địa rất rộng lớn, mà sau đây chúng ta sẽ còn nói đến ý nghĩa của các thuộc địa đối với chủ nghĩa đế quốc. Về nước Pháp thì lại khác. Số tư bản xuất khẩu của nước này đầu tư chủ yếu ở châu Âu và trước hết ở Nga (ít ra là 10 tỷ phrăng), hơn nữa chủ yếu là tư bản *cho vay*, dưới dạng công trái quốc gia, chứ không phải là tư bản đầu tư vào các xí nghiệp công nghiệp. Khác với chủ nghĩa đế quốc thực dân Anh, chủ nghĩa đế quốc Pháp có thể gọi là chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi. Đức lại là một loại thứ ba: thuộc địa của nó không nhiều lắm và số tư bản của nó đầu tư ở nước ngoài được phân bố một cách đều nhau nhất giữa châu Âu và châu Mỹ.

Việc xuất khẩu tư bản ảnh hưởng đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và thúc đẩy hết sức nhanh sự phát triển đó trong những nước đã được đầu tư. Cho nên, nếu trên một mức độ nào đó việc xuất khẩu có thể gây ra một sự ngừng trệ nào đó trong sự phát triển của các nước xuất khẩu tư bản, thì việc đó lại chỉ làm cho chủ nghĩa tư bản phát triển rộng và sâu thêm trên toàn thế giới mà thôi.

Các nước xuất khẩu tư bản hầu như bao giờ cũng có khả năng thu được một số "khoản lợi", nào đó, và tính chất của những khoản lợi này làm sáng tỏ đặc trưng của thời đại tư bản tài chính và độc quyền. Chẳng hạn, tạp chí "Ngân hàng" ở Béc-lanh, số ra tháng Mười 1913 đã viết như sau:

"Từ ít lâu nay, trên thị trường quốc tế của tư bản đang diễn ra một tấn hài kịch xứng đáng với cây bút của A-ri-xtô-phan. Hàng loạt nước ngoài, từ Tây-ban-nha cho đến Ban-căng, từ Nga cho đến Ác-hen-ti-na, Bra-xin và Trung- quốc, đều đưa ra, một cách công khai hoặc che đậy, tại các thị trường tiền tệ lớn, những yêu cầu vay tiền, đôi khi đó là những yêu cầu hết sức cấp bách. Ngày nay, tình hình thị trường tiền tệ không được sáng sủa lắm, và triển vọng chính trị cũng không phải là lạc quan gì. Tuy thế, không một thị

trường tiền tệ nào lại dám từ chối không nhận cho nước ngoài vay, vì sợ rằng nước láng giềng nhanh chân đến trước lại đồng ý cho vay, và do đó mà sẽ nhận được những sự đền đáp qua lại nào đó. Trong việc ký kết quốc tế như thế, người cho vay hầu như bao giờ cũng kiếm chác được một cái gì: một khoản nhượng bộ trong hiệp ước thương mại, một trạm cung cấp than đá, việc xây dựng hải cảng, một tô nhượng béo bở hay một món đặt mua đại bác" *.

Tư bản tài chính đã tạo ra thời đại các tổ chức độc quyền. Và bất cứ ở chỗ nào, các tổ chức độc quyền cũng thực hành những nguyên tắc độc quyền: việc dùng những "mối liên hệ" để ký kết có lợi, đã thay thế cho sự cạnh tranh trên thị trường công khai. Tình hình sau đây là hiện tượng thông thường nhất: điều kiện để cho vay là, một phần số tiền cho vay đó phải được dùng để mua sản phẩm của nước cho vay, nhất là mua vũ khí, tàu thủy, v.v.. Hai chục năm gần đây (1890-1910), nước Pháp rất hay dùng thủ đoạn ấy. Việc xuất khẩu tư bản ra nước ngoài trở thành một thủ đoạn kích thích việc xuất khẩu hàng hóa. Trong hoàn cảnh đó, những việc ký kết giữa các doanh nghiệp đặc biệt lớn đều mang một tính chất "gần như là mua chuộc", theo cách nói "nhẹ nhàng" của Sin-đơ **. Krúp ở Đức, Snây-đe ở Pháp, Ác-mơ-xtơ-rông ở Anh đều là những hãng điển hình về phương diện đó, những hãng này có liên hệ chặt chẽ với các ngân hàng khổng lồ và với chính phủ, và khi người ta ký kết vay tiền thì không phải dễ dàng "bỏ qua" được các hãng đó.

Nước Pháp, khi cho nước Nga vay, trong thương ước ngày 16 tháng Chín 1905, đã "bắt ép" nước Nga phải thỏa thuận chịu cho Pháp một số nhượng bộ nhất định cho đến năm 1917; nước Pháp cũng làm y như thế trong thương ước ngày 19 tháng Tám 1911 với Nhật-bản. Sở dĩ có cuộc đấu

* "Die Bank, 1913, 2, 1024 - 1025.

** Schilder, tác phẩm đã dẫn, tr. 346, 350, 371.

tranh thuế quan giữa Áo và Xéc-bi-a – cuộc đấu tranh này, trừ một thời kỳ gián đoạn bảy tháng, đã kéo dài từ 1906 đến 1911 – thì một phần là do sự cạnh tranh giữa Áo và Pháp trong việc cung cấp quân trang cho Xéc-bi-a. Tháng Giêng 1912, Pôn Đê-sa-nen tuyên bố ở nghị viện rằng từ năm 1908 đến năm 1911, các hãng của Pháp đã cung cấp cho Xéc-bi-a 45 triệu phrăng vật liệu chiến tranh.

Bản báo cáo của viên lãnh sự Áo - Hung ở Xan- Pau-lô (Bra-xin) nói rằng: "việc xây dựng đường sắt ở Bra-xin được thực hiện chủ yếu là nhờ có vốn của Pháp, Bỉ, Anh và Đức; trong các hoạt động tài chính có liên quan tới việc xây dựng đường sắt, các nước này đều giành được quyền bán những vật liệu xây dựng đường sắt".

Như thế là ta có thể nói rằng tư bản tài chính bủa lưới của mình - hiểu theo nghĩa thật của danh từ - lên đầu tất cả các nước trên thế giới. Về mặt này, những ngân hàng thành lập trong các thuộc địa và các chi nhánh của chúng đều giữ một vai trò to lớn. Bọn đế quốc Đức nhìn các nước thực dân "cũ" với con mắt ghen tị, vì thấy các nước thực dân này, về mặt đó, đã bảo đảm cho mình một cách đặc biệt "thuận lợi": năm 1904, nước Anh có 50 ngân hàng thuộc địa với 2 279 chi nhánh (đến năm 1910, có 72 ngân hàng thuộc địa với 5 449 chi nhánh); nước Pháp có 20 ngân hàng thuộc địa với 136 chi nhánh; Hà-lan có 16 ngân hàng thuộc địa với 68 chi nhánh, trong khi đó thì Đức chỉ "vẻn vẹn" có tất cả là 13 ngân hàng thuộc địa với 70 chi nhánh*. Còn bọn tư bản Mỹ thì lại ghen tị với bọn tư bản Anh và Đức: năm 1915 chúng phàn nàn rằng: "ở Nam Mỹ, 5 ngân hàng Đức có 40 chi nhánh, và 5 ngân hàng Anh có 70 chi nhánh... Trong 25 năm gần đây, Anh và Đức đầu tư vào Ác-hen-ti-na,

---

* Riesser, tác phẩm đã dẫn, tr. 375, xuất bản lần thứ 4, và Diouritch, tr. 283.

Bra-xin và U-ru-goay chừng 4 tỷ đô-la, thành ra họ nắm 46% toàn bộ nền thương mại của 3 nước ấy"*.

Nói theo nghĩa bóng thì các nước xuất khẩu tư bản đã chia nhau thế giới. Nhưng tư bản tài chính thì cũng đã dẫn đến chỗ *trực tiếp* phân chia thế giới.

## V. VIỆC PHÂN CHIA THẾ GIỚI GIỮA CÁC LIÊN MINH CỦA BỌN TƯ BẢN

Các liên minh độc quyền của bọn tư bản – các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt – chia nhau trước hết thị trường trong nước bằng cách chiếm lấy, ít nhiều hoàn toàn, nền sản xuất trong nước họ. Nhưng, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, thị trường trong nước lại tất nhiên gắn liền với thị trường bên ngoài. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra thị trường toàn thế giới từ lâu rồi. Do việc xuất khẩu tư bản tăng lên, và những quan hệ với nước ngoài và với các thuộc địa, cũng như những "khu vực ảnh hưởng" của các liên minh độc quyền lớn nhất được hết sức mở rộng, nên "tự nhiên" tình thế đã đưa đến một sự thỏa thuận quốc tế giữa các liên minh này, đưa đến sự hình thành những các-ten quốc tế.

Đó là mức độ mới của việc tập trung tư bản và tập trung sản xuất trên toàn thế giới, mức độ đó cao hơn rất nhiều so với những mức độ trước kia. Ta hãy xem hình thức siêu độc quyền đó hình thành như thế nào.

---

* The Annals of American Academy of Political and Social Science, vol. LIX, May 1915, P. 301[1]. Cũng trong tập này, trang 331, chúng ta đọc thấy rằng nhà thống kê trứ danh Paish (Pây-sơ) đã ước tính trong tạp chí tài chính "Statist", số gần đây nhất rằng tổng số tư bản do Anh, Đức, Pháp, Bỉ và Hà-lan đã xuất khẩu là 40 tỷ đô-la, tức 200 tỷ phrăng.

---

1) Niên giám của Viện hàn lâm khoa học chính trị và xã hội Mỹ, tập LIX, tháng Năm 1915, tr. 301.

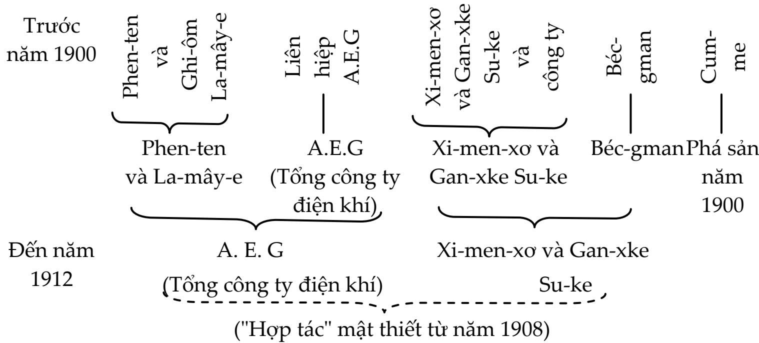
Công nghiệp điện là ngành tiêu biểu nhất cho những tiến bộ tối tân của kỹ thuật, cho chủ nghĩa tư bản *cuối* thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nó đã được phát triển nhất ở hai nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất trong số những nước tư bản chủ nghĩa mới là Mỹ và Đức. Ở Đức, cuộc khủng hoảng năm 1900 có ảnh hưởng đặc biệt mạnh mẽ đến sự tập trung trong ngành ấy. Trong thời gian có cuộc khủng hoảng đó, các ngân hàng, mà hồi đó đã gắn liền khá chặt chẽ với công nghiệp, đã hết sức đẩy nhanh và làm sâu sắc thêm tình trạng tiêu vong của các doanh nghiệp tương đối nhỏ, tình trạng các doanh nghiệp đó bị các doanh nghiệp lớn nuốt mất. I-ây-đen-xơ viết: "Từ chối không giúp đỡ cho chính các doanh nghiệp cần đến sự giúp đỡ đó hơn cả, như thế là các ngân hàng dẫn đến thoạt đầu là một sự phát triển mãnh liệt, rồi sau đó là sự phá sản tuyệt đường hy vọng của các công ty không liên hệ mật thiết đầy đủ với những ngân hàng đó"*.

Kết quả là sau năm 1900, sự tập trung tiến những bước khổng lồ. Trước năm 1900, trong ngành công nghiệp điện có tám hay bảy "tập đoàn", mỗi tập đoàn gồm một số công ty hợp thành (cả thảy 28 công ty) và mỗi tập đoàn đó lại được từ 2 đến 11 ngân hàng nâng đỡ. Đến năm 1908 - 1912, tất cả các tập đoàn này đã hợp nhất lại thành hai tập đoàn hay một tập đoàn. Quá trình đó diễn ra như sau (xem bảng tr. 464. *BT*.):

Sau bước phát triển bằng cách đó, công ty A. E. G. (Tổng công ty điện khí) nổi tiếng ấy thống trị từ 175 đến 200 công ty (thông qua chế độ "tham dự") và chi phối một tổng số tư bản chừng 1 1/2 *tỷ* mác. Chỉ kể số cơ quan đại diện trực tiếp ở nước ngoài của công ty đó thì đã có 34 cơ quan, trong số đó có 12 công ty cổ phần, đặt ở hơn 10 nước. Ngay từ 1904, người ta tính rằng số tư bản mà công nghiệp điện của Đức đầu tư ra nước ngoài, là 233 triệu mác,

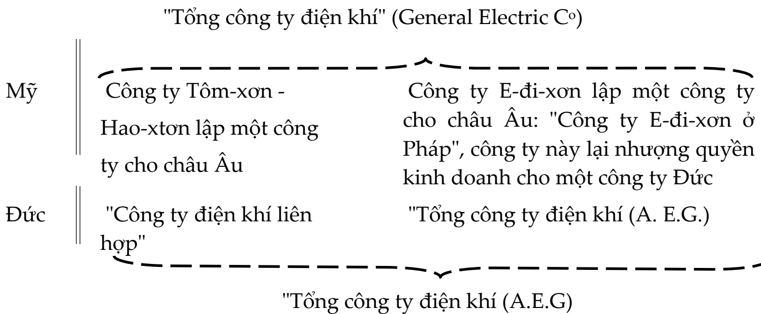
* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 232.

*Các tập đoàn trong ngành công nghiệp điện:*




trong đó có 62 triệu đầu tư ở Nga. Chẳng cần phải nói cũng thấy rõ là "Tổng công ty điện khí" là một doanh nghiệp "liên hợp" hết sức lớn - riêng số các công ty sản xuất của nó đã có đến 16 cái - sản xuất những mặt hàng hết sức khác nhau, từ dây cáp điện và những đồ cách điện cho đến ô-tô và các thiết bị máy bay.

Nhưng sự tập trung ở châu Âu cũng là một bộ phận cấu thành của quá trình tập trung ở Mỹ. Quá trình đó diễn ra như sau:




Như thế đã hình thành *hai* "cường quốc" về công nghiệp điện. Hai-ních, trong bài "Con đường của tơ-rớt điện", có

viết: "trên trái đất này, không có công ty điện nào khác lại *hoàn toàn* độc lập với hai công ty ấy". Còn nói về khối lượng chu chuyển và quy mô của các doanh nghiệp thuộc hai "tơ-rớt" đó, thì những con số sau đây sẽ cho ta một khái niệm nào đó, tuy hoàn toàn không đầy đủ:

| | | Khối lượng chu chuyển hàng hóa (tính theo triệu mác) | Số nhân viên | Lợi nhuận ròng (tính theo triệu mác) |
|---|---|---|---|---|
| Mỹ: "Tổng công ty điện khí" (G.E.C.) | | | | |
| | 1907: | 252 | 28 000 | 35,4 |
| | 1910: | 298 | 32 000 | 45,6 |
| Đức: :"Tổng công ty điện khí" (A.E.G.) .... | | | | |
| | 1907: | 216 | 30 700 | 14,5 |
| | 1911: | 362 | 60 800 | 21,7 |

Và thế là năm 1907, hai tơ-rớt Mỹ và Đức đã ký kết một hiệp ước phân chia thế giới. Sự cạnh tranh chấm dứt. "Tổng công ty điện khí" (G.E.C) "được" nước Mỹ và Ca-na-đa. "Tổng công ty điện khí" (A.E.G.) "được" các nước Đức, Áo, Nga, Hà-lan, Đan-mạch, Thụy-sĩ, Thổ-nhĩ-kỳ, bán đảo Ban-căng. Người ta cũng đã ký các hiệp ước đặc biệt (cố nhiên là bí mật) về các "công ty con", những công ty này xâm nhập các ngành công nghiệp mới và các nước "mới", những nước mà về mặt chính thức thì vẫn chưa bị chia. Việc trao đổi với nhau về các phát minh và kinh nghiệm cũng được xác lập*.

Dĩ nhiên là cạnh tranh với tơ-rớt ấy – trên thực tế, đó là tơ-rớt duy nhất và bao trùm cả thế giới – thì khó khăn biết chừng nào; nó chi phối một số tư bản hàng mấy tỷ và có các "chi nhánh", các cơ quan đại diện, đại lý, liên

* Riesser, tác phẩm đã dẫn; Diouritch, tác phẩm đã dẫn, tr. 239; Kurt Heinig, bài báo đã dẫn.

hệ, v.v. ở khắp mọi nơi trên thế giới. Nhưng trong trường hợp lực lượng so sánh thay đổi do sự phát triển không đều, do chiến tranh, do phá sản, v.v., thì việc phân chia thế giới ấy giữa hai tơ-rớt lớn mạnh dĩ nhiên không loại trừ *sự phân chia lại*.

Ngành công nghiệp dầu lửa là một ví dụ bổ ích về mưu toan chia lại thế giới, về cuộc đấu tranh để thực hiện sự phân chia lại đó.

"Thị trường dầu lửa thế giới – I-ây-đen-xơ viết năm 1905 – ngày nay vẫn còn bị phân chia giữa hai tập đoàn tài chính lớn: "Tơ-rớt dầu lửa" (Standard Oil C-y) của Rốc-cơ-phen-lơ ở Mỹ và các ông chủ dầu lửa Nga ở Ba-cu là Rốt-sin-đơ và Nô-ben. Hai tập đoàn này liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng đã mấy năm nay, địa vị độc quyền của chúng đã bị năm kẻ thù đe dọa"*: I) nguồn dầu lửa của Mỹ bị cạn; 2) sự cạnh tranh của hãng Ma-ta-sép ở Ba-cu; 3) những nguồn dầu lửa ở Áo và 4) ở Ru-ma-ni; 5) các nguồn dầu lửa ở bên kia đại dương, đặc biệt là trong các thuộc địa của Hà-lan (các hãng cự phú Xa-muy-en và Sen cũng gắn liền với tư bản Anh). Ba tập đoàn doanh nghiệp kể sau có liên hệ với các ngân hàng lớn ở Đức, đứng đầu là "Ngân hàng Đức" lớn nhất. Các ngân hàng này đã phát triển công nghiệp dầu lửa một cách có kế hoạch và độc lập, chẳng hạn ở Ru-ma-ni, để có điểm tựa "riêng của mình". Năm 1907, người ta tính rằng tổng số tư bản nước ngoài đầu tư vào công nghiệp dầu lửa ở Ru-ma-ni là 185 triệu phrăng, trong đó 74 triệu là của Đức**.

Cuộc đấu tranh mà sách báo kinh tế vẫn gọi là cuộc đấu tranh để "phân chia thế giới", đã bắt đầu. Một bên là "Tơ-rớt dầu lửa" của Rốc-cơ-phen-lơ, vì muốn vơ lấy *tất cả,* nên đã thành lập ở *ngay* Hà-lan một "công ty con", mua lại các

---

* I-ây-đen-xơ, tr. 192-193.

** Diouritch, tr. 245-246.

nguồn dầu lửa ở Nam-dương thuộc Hà-lan, nhưng mong bằng cách ấy sẽ giáng một đòn vào kẻ thù chủ yếu của nó là tơ-rớt "Sen" của Anh - Hà-lan. Phía bên kia là "Ngân hàng Đức" và các ngân hàng khác ở Béc-lanh lại tìm cách "giữ lấy" Ru-ma-ni "cho mình" và liên kết nước này với nước Nga để chống Rốc-cơ-phen-lơ. Công ty Rốc-cơ-phen-lơ có một số tư bản vô cùng lớn hơn và tổ chức rất hoàn bị việc vận tải và cung cấp dầu lửa tới tay người tiêu thụ. Cuộc đấu tranh tất phải kết thúc và đã kết thúc năm 1907 bằng sự thất bại hoàn toàn của "Ngân hàng Đức"; lúc đó ngân hàng này chỉ còn cách là phải chọn lấy một trong hai điều sau đây: hoặc là phải chịu bỏ hết những "quyền lợi về dầu lửa" của mình và sẽ mất hàng triệu bạc, hoặc là phải quy phục. "Ngân hàng Đức" đã chọn con đường thứ hai và đã ký với "Tơ-rớt dầu lửa" một hợp đồng rất bất lợi cho nó. Theo hợp đồng này, "Ngân hàng Đức" cam kết "không làm gì có hại đến lợi ích của Mỹ", tuy nhiên, vẫn có một điều khoản quy định rằng hợp đồng sẽ mất hiệu lực trong trường hợp nước Đức thông qua đạo luật về chế độ độc quyền nhà nước về dầu lửa.

Lúc đó, bắt đầu xảy ra "tấn hài kịch về dầu lửa". Một trong những ông vua tài chính Đức là phôn Gvin-nơ, giám đốc "Ngân hàng Đức", thông qua viên thư ký riêng của mình là Stau-xơ, đã mở một chiến dịch cổ động *cho* việc nhà nước giữ độc quyền về dầu lửa. Toàn bộ bộ máy to lớn của ngân hàng lớn nhất đó ở Béc-lanh cùng với tất cả những "mối liên hệ" rộng rãi của nó, bắt đầu chuyển động, báo chí không ngớt điên cuồng tuôn ra những lời kêu gào "yêu nước" chống lại "ách" của tơ-rớt Mỹ, và ngày 15 tháng Ba 1911, Quốc hội Đức đã hầu như nhất trí thông qua một nghị quyết yêu cầu chính phủ phải thảo ra một dự luật về chế độ độc quyền dầu lửa. Chính phủ liền nắm lấy cái tư tưởng "đại chúng" ấy, và thế là cái ngón chơi của "Ngân hàng Đức" – muốn lừa tơ-rớt Mỹ, bên cam kết với mình, và muốn dùng chế độ

độc quyền nhà nước để cải thiện tình hình kinh doanh của mình, – tưởng chừng như đã thắng. Lúc ấy, những ông vua dầu lửa ở Đức đã nhẩm trước những món lời khổng lồ không kém gì những món lời của các chủ nhà máy đường Nga... Nhưng, một là, các ngân hàng lớn ở Đức lục đục với nhau về vấn đề chia của ăn cướp được, và "Công ty chiết khấu" đã lột trần những mưu toan vụ lợi của "Ngân hàng Đức"; hai là, chính phủ sợ không dám đấu tranh với Rốc-cơ-phen-lơ, vì rất khó tin được rằng Đức có thể mua được dầu lửa ở chỗ khác nếu không mua của Rốc-cơ-phen-lơ (sản lượng dầu lửa sản xuất ở Ru-ma-ni không nhiều). Ba là, năm 1913 ở Đức, người ta quyết định bỏ ra một tỷ để chi vào việc chuẩn bị chiến tranh. Dự luật về độc quyền bị gác lại. "Tơ-rớt dầu lửa" của Rốc-cơ-phen-lơ tạm thời là kẻ chiến thắng sau cuộc đấu tranh đó.

Về việc này, tạp chí "Ngân hàng" ở Béc-lanh đã nói rằng nước Đức chỉ có thể đọ sức với "Tơ-rớt dầu lửa" bằng cách thiết lập chế độ độc quyền về điện và biến sức nước thành điện rẻ tiền. Tác giả bài báo ấy lại nói thêm: nhưng "độc quyền về điện sẽ ra đời khi nào những người sản xuất cần đến nó, nghĩa là đúng khi nào công nghiệp điện đứng ở ngưỡng cửa của một thời kỳ phá sản lớn mới, và khi nào các nhà máy điện khổng lồ rất tốn kém – mà hiện nay là do những "công-xoóc-xi-om" công nghiệp điện tư nhân xây dựng lên ở khắp nơi và trong việc xây dựng những nhà máy này thì hiện nay các "công-xoóc-xi-om" đó đã được các thành phố, các nước, v.v., giao cho một số độc quyền nào đó – sẽ không thể hoạt động một cách có lời nữa. Lúc đó, người ta sẽ phải dùng đến sức nước; nhưng người ta không thể dùng tiền của nhà nước để biến sức nước thành điện rẻ tiền được mà vẫn lại phải giao công việc đó cho một "tổ chức độc quyền của tư nhân do nhà nước kiểm soát", vì công nghiệp tư nhân đã ký kết một số giao kèo và đã giành được cho mình những khoản bù đắp lớn... Đối với tổ chức

độc quyền bồ tạt, thì trước đây là như thế; đối với tổ chức độc quyền dầu lửa, hiện nay cũng như thế; sau này đối với tổ chức độc quyền điện cũng sẽ như thế thôi. Những người theo chủ nghĩa xã hội nhà nước ở nước ta là những người tự để cho những nguyên tắc đẹp đẽ làm cho lóa mắt, thì nay đã đến lúc cuối cùng họ phải hiểu rằng ở Đức các tổ chức độc quyền chẳng bao giờ theo đuổi mục đích và đưa đến kết quả là làm lợi cho người tiêu thụ, hay chí ít cũng để cho nhà nước hưởng một phần lợi nhuận của người kinh doanh, mà chỉ dùng ngân quỹ của nhà nước để làm hồi phục công nghiệp tư nhân đã đi tới chỗ gần bị phá sản"*.

Đó là những lời thú nhận quý báu mà các nhà kinh tế học tư sản Đức buộc phải thốt ra. Ở đây chúng ta thấy rõ rằng tổ chức độc quyền của tư nhân và tổ chức độc quyền nhà nước hòa với nhau làm một trong thời đại tư bản tài chính, và thực tế cả hai đều chỉ là những mắt xích của cuộc đấu tranh đế quốc chủ nghĩa giữa những bọn độc quyền lớn nhất để phân chia thế giới.

Trong ngành hàng hải thương mại, sự phát triển rất lớn của việc tập trung cũng dẫn đến chỗ phân chia thế giới. Ở Đức, người ta thấy nổi bật lên hai công ty lớn nhất: "Công ty Ham-bua-Mỹ" và "Công ty Lô-ít ở Bắc Đức", mỗi công ty có một số tư bản 200 triệu mác "gồm cổ phần và trái khoán) và có những tàu thủy trị giá từ 185 đến 189 triệu mác. Mặt khác, ở Mỹ, ngày 1 tháng Giêng 1903, đã thành lập một tơ-rớt gọi là tơ-rớt Moóc-gan, tức "Công ty thương mại hàng hải quốc tế", công ty này do 9 công ty tàu thủy của Mỹ và Anh hợp lại, và có một số tư bản 120 triệu đô-la (480 triệu mác). Ngay từ 1903, các công ty khổng lồ Đức và tơ-rớt Anh - Mỹ này đã ký kết với nhau một hiệp ước về việc phân chia thế giới để phân chia lợi nhuận. Các công ty Đức thôi không cạnh tranh trong việc vận chuyển giữa nước Anh

* "Die Bank", 1912, 2, 629, 1036, 1913, 1, 388.

và nước Mỹ nữa. Người ta đã quy định chính xác hải cảng này hoặc hải cảng kia thì "giao" cho ai, một ủy ban kiểm soát chung đã được thành lập, v.v.. Hiệp ước được ký kết trong thời hạn 20 năm, với một điều khoản dè trước là hiệp ước đó sẽ mất hiệu lực trong trường hợp có chiến tranh *.

Lịch sử thành lập các-ten quốc tế của ngành sản xuất đường ray xe lửa, cũng hết sức bổ ích. Ngay hồi 1884, trong lúc tình hình công nghiệp suy sụp hết sức trầm trọng, thì lần đầu tiên, các nhà máy sản xuất đường ray ở Anh, Bỉ và Đức đã tìm cách lập các-ten ấy. Họ đã đồng ý không cạnh tranh với nhau trên thị trường trong nước của các nước tham gia hiệp ước và đã chia nhau thị trường ngoài nước như sau: Anh - 66%, Đức - 27%, Bỉ - 7%. Thị trường Ấn-độ hoàn toàn giao cho Anh. Để chống lại một hãng Anh không tham gia hiệp ước, họ đã tiến hành một cuộc đấu tranh chung mà tiền phí tổn thì trích một tỷ lệ phần trăm nào đó trong tổng số tiền bán hàng. Nhưng đến năm 1886, khi hai công ty của Anh rút khỏi liên minh này, thì liên minh này liền sụp đổ. Điều đáng chú ý là không thể nào thực hiện được hiệp ước trong những thời kỳ phồn vinh tiếp sau đó của công nghiệp.

Đầu năm 1904, một xanh-đi-ca thép được thành lập ở Đức. Tháng Mười một 1904, các-ten quốc tế của ngành đường ray lại được khôi phục theo những định mức như sau: Anh - 53,5%, Đức- 28,83%, Bỉ - 17,67%. Sau đó, Pháp cũng tham gia với những định mức như sau: năm thứ nhất là 4,8% năm thứ hai 5,8% và năm thứ ba 6,4%, ngoài mức 100%, tức là cộng lại thành 104,8%, v.v.. Năm 1905, "Tơ-rớt thép" của Mỹ ("Công ty thép") cũng tham gia các-ten đó, rồi đến Áo và Tây-ban-nha. Năm 1910, Phô-ghen-stanh viết: "Trong lúc này, việc phân chia thế giới đã xong, và những người tiêu thụ lớn, trước tiên là ngành đường sắt của nhà

* Rít-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 125.

nước có thể sống như nhà thi sĩ trên thiên cung của Giuy-pi-te, vì thế giới đã phân chia xong rồi và người ta không đếm xỉa gì đến những lợi ích của họ"*.

Ta hãy kể thêm xanh-đi-ca kẽm quốc tế, một xanh-đi-ca được thành lập năm 1909 và đã phân phối chính xác khối lượng sản xuất giữa năm nhóm nhà máy: Đức, Bỉ, Pháp, Tây-ban-nha, Anh; rồi đến tơ-rớt quốc tế chế tạo thuốc nổ, mà theo lời Líp-man, thì đó là "một liên minh chặt chẽ hoàn toàn hiện đại giữa tất cả các xưởng thuốc nổ Đức, các xưởng này, sau đó cùng với các xưởng chế tạo đi-na-mít của Pháp và Mỹ cũng được tổ chức theo cách tương tự, đã chia nhau có thể nói là toàn bộ thế giới" **.

Líp-man tính tổng cộng lại, thì năm 1897, nước Đức đã tham dự vào gần 40 các-ten quốc tế, và đến 1910 thì đã tham dự vào gần 100 các-ten.

Một số tác giả tư sản (ngày nay cả C. Cau-xky, là người đã hoàn toàn phản bội lập trường mác-xít mà ông ta đã giữ chẳng hạn vào năm 1909, cũng thuộc vào loại tác giả đó) cho rằng những các-ten quốc tế, một trong những biểu hiện nổi bật nhất của việc quốc tế hóa tư bản, đã cho phép người ta hy vọng rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giữa các dân tộc có thể có hòa bình. Về mặt lý luận, thì ý kiến này hoàn toàn phi lý; trong thực tiễn, đó là một lối ngụy biện và một lối bênh vực bất chính cho chủ nghĩa cơ hội xấu xa nhất. Những các-ten quốc tế chỉ rõ rằng ngày nay, các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa đã phát triển đến mức độ nào rồi và *cái gì là nguyên nhân* của cuộc đấu tranh giữa các liên minh của bọn tư bản. Điểm sau là điểm quan trọng nhất; chỉ có điểm đó mới giải thích cho ta thấy ý nghĩa lịch sử và kinh tế của các sự kiện đang xảy ra, vì *hình thức* đấu tranh có thể thay đổi và luôn luôn thay đổi tùy thuộc vào những

---

* Vogelstein. "Organisationsformen", tr. 100.

** Liefmann. "Kartelle und Trusts", 2. A., tr. 161.

nguyên nhân khác nhau tương đối có tính chất cục bộ và tạm thời, nhưng chừng nào giai cấp còn tồn tại thì *thực chất* của cuộc đấu tranh, *nội dung* giai cấp của cuộc đấu tranh thực sự *không thể nào* thay đổi được. Điều hiển nhiên là che giấu *nội dung* của cuộc đấu tranh kinh tế hiện đại (sự phân chia thế giới), và nhấn mạnh khi thì *hình thức* này, khi thì *hình thức* khác của cuộc đấu tranh đó, như thế là vì lợi ích của giai cấp tư bản Đức chẳng hạn, mà trong những nghị luận của mình, Cau-xky thực chất đã chuyển sang hàng ngũ giai cấp đó (về điểm này chúng tôi sẽ lại bàn đến sau). Cau-xky cũng mắc phải sai lầm đó. Cố nhiên, đây không phải là nói giai cấp tư bản Đức, mà là nói giai cấp tư sản toàn thế giới. Bọn tư sản chia nhau thế giới, không phải do tính độc ác đặc biệt của chúng, mà do sự tập trung đã tới mức độ buộc chúng phải đi vào con đường ấy để kiếm lời; và bọn chúng "căn cứ theo tư bản" và "theo lực lượng" mà chia nhau thế giới, vì trong điều kiện nền sản xuất hàng hóa và trong chế độ tư bản thì không thể có cách phân chia nào khác nữa. Nhưng lực lượng thì thay đổi tùy theo sự phát triển kinh tế và chính trị; muốn hiểu các sự biến, thì phải biết những vấn đề nào là do sự thay đổi về lực lượng quyết định; còn như xem xét những sự thay đổi ấy có phải "thuần túy" mang tính chất kinh tế hay *phi* kinh tế (tính chất quân sự chẳng hạn), thì đó là một vấn đề thứ yếu, không thể làm thay đổi gì những quan điểm cơ bản về thời kỳ mới nhất của chủ nghĩa tư bản. Đem vấn đề hình thức của cuộc đấu tranh và các cuộc thỏa thuận (hôm nay thì mang tính chất hòa bình, ngày mai lại không hòa bình, ngày kia lại vẫn không hòa bình nữa) giữa các liên minh của bọn tư bản để thay cho vấn đề *nội dung* của cuộc đấu tranh và các cuộc thỏa thuận ấy, như thế là rơi xuống thành kẻ ngụy biện.

Thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại chỉ cho ta thấy rằng giữa các liên minh của bọn tư bản, những quan hệ nhất định đã được xác lập *trên cơ sở* phân chia thế giới về kinh

tế; song song với tình hình đó và gắn liền với tình hình đó, thì giữa các liên minh chính trị, giữa các nước, những quan hệ nhất định cũng được xác lập trên cơ sở phân chia thế giới về lãnh thổ, tranh giành thuộc địa, "tranh giành lãnh thổ kinh tế".

## VI. VIỆC PHÂN CHIA THẾ GIỚI GIỮA CÁC ĐẠI CƯỜNG QUỐC

Trong cuốn sách bàn về "sự bành trướng lãnh thổ thuộc địa của châu Âu" *, nhà địa lý học A. Xu-pan có tổng kết vắn tắt sự bành trướng đó hồi cuối thế kỷ XIX như sau:

*Lãnh thổ thuộc các cường quốc thực dân châu Âu (kể cả nước Mỹ) tính theo tỷ lệ phần trăm:*

| | 1876 | 1900 | Tăng giảm |
|---|---|---|---|
| Ở châu Phi....... | 10,8% | 90,4% | +79,6% |
| Ở Pô-li-nê-di.... | 56,8% | 98,9% | +42,1% |
| Ở châu Á......... | 51,5% | 56,6% | + 5,1% |
| Ở châu Úc........ | 100,0% | 100,0% | – |
| Ở châu Mỹ........ | 27,5% | 27,2% | - 0,3% |

Ông ta kết luận: "Như vậy, đặc điểm của thời kỳ này là sự phân chia châu Phi và Pô-li-nê-di". Vì ở châu Á và châu Mỹ không còn một lãnh thổ nào là chưa bị chiếm, nghĩa là những lãnh thổ chưa thuộc về một nước nào, nên phải mở rộng câu kết luận của Xu-pan và phải nói rằng đặc điểm của thời kỳ đang nói đến đó, là sự phân chia dứt khoát trái đất, dứt khoát đây không phải hiểu theo ý nghĩa là không thể có một *sự phân chia lại* – ngược lại, vẫn có

* A. Supan. "Die territoriale Entwicklung der europäischen Kolo-nien". 1906, tr. 254[1].

1) A. Xu-pan. "Sự bành trướng lãnh thổ thuộc địa của châu Âu".

thể có và cũng không thể tránh khỏi những sự phân chia lại – mà là hiểu theo ý nghĩa là chính sách thực dân của các nước tư bản chủ nghĩa *đã làm xong* việc xâm chiếm các lãnh thổ chưa bị chiếm trên hành tinh của chúng ta. Lần đầu tiên, thế giới đã hoàn toàn bị phân chia, khiến cho trong tương lai *chỉ* có thể nói đến việc chia lại mà thôi, nghĩa là việc chuyển từ tay "chủ" này sang tay "chủ" khác, chứ không phải việc chuyển từ chỗ vô chủ sang "có chủ".

Như vậy là chúng ta đang trải qua một thời đại đặc thù của chính sách thực dân toàn thế giới gắn hết sức chặt với "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", với tư bản tài chính. Vì thế, trước tiên, cần phải xem xét tỉ mỉ hơn các số liệu thực tế, để hiểu thật chính xác hơn chỗ khác nhau giữa thời đại hiện nay với các thời đại trước, và để hiểu thật chính xác hơn tình hình hiện nay. Trước hết, ở đây nảy ra hai vấn đề thực tế; chính trong thời đại tư bản tài chính, chính sách thực dân có được tăng cường thêm không, cuộc đấu tranh để giành thuộc địa có gay gắt thêm không và về phương diện đó thì hiện nay thế giới bị phân chia cụ thể như thế nào?

Trong cuốn sách nói về lịch sử công cuộc di thực*, tác giả Mỹ Mô-ri-xơ tìm cách so sánh những số liệu về quy mô các thuộc địa của Anh, của Pháp và của Đức trong các thời kỳ khác nhau của thế kỷ XIX [152]. Sau đây là tóm tắt những kết quả ông ta đã đạt được (xem bảng tr. 475. *BT*.):

Đối với nước Anh, thời kỳ xâm chiếm thuộc địa hết sức mạnh là từ 1860 đến 1880, và cũng rất mạnh trong hai mươi năm cuối thế kỷ XIX. Đối với Pháp và Đức, thì thời kỳ xâm chiếm thuộc địa hết sức mạnh chính là vào hai mươi năm

* Henry C. Morris. "The History of Colonization". N. Y, 1900, vol, II, pp. 88; I, 419; II, 304[1].

1) Hen-ry C. Mô-ri-xơ. "Lịch sử công cuộc di thực" Niu-oóc, 1900, t. II, tr. 88; I, 419, II, 304.

*Quy mô các thuộc địa của*

| Năm | Anh | | Pháp | | Đức | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | diện tích (tính triệu dặm vuông) | dân số (tính triệu người) | diện tích (tính triệu dặm vuông) | dân số (tính triệu người) | diện tích (tính triệu dặm vuông) | dân số (tính triệu người) |
| 1815 - 1830 | ? | 126,4 | 0,02 | 0,5 | – | – |
| 1860 | 2,5 | 145,1 | 0,2 | 3,4 | – | – |
| 1880 | 7,7 | 267,9 | 0,7 | 7,5 | – | – |
| 1899 | 9,3 | 309,0 | 3,7 | 56,4 | 1,0 | 14,7 |

đó. Trên kia, ta đã thấy rằng chủ nghĩa tư bản trước độc quyền – chủ nghĩa tư bản trong đó cạnh tranh tự do chiếm ưu thế – đã phát triển đến tột mức vào thời kỳ từ 1860 đến 1870. Bây giờ chúng ta thấy rằng *chính sau thời kỳ ấy*, những cuộc xâm chiếm thuộc địa bắt đầu "tăng lên" rất mạnh, và cuộc đấu tranh để phân chia lãnh thổ trên thế giới trở nên vô cùng gay gắt. Cho nên, không còn nghi ngờ gì nữa, bước chuyển của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, sang tư bản tài chính, là *gắn liền* với cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt nhằm phân chia thế giới.

Trong tác phẩm nói về chủ nghĩa đế quốc, Hốp-xơn nêu bật thời kỳ từ 1884 đến 1900, coi đó là thời kỳ "bành trướng" (mở rộng lãnh thổ) mãnh liệt của các nước chủ yếu ở châu Âu. Theo ông ta tính toán thì nước Anh, trong thời kỳ này, đã chiếm được một lãnh thổ rộng 3,7 triệu dặm vuông với số dân là 57 triệu người; nước Pháp – 3,6 triệu dặm vuông với số dân là 36$^{1}/_{2}$ triệu người; nước Đức – 1 triệu dặm vuông với số dân là 14,7 triệu người; nước Bỉ – 90 vạn dặm vuông với 30 triệu người; Bồ-đào-nha – 80 vạn dặm vuông với 9 triệu người. Việc săn kiếm thuộc địa do tất cả các nước tư bản chủ nghĩa tiến hành hồi cuối thế kỷ XIX và

đặc biệt sau 1880, là một sự kiện mà mọi người đều biết trong lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại.

Ở Anh, trong thời kỳ cạnh tranh tự do phồn vinh nhất, từ 1840 đến 1860, các nhà lãnh đạo chính trị tư sản trong nước đều *chống lại* chính sách thực dân, họ xem việc giải phóng các thuộc địa, việc tách hẳn những thuộc địa đó ra khỏi nước Anh là một việc không thể tránh được và có ích. Trong một bài báo nói về "chủ nghĩa đế quốc Anh hiện đại" *, đăng vào năm 1898, M. Be-rơ đã nêu rõ là nhà chính khách Anh Đi-xra-ê-li, một người nói chung là thiên về chủ nghĩa đế quốc, năm 1852 cũng đã tuyên bố rằng: "Các thuộc địa là những cối đá treo vào cổ chúng ta". Nhưng cuối thế kỷ XIX, những nhân vật nổi tiếng đương thời ở Anh là Xê-xin Rốt-xơ và Giô-dép Sem-bớc-lin đều công khai truyền bá chủ nghĩa đế quốc và thực hành chính sách đế quốc chủ nghĩa một cách trắng trợn nhất!

Điều đáng chú ý là ngay lúc bấy giờ, các lãnh tụ chính trị đó của giai cấp tư sản Anh cũng đã thấy rõ mối liên hệ giữa những nguồn gốc có thể nói là thuần túy kinh tế với những nguồn gốc xã hội - chính trị của chủ nghĩa đế quốc hiện đại. Sem-bớc-lin đã tuyên truyền chủ nghĩa đế quốc là một "chính sách chân chính, sáng suốt và tiết kiệm", đặc biệt nêu lên việc các nước Đức, Mỹ và Bỉ bây giờ cạnh tranh với nước Anh trên thị trường thế giới. Muốn thoát khỏi tình trạng đó thì phải có các tổ chức độc quyền, – bọn tư bản nói như vậy và lập ra những các-ten, xanh-đi-ca và tơ-rớt. Muốn thoát khỏi tình trạng đó thì phải có các tổ chức độc quyền, – bọn thủ lĩnh chính trị của giai cấp tư sản cũng lắp lại điều đó và vội vã chiếm đoạt những phần đất chưa bị phân chia trên thế giới. Nhà báo Xtít, người bạn chí thân của Xê-xin Rốt-xơ, kể lại rằng năm 1895, Xê-xin Rốt-xơ đã nói với ông về những tư tưởng đế quốc

* "Die Neue Zeit", XVI, I, 1898, S. 302.

chủ nghĩa của mình như sau: "Hôm qua, tôi có đến khu Cực Đông Luân-đôn (khu phố công nhân) và đã dự buổi họp của những người thất nghiệp. Ở đó, tôi đã nghe thấy những lời phát biểu cuồng bạo, toàn là những tiếng kêu; bánh mì, bánh mì! Khi trở về, tôi suy nghĩ về tất cả điều đã thấy đó, và tôi càng tin chắc hơn trước vào tính chất quan trọng của chủ nghĩa đế quốc... Tư tưởng thiêng liêng của tôi là giải quyết vấn đề xã hội, cụ thể là: muốn cứu bốn mươi triệu dân Vương quốc Liên hợp thoát khỏi một cuộc nội chiến chém giết lẫn nhau, thì chúng ta, những nhà chính trị thực dân, cần phải chiếm những đất đai mới để cho số dân thừa của chúng ta đến ở và để có những vùng đất mới mà tiêu thụ những hàng hóa sản xuất tại các công xưởng và hầm mỏ của chúng ta. Đế quốc, như tôi vẫn luôn luôn nói, là một vấn đề cơm áo. Nếu không muốn nội chiến, thì phải trở thành những người đế quốc chủ nghĩa" *.

Năm 1895, Xê-xin Rốt-xơ, nhà triệu phú, vua tài chính, kẻ chủ mưu trong việc gây ra chiến tranh Anh - Bô-e, đã nói như thế; thật ra cái lối ông ta bênh vực chủ nghĩa đế quốc chỉ hơi thô lỗ, trắng trợn, chứ về thực chất nó không khác "lý luận" của các ngài Ma-xlốp, Duy-đơ-cum, Pô-tơ-rê-xốp, Đa-vít, của nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác ở Nga, v.v. và v.v.. Xê-xin Rốt-xơ là một phần tử xã hội - sô-vanh có phần thành thật hơn đôi chút...

Để có được một bức tranh thật chính xác hơn về sự phân chia đất đai trên thế giới và về những sự thay đổi đã xảy ra trong vòng mấy chục năm gần đây về mặt đó, thì chúng ta hãy dùng những tài liệu mà Xu-pan đã cung cấp trong tác phẩm nói trên, về vấn đề các thuộc địa của tất cả các cường quốc trên thế giới. Xu-pan xét tình hình những năm 1876 và 1900; chúng ta hãy lấy năm 1876 - là năm đã được chọn rất đạt, vì chính vào thời kỳ này, về toàn bộ mà nói, người ta

* "Die Neue Zeit", XVI, 1, 1898, S. 304.

có thể coi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trước độc quyền là đã hoàn thành ở Tây Âu - và lấy năm 1914, rồi dùng những con số mới hơn trong "Bảng thống kê địa lý" của Huýp-nơ mà thay cho những con số của Xu-pan. Xu-pan chỉ nghiên cứu các thuộc địa thôi; để cho bức tranh về việc phân chia thế giới được đầy đủ, chúng tôi tưởng cũng nên thêm vào đó những tài liệu vắn tắt nói cả về các nước không phải là thuộc địa và các nước nửa thuộc địa nữa, trong đó chúng tôi xếp Ba-tư, Trung-quốc và Thổ-nhĩ-kỳ: hiện giờ, Ba-tư gần như hoàn toàn trở thành một thuộc địa; Trung-quốc và Thổ-nhĩ-kỳ thì đang trở thành thuộc địa [153].

Dưới đây là những kết quả mà chúng tôi đã thu được:

*Thuộc địa của các đại cường quốc:*
*(tính theo triệu ki-lô-mét vuông và theo triệu người)*

| | Thuộc địa | | | | Chính quốc | | Tổng cộng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1876 | | 1914 | | 1914 | | 1914 | |
| | ki-lô-mét vuông | người | ki-lô-mét vuông | người | ki-lô-mét vuông | người | ki-lô-mét vuông | người |
| Anh.................. | 22,5 | 251,9 | 33,5 | 393,5 | 0,3 | 46,5 | 33,8 | 440,0 |
| Nga.................. | 17,0 | 15,9 | 17,4 | 33,2 | 5,4 | 136,2 | 22,8 | 169,4 |
| Pháp..... | 0,9 | 6,0 | 10,6 | 55,5 | 0,5 | 39,6 | 11,1 | 95,1 |
| Đức...... | - | - | 2,9 | 12,3 | 0,5 | 64,9 | 3,4 | 77,2 |
| Mỹ....... | - | - | 0,3 | 9,7 | 9,4 | 97,0 | 9,7 | 106,7 |
| Nhật..... | - | - | 0,3 | 19,2 | 0,4 | 53,0 | 0,7 | 72,2 |
| *Tổng cộng 6 đại cường quốc*.................. | 40,4 | 273,8 | 65,0 | 523,4 | 16,5 | 437,2 | 81,5 | 960,6 |
| Thuộc địa của các cường quốc khác (Bỉ, Hà-lan, v.v.)......................... | | | | | | | 9,9 | 45,3 |
| Nửa thuộc địa (Ba-tư, Trung-quốc, Thổ-nhĩ-kỳ)................................. | | | | | | | 14,5 | 361,2 |
| Các nước khác.......................................................................... | | | | | | | 28,0 | 289,9 |
| *Toàn bộ trái đất*.......................................................... | | | | | | | 133,9 | 1 657,0 |

Ở đây chúng ta thấy rõ rằng bước vào thế kỷ XX, việc phân chia thế giới đã "kết thúc". Sau năm 1876, các thuộc địa được mở rộng theo những quy mô rất lớn; đối với sáu cường quốc lớn nhất thì diện tích các thuộc địa tăng lên từ 40 đến 65 triệu ki-lô-mét vuông, tức là rộng hơn trước kia quá gấp rưỡi, số tăng thêm là 25 triệu ki-lô-mét vuông, nghĩa là lớn hơn một lần rưỡi diện tích các chính quốc (16 $^1/_2$ triệu). Năm 1876, ba cường quốc không có một thuộc địa nào cả, và cường quốc thứ tư là nước Pháp thì gần như không có. Đến năm 1914, bốn cường quốc này có 14,1 triệu ki-lô-mét vuông thuộc địa, tức là một diện tích lớn hơn áng chừng gấp rưỡi diện tích châu Âu, với dân số gần 100 triệu người. Việc bành trướng thuộc địa chênh lệch nhau rất lớn. Nếu so sánh chẳng hạn Pháp, Đức và Nhật, là những nước mà diện tích và dân số không khác nhau lắm, thì ta nhận thấy là trong số các nước này, nước Pháp đã chiếm đoạt thuộc địa (về diện tích) gần gấp ba lần thuộc địa của hai nước kia tính gộp lại. Nhưng tính về khối lượng tư bản tài chính thì nước Pháp hồi đầu thời kỳ nói trên, có lẽ cũng giàu gấp mấy lần các nước Đức và Nhật gộp lại. Ngoài những điều kiện thuần túy kinh tế ra và trên cơ sở những điều kiện đó, thì những điều kiện địa lý và những điều kiện khác nữa cũng ảnh hưởng đến quy mô thuộc địa. Dưới áp lực của đại công nghiệp, của sự trao đổi và của tư bản tài chính, trong mấy chục năm gần đây, quá trình làm cho các nước tiến lên ngang nhau, làm cho những điều kiện kinh tế và sinh hoạt trong các nước trở thành ngang nhau, dù có diễn ra mạnh mẽ như thế nào nữa, nhưng giữa các nước đó vẫn có những sự chênh lệch không nhỏ, và trong sáu nước kể trên, chúng ta thấy một mặt là những nước tư bản trẻ (Mỹ, Đức, Nhật) tiến bộ hết sức nhanh chóng; mặt khác là những nước tư bản già (Pháp, Anh), trong thời gian gần đây lại phát triển chậm hơn các nước trên nhiều; sau hết là một nước lạc hậu nhất về kinh tế (Nga), trong đó

chủ nghĩa đế quốc tư bản hiện đại có thể nói là bị bao bọc trong một mạng lưới đặc biệt dày đặc những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa.

Bên cạnh các thuộc địa của những đại cường quốc, chúng tôi đã kể cả những thuộc địa nhỏ của những nước nhỏ; các thuộc địa này, có thể nói, là đối tượng số một của "sự phân chia lại" có thể và chắc chắn sẽ xảy ra. Những nước nhỏ này giữ được thuộc địa của mình phần lớn chỉ là nhờ tình trạng giữa các cường quốc lớn có những sự đối lập về quyền lợi, những sự va chạm, v.v. đã cản trở không cho các cường quốc lớn đó thỏa thuận với nhau trong việc phân chia của cướp được. Còn về những nước "nửa thuộc địa", thì đó là những ví dụ về những hình thức quá độ mà người ta thấy có trong tất cả các lĩnh vực tự nhiên và xã hội. Tư bản tài chính là một lực lượng hết sức hùng mạnh, có thể nói là có tính chất quyết định trong mọi quan hệ kinh tế và trong mọi quan hệ quốc tế, đến mức nó có khả năng bắt và thực tế đã bắt ngay cả những nước đang độc lập hoàn toàn về chính trị cũng phải phụ thuộc vào nó. Lát nữa, chúng ta sẽ thấy những ví dụ về điều đó. Nhưng cố nhiên, cái làm cho tư bản tài chính có được những "sự thuận tiện" lớn nhất và được lợi nhiều nhất, là sự phụ thuộc *nào* gắn liền với việc những nước, những dân tộc bị phụ thuộc mất quyền độc lập chính trị của mình. Các nước nửa thuộc địa là điển hình của hình thức "lưng chừng" về mặt này. Dĩ nhiên là trong thời đại tư bản tài chính, khi mà bộ phận còn lại của thế giới đã bị phân chia rồi, thì cuộc đấu tranh để giành những nước nửa phụ thuộc đó, đặc biệt phải trở nên gay gắt.

Chính sách thực dân và chủ nghĩa đế quốc đã có ngay từ trước giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản và thậm chí trước cả chủ nghĩa tư bản nữa. La-mã được xây dựng trên cơ sở chế độ nô lệ, đã thực hiện chính sách thực dân và đã thực hành chủ nghĩa đế quốc rồi. Song những nghị luận "chung chung" về chủ nghĩa đế quốc, vì bỏ qua hoặc

xem nhẹ sự khác nhau căn bản giữa những hình thái kinh tế - xã hội, nên không tránh khỏi trở thành những câu tầm thường rỗng tuếch, hay những câu khoác lác, như việc so sánh "Đại La-mã với Đại Anh quốc"*. Ngay cả chính sách thực dân của chủ nghĩa tư bản, trong các giai đoạn *trước kia* của nó, cũng căn bản khác với chính sách thực dân của tư bản tài chính.

Đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự thống trị của các liên minh độc quyền của bọn kinh doanh lớn nhất. Các tổ chức độc quyền này trở nên vững chắc nhất khi một mình chúng chiếm đoạt được *hết thảy* các nguồn nguyên vật liệu. Ta đã thấy các liên minh tư bản quốc tế hăng hái biết bao để cố gắng tước mọi khả năng cạnh tranh của đối thủ, để mua lại chẳng hạn các vùng có mỏ sắt hay các nguồn dầu lửa, v.v.. Chỉ có việc chiếm được thuộc địa mới hoàn toàn đảm bảo cho các tổ chức độc quyền đối phó có hiệu quả với mọi trường hợp bất trắc trong cuộc đấu tranh với đối thủ của mình, ngay cả gặp trường hợp bất trắc như khi đối thủ muốn tự vệ bằng một đạo luật về chế độ độc quyền nhà nước. Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay gắt và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới càng ráo riết, thì cuộc đấu tranh để chiếm thuộc địa càng quyết liệt hơn.

Sin-đơ viết: "Ta có thể đưa ra câu khẳng định này, mà một số người có thể cho là ngược đời, cụ thể là: việc tăng dân cư thành thị và dân cư công nghiệp, trong một tương lai tương đối gần đây, sẽ có thể gặp trở ngại vì thiếu nguyên

* C. P. Lucas. "Greater Rome and Greater Britain". Oxf, 1912[1)] hay Earl of Cromer. "Ancient and modern Imperialism". L., 1910[2)].

1) S. P. Lu-ca-xơ. "Đại La-mã và Đại Anh quốc". Ốc-xpho, 1912.

2) Công tước Crô-mơ. "Chủ nghĩa đế quốc cổ đại và chủ nghĩa đế quốc hiện đại". Luân-đôn, 1910.

liệu công nghiệp nhiều hơn là vì thiếu thực phẩm". Thí dụ như tình trạng thiếu gỗ là thứ mà giá cả không ngừng tăng lên, tình trạng thiếu da, thiếu những nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp dệt ngày càng trở nên gay gắt. "Những liên minh các nhà công nghiệp đang tìm cách tạo ra một thế cân bằng giữa nông nghiệp và công nghiệp trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế thế giới; người ta có thể dẫn ra làm ví dụ Liên minh quốc tế của những liên minh các chủ xưởng kéo sợi bông, đã tồn tại từ năm 1904 trong một số nước công nghiệp quan trọng nhất; sau nữa là Liên minh của những liên minh các chủ xưởng kéo sợi lanh châu Âu, thành lập từ năm 1910, theo cùng một kiểu đó"*.

Cố nhiên, bọn cải lương tư sản, và trong số đó thì đặc biệt là phái Cau-xky hiện nay, đang tìm cách làm giảm bớt ý nghĩa của những sự thật đó, bằng cách nói rằng "người ta có thể", kiếm nguyên liệu trên thị trường tự do mà không cần đến chính sách thực dân "tốn kém và nguy hiểm", và "người ta có thể" tăng rất mạnh lượng cung về nguyên liệu, bằng cách "đơn giản" cải thiện những điều kiện của nông nghiệp nói chung. Song những ý kiến nêu lên ấy đã biến thành sự bảo vệ chủ nghĩa đế quốc, tô điểm chủ nghĩa đế quốc, vì những ý kiến nêu lên đó xuất phát từ chỗ bỏ qua đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại là: các tổ chức độc quyền. Thị trường tự do ngày càng lùi vào quá khứ; các xanh-đi-ca và tơ-rớt độc quyền ngày càng cắt xén thị trường đó, còn việc "đơn giản" cải thiện những điều kiện của nông nghiệp thì lại dẫn đến chỗ cải thiện tình cảnh của quần chúng, nâng cao tiền công và làm giảm lợi nhuận. Nhưng thử hỏi, ngoài óc tưởng tượng của bọn cải lương nói ngọt như đường ra, thì còn tìm đâu ra được những tơ-rớt có thể quan tâm đến tình cảnh của quần chúng, chứ không phải là quan tâm đến việc đi xâm chiếm thuộc địa?

---

* Schilder, tác phẩm đã dẫn, tr. 38-42.

Đối với tư bản tài chính, không phải chỉ những nguồn nguyên liệu đã được tìm ra mới có ý nghĩa, mà cả những nguồn nguyên liệu có thể tìm ra được cũng có ý nghĩa, vì hiện nay, kỹ thuật phát triển nhanh chóng không thể tưởng tượng được, và những đất đai hôm nay chưa dùng được thì ngày mai có thể dùng được nếu tìm ra được những phương pháp mới (để đạt mục đích đó, ngân hàng lớn có thể tổ chức một đoàn nghiên cứu đặc biệt gồm kỹ sư, các nhà nông học, v.v.), nếu người ta bỏ vào đó những số tư bản lớn. Đối với những cuộc thăm dò những tài nguyên khoáng sản, đối với những phương pháp mới trong việc chế biến và sử dụng những loại nguyên liệu nào đó, v.v, v.v., thì cũng vậy. Do đó, tư bản tài chính không tránh khỏi có xu hướng muốn mở rộng lãnh thổ kinh tế của nó, và thậm chí lãnh thổ nói chung. Nếu các tơ-rớt đem tư bản hóa tài sản của mình bằng cách đánh giá tài sản đó gấp hai hay ba lần, tính trước những khoản lợi nhuận "có thể thu được" sau này (chứ không phải số lợi nhuận hiện tại) và tính trước những kết quả tương lai của độc quyền, – thì tư bản tài chính nói chung cũng thế, nó có xu hướng muốn chiếm lấy thật nhiều đất, dù đất đai đó như thế nào, dù đất đai đó ở đâu, và bất cứ bằng cách nào, vì nó tính đến những nguồn nguyên liệu có thể có và vì sợ lạc hậu trong cuộc tranh giành điên cuồng để giành lấy những mảnh đất cuối cùng chưa bị phân chia trên thế giới, hoặc chia lại những mảnh đất đã chia rồi.

Bọn tư bản Anh cố gắng dùng đủ mọi cách để phát triển nghề trồng bông ở thuộc địa Ai-cập *của chúng*, nghề này năm 1904 đã chiếm 0,6 triệu héc-ta trong số 2,3 triệu héc-ta đất trồng trọt, tức là hơn một phần tư. Bọn tư bản Nga cũng làm như vậy trong thuộc địa Tuốc-kê-xtan *của chúng.* Bởi vì làm như thế cả hai bọn tư bản đó đều có thể thắng được những bọn cạnh tranh nước ngoài một cách dễ dàng hơn, đều có thể dễ dàng đi đến chỗ nắm độc quyền những nguồn nguyên liệu hơn, đi đến chỗ thành lập được

một tơ-rớt dệt ít tốn phí hơn, sinh lợi hơn, với cách sản xuất "liên hợp", với sự tập trung *hết thảy* các giai đoạn sản xuất và chế biến bông vào tay một mình chúng.

Lợi ích của việc xuất khẩu tư bản cũng thúc đẩy sự xâm chiếm thuộc địa, vì trên thị trường thuộc địa mới dễ dàng (và đôi khi chỉ có trên thị trường đó mới có thể) loại trừ được kẻ cạnh tranh bằng những thủ đoạn độc quyền, mới dễ dàng nắm được việc cung cấp hàng hóa, củng cố những "mối liên hệ" thích đáng, v.v..

Kiến trúc thượng tầng phi kinh tế được xây dựng trên cơ sở tư bản tài chính, cũng như chính sách và hệ tư tưởng của tư bản tài chính, đều làm cho xu hướng đi xâm chiếm thuộc địa mạnh thêm. Hin-phéc-đinh nói rất đúng: "Tư bản tài chính không muốn để có tự do, mà muốn thống trị". Và một tác giả tư sản Pháp, như để phát triển và bổ sung những ý kiến nói trên của Xê-xin Rốt-xơ[1] đã viết rằng ngoài những nguyên nhân kinh tế nên thêm những nguyên nhân xã hội của chính sách thực dân ngày nay: "sự phức tạp trong đời sống ngày càng tăng, những khó khăn ngày càng tăng chẳng những đè nặng lên đông đảo quần chúng công nhân mà còn đè lên cả những giai cấp trung gian nữa, vì vậy trong hết thảy các nước có nền văn minh cũ, đều đang tích tụ "những sự bất bình, bực tức, căm hờn, là những cái đe dọa nền an ninh xã hội; những lực lượng đã lìa khỏi quỹ đạo giai cấp nhất định thì cần được sử dụng, cần để cho lực lượng ấy có một việc làm nào đó ở nước ngoài, nếu như người ta không muốn có sự bùng nổ ở trong nước"*.

---

* Wahl. "La France aux colonies"[2], trích dẫn Henri Russier. "Le Partage de l' Océanie". P., 1905, p. 165[3].

---

1) Xem tập này, tr. 479.

2) Van. "Nước Pháp ở thuộc địa".

3) Hăng-ri Ruýt-xi-ê. "Sự phân chia châu Đại-dương". Pa-ri, 1905, tr. 165.

Khi nói đến chính sách thực dân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, thì cần chú ý rằng tư bản tài chính và chính sách quốc tế thích ứng với nó – chính sách này là cuộc đấu tranh của các cường quốc lớn để phân chia thế giới về mặt kinh tế và chính trị – đã tạo nên hàng loạt hình thức lệ thuộc *có tính chất quá độ* của các nước. Tiêu biểu cho thời đại đó, không những chỉ có hai loại nước chủ yếu: những nước chiếm thuộc địa và những thuộc địa, mà còn có nhiều nước phụ thuộc với những hình thức khác nhau, những nước này trên hình thức thì được độc lập về chính trị, nhưng thực tế lại mắc vào cái lưới phụ thuộc về tài chính và ngoại giao. Trước đây, chúng tôi đã nêu ra một trong những hình thức ấy là những nước nửa thuộc địa. Kiểu mẫu của một hình thức khác là Ác-hen-ti-na, chẳng hạn.

Trong tác phẩm nói về chủ nghĩa đế quốc Anh, Sun-txê-Ghê-véc-ni-txơ viết: "Nam Mỹ, và nhất là Ác-hen-ti-na, đang ở vào một tình trạng phụ thuộc Luân-đôn về tài chính, đến nỗi nên gọi nó gần như là một thuộc địa thương mại của Anh vậy"*. Dựa theo những thông cáo của viên lãnh sự Áo - Hung ở Bu-ê-nốt - E-rơ năm 1909, Sin-đơ đã tính rằng số tư bản Anh đầu tư vào Ác-hen-ti-na là 8 $^{3}/_{4}$ tỷ phrăng. Chúng ta có thể hình dung một cách dễ dàng rằng việc đó bảo đảm cho tư bản tài chính – và "bạn" trung thành

* Schulze-Gaevernitz "Britischer Imperialismus und englischer Freihandel zu Beginn des 20 - ten Jahrhunderts". Lpz. 1906, tr. 318[1]. Sartorius v. Waltershausen cũng nói như vậy. "Das volkswirtschaftliche System der Kapitalanlage im Auslande". Berlin, 1907. S. 46 [2].

1) Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, "Chủ nghĩa đế quốc Anh và nền thương mại tự do của Anh đầu thế kỷ XX". Lai-pxích, 1906.

2) Xác-tô-ri-út phôn Van-tơ-hau-xên. "Hệ thống kinh tế quốc dân trong việc đầu tư tư bản ở nước ngoài". Béc-lanh, 1907, tr. 46.

của nó là nền ngoại giao - của nước Anh, có những mối liên hệ vững chắc như thế nào với giai cấp tư sản Ác-hen-ti-na, với các giới lãnh đạo toàn bộ đời sống kinh tế và đời sống chính trị của nước này.

Bồ-đào-nha là một ví dụ về hình thức phụ thuộc tài chính và ngoại giao hơi khác một chút, trong điều kiện có độc lập chính trị. Bồ-đào-nha là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, nhưng thực tế thì từ hơn 200 năm nay, từ khi có cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Tây-ban-nha (1701 - 1914), Bồ-đào-nha đã bị đặt dưới quyền bảo hộ của Anh rồi. Nước Anh đã bảo vệ Bồ-đào-nha và các thuộc địa của nước này, nhằm mục đích củng cố trận địa riêng của mình trong cuộc đấu tranh chống những đối thủ của mình là Tây-ban-nha và Pháp. Để bù lại, nước Anh đã được hưởng những khoản lợi về thương mại, những điều kiện tốt nhất trong việc xuất khẩu hàng hóa và nhất là trong việc xuất khẩu tư bản sang Bồ-đào-nha và các thuộc địa của nước này, đã được hưởng khả năng sử dụng các bến tàu và các hòn đảo cùng những đường dây điện ngầm của Bồ-đào-nha, v.v., v.v. *. Những quan hệ như thế đều luôn luôn có giữa những nước lớn và nhỏ, nhưng trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, những quan hệ đó trở thành một hệ thống phổ biến thành một bộ phận trong toàn bộ những quan hệ của "sự phân chia thế giới"; những quan hệ đó biến thành những khâu trong hoạt động của tư bản tài chính thế giới.

Để kết thúc vấn đề phân chia thế giới, chúng ta còn phải chú ý đến điều này nữa. Không phải chỉ riêng sách báo của Mỹ, sau cuộc chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ, và sách báo của Anh sau cuộc chiến tranh Anh - Bô-e, mới đặt ra hoàn toàn công khai và rõ ràng vấn đề này vào đúng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, cũng không phải chỉ riêng sách báo Đức, theo dõi "chủ nghĩa đế quốc Anh" một cách hết sức

* Sin-đơ, tác phẩm đã dẫn, t. 1, tr. 160-161.

"ghen ghét", mới đánh giá được sự việc ấy một cách có hệ thống. Mà cả trong sách báo tư sản của Pháp nữa, vấn đề này cũng được đề ra một cách khá rõ rệt và rộng rãi, đến một mức độ mà quan điểm tư sản có thể cho phép. Chúng ta hãy dẫn chứng nhà sử học Đri-ô, là người đã viết trong cuốn "Những vấn đề chính trị và xã hội cuối thế kỷ XIX" của ông ta, ở chương nói về "các đại cường quốc và sự phân chia thế giới", như sau: "Trong những năm gần đây, trừ Trung-quốc ra, thì tất cả những nơi còn trống trên trái đất đều bị các cường quốc châu Âu và Bắc Mỹ chiếm cả. Trên cơ sở đó đã xảy ra một vài cuộc xung đột và một vài sự di chuyển phạm vi ảnh hưởng, đó là triệu chứng báo trước những cuộc bùng nổ ghê sợ hơn trong tương lai gần đây. Vì phải làm gấp; nước nào chưa có phần thì có thể chẳng bao giờ có được nữa và có thể không được tham dự vào cuộc bóc lột thế giới theo một quy mô khổng lồ, cuộc bóc lột này sẽ là một trong những sự kiện căn bản nhất của thế kỷ sắp đến (thế kỷ XX). Vì thế toàn thể châu Âu và châu Mỹ gần đây đều điên cuồng đi bành trướng thuộc địa, thực hành "chủ nghĩa đế quốc", chủ nghĩa này là đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ cuối thế kỷ XIX". Tác giả lại nói thêm: "Trong sự phân chia thế giới ấy, trong cuộc chạy đua điên cuồng để giành những kho báu vật và những thị trường rộng lớn trên trái đất, thì lực lượng so sánh của những đế quốc được thành lập trong thế kỷ đó (thế kỷ XIX) hoàn toàn không tương xứng với vị trí mà các dân tộc đã lập nên những đế quốc ấy đang giữ ở châu Âu. Các cường quốc chiếm ưu thế ở châu Âu và nắm vận mệnh của châu Âu, thì lại *không phải* cũng chiếm ưu thế như vậy trên toàn thế giới. Và vì sự hùng mạnh về thuộc địa, sự hy vọng chiếm được những của cải chưa đánh giá được, hiển nhiên sẽ ảnh hưởng trở lại đến lực lượng so sánh của những cường quốc châu Âu, cho nên vấn đề thuộc địa – hay "chủ nghĩa đế quốc", nếu muốn gọi như vậy – trước đây đã làm thay đổi những

điều kiện chính trị của bản thân châu Âu, thì sau này sẽ ngày càng làm thay đổi những điều kiện ấy"*.

## VII. CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, GIAI ĐOẠN ĐẶC BIỆT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bây giờ, chúng ta phải thử nêu lên những điểm tổng kết nào đó, tổng hợp những điều đã nói ở trên về chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc là sự phát triển và sự kế tục trực tiếp của những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản nói chung. Nhưng chủ nghĩa tư bản chỉ trở thành chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa, khi nó đã đạt tới một trình độ phát triển nhất định, rất cao, khi một số những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu biến thành điều trái ngược với những đặc tính đó, khi những đặc điểm của một thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang một chế độ kinh tế - xã hội cao hơn, đã hình thành và bộc lộ ra hoàn toàn. Về mặt kinh tế, điểm cơ bản trong quá trình này là sự độc quyền tư bản chủ nghĩa đã thay thế cho sự cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa. Cạnh tranh tự do là đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản và của nền sản xuất hàng hóa nói chung; độc quyền là cái trực tiếp trái ngược với cạnh tranh tự do, nhưng trước mắt chúng ta cạnh tranh tự do biến thành độc quyền và tạo ra nền sản xuất lớn, loại bỏ nền sản xuất nhỏ, thay thế nền sản xuất lớn bằng một nền sản xuất lớn hơn nữa, đưa sự tập trung sản xuất và sự tập trung tư bản đến một mức độ mà sự tập trung này đã và đang làm cho các tổ chức độc quyền xuất hiện: các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt và tư bản – tư bản này hợp nhất với những tổ chức ấy – của mười ngân hàng thao túng hàng tỷ đồng. Đồng thời, độc

* J.- E. Driault. "Problèmes politiques et sociaux". P., 1900, tr. 299[1].

1) Gi.-E. Đri-ô. "Những vấn đề chính trị và xã hội". Pa-ri.

quyền không thủ tiêu sự cạnh tranh tự do là cái đã sinh ra chúng; chúng tồn tại ở bên trên sự cạnh tranh tự do và cùng với sự cạnh tranh tự do, do đó mà gây ra một số mâu thuẫn, va chạm và xung đột đặc biệt gay gắt và kịch liệt. Độc quyền là bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên một chế độ cao hơn.

Nếu cần định nghĩa chủ nghĩa đế quốc cho thật hết sức vắn tắt thì phải nói rằng chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản. Định nghĩa này có thể bao gồm được cái chủ yếu nhất, vì một mặt thì tư bản tài chính là kết quả của sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng của một số ít ngân hàng độc quyền lớn nhất, với tư bản của những liên minh độc quyền các nhà công nghiệp; mặt khác thì sự phân chia thế giới là bước quá độ từ chính sách thực dân đang lan rộng một cách tự do đến những miền chưa bị một cường quốc tư bản nào chiếm đoạt, sang chính sách thực dân muốn độc chiếm những đất đai đã hoàn toàn chia xong trên thế giới.

Song những định nghĩa vắn tắt quá, mặc dù có tiện lợi vì tóm tắt được cái chủ yếu, nhưng vẫn không đầy đủ, vì từ những định nghĩa đó cần tách riêng ra những đặc điểm rất căn bản của hiện tượng mà ta cần định nghĩa. Cho nên trong khi không quên cái ý nghĩa có tính chất quy ước và tương đối trong tất cả các định nghĩa nói chung – là những định nghĩa không bao giờ có thể bao quát được những mối liên hệ toàn diện của một hiện tượng trong sự phát triển đầy đủ của hiện tượng ấy – thì chúng ta, khi định nghĩa chủ nghĩa đế quốc, phải đưa ra một định nghĩa bao gồm năm dấu hiệu cơ bản của chủ nghĩa đế quốc: 1) sự tập trung sản xuất và tư bản đạt tới một mức độ phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế; 2) sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp, và trên cơ sở "tư bản tài chính", đó, xuất hiện một bọn đầu sỏ tài chính; 3) việc xuất khẩu tư bản, khác với việc xuất khẩu hàng hóa, đã có một ý nghĩa quan

trọng đặc biệt; 4) sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới, và 5) việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản đạt đến một giai đoạn phát triển trong đó sự thống trị của các tổ chức độc quyền và của tư bản tài chính đã được xác lập; việc xuất khẩu tư bản đã có một ý nghĩa nổi bật; sự phân chia thế giới đã bắt đầu được tiến hành giữa các tơ-rớt quốc tế và sự phân chia toàn bộ đất đai trên thế giới giữa những nước tư bản lớn nhất, đã kết thúc.

Dưới đây, chúng ta sẽ thấy người ta có thể và phải định nghĩa chủ nghĩa đế quốc một cách khác, nếu như người ta xét không phải chỉ những khái niệm cơ bản mang tính chất thuần túy kinh tế (định nghĩa nói trên chỉ hạn chế trong những khái niệm này thôi), mà còn xét cả vị trí lịch sử của giai đoạn này của chủ nghĩa tư bản đối với chủ nghĩa tư bản nói chung, hay còn xét quan hệ giữa chủ nghĩa đế quốc và hai xu hướng cơ bản trong phong trào công nhân. Điều cần chú ý ngay là chủ nghĩa đế quốc, hiểu theo nghĩa đã nói ở trên, thì rõ ràng là một giai đoạn phát triển đặc biệt của chủ nghĩa tư bản. Để bạn đọc có được một khái niệm thật hết sức có căn cứ về chủ nghĩa đế quốc, chúng tôi cố tìm cách dẫn ra thật nhiều ý kiến của những nhà kinh tế học *tư sản* đã buộc phải thừa nhận những sự thật đã được xác nhận một cách đặc biệt không chối cãi được, rút từ trong nền kinh tế hiện đại của chủ nghĩa tư bản. Chính cũng nhằm mục đích đó, mà chúng tôi đã đưa ra những số liệu thống kê chi tiết cho phép ta thấy rõ được tư bản ngân hàng đã phát triển chính là đến trình độ nào, v.v., sự chuyển biến từ lượng thành chất, bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản phát triển sang chủ nghĩa đế quốc đã biểu hiện chính là ở chỗ nào. Không cần phải nói cũng rõ là trong giới tự nhiên và trong xã hội, dĩ nhiên tất cả mọi ranh giới đều có tính chất quy ước và biến động; và vì thế, nếu cứ tranh luận, chẳng hạn

về vấn đề tìm xem chủ nghĩa đế quốc được xác lập một cách "dứt khoát" vào năm nào hay vào khoảng mười năm nào, thì sẽ thật là phi lý.

Nhưng tranh luận về định nghĩa chủ nghĩa đế quốc, thì phải tranh luận trước hết với C. Cau-xky, nhà lý luận mác-xít chủ yếu của thời đại mà người ta gọi là thời đại Quốc tế II, nghĩa là quãng thời gian 25 năm từ 1889 đến 1914. Năm 1915 và ngay từ tháng Mười một 1914, Cau-xky đã hoàn toàn kiên quyết lên tiếng phản đối những tư tưởng cơ bản thể hiện trong định nghĩa của chúng tôi về chủ nghĩa đế quốc, và tuyên bố rằng phải hiểu chủ nghĩa đế quốc là một chính sách, chính là một chính sách nhất định mà tư bản tài chính "ưa thích" chứ không phải là một "giai đoạn" hoặc một trình độ phát triển của nền kinh tế; rằng người ta không thể "quy làm một" chủ nghĩa đế quốc và "chủ nghĩa tư bản hiện đại" được; rằng, nếu hiểu chủ nghĩa đế quốc là "tất cả những hiện tượng của chủ nghĩa tư bản hiện đại" - các-ten, chế độ bảo hộ thuế quan, sự thống trị của bọn tài chính, chính sách thực dân, - thì như thế, vấn đề tính tất yếu của chủ nghĩa đế quốc đối với chủ nghĩa tư bản rút lại chỉ là "một sự trùng phức tầm thường nhất", vì như thế thì "lẽ tự nhiên, chủ nghĩa đế quốc là một sự tất yếu sống còn đối với chủ nghĩa tư bản", v.v.., Chúng tôi sẽ diễn đạt ý kiến của Cau-xky một cách chính xác hơn hết, nếu dẫn ra định nghĩa của ông ta về chủ nghĩa đế quốc, định nghĩa này nhằm trực tiếp chống lại thực chất của những tư tưởng chúng tôi đã trình bày (vì từ lâu Cau-xky đã biết rằng những lời phản đối của phe những người mác-xít Đức đã truyền bá những tư tưởng như thế suốt trong bao nhiêu năm liền, là những lời phản đối của một trào lưu nhất định của chủ nghĩa Mác).

Cau-xky định nghĩa như sau:

"Chủ nghĩa đế quốc là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản công nghiệp phát triển cao. Đó là xu hướng của mỗi dân tộc

tư bản chủ nghĩa công nghiệp muốn sáp nhập hoặc chinh phục tất cả những vùng *nông nghiệp* (do Cau-xky viết ngả) lớn, bất kể dân tộc ở những vùng đó là những dân tộc nào"*.

Định nghĩa đó hoàn toàn không dùng được vì nó chỉ tách riêng vấn đề dân tộc ra một cách phiến diện, tức là một cách tùy tiện (tuy rằng xét về bản thân vấn đề đó và về mối quan hệ của vấn đề đó đối với chủ nghĩa đế quốc, thì vấn đề đó là một vấn đề cực kỳ quan trọng), gắn liền một cách tùy tiện và *sai lầm* vấn đề ấy *chỉ* với *riêng* tư bản công nghiệp trong những nước đi thôn tính các nước khác, và nêu lên, một cách cũng không kém phần tùy tiện và sai lầm, việc thôn tính những vùng nông nghiệp.

Chủ nghĩa đế quốc là xu hướng đi đến những cuộc thôn tính - phần *chính trị* trong định nghĩa của Cau-xky quy lại là như thế. Phần đó đúng, nhưng hết sức không đầy đủ, vì xét về mặt chính trị, thì chủ nghĩa đế quốc, nói chung, là xu hướng đi đến bạo lực và phản động. Nhưng cái chúng ta quan tâm ở đây, là mặt *kinh tế* của vấn đề, mà *chính* Cau-xky cũng đã đưa vào trong định nghĩa *của ông ta*. Những chỗ sai trong định nghĩa của Cau-xky lộ ra sờ sờ trước mắt. Điểm tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc chính lại *không phải là* tư bản công nghiệp, *mà là* tư bản tài chính. Không phải ngẫu nhiên mà ở Pháp chính sự phát triển đặc biệt nhanh chóng của tư bản *tài chính*, trong khi tư bản công nghiệp suy yếu, đã làm cho chính sách thôn tính (chính sách thực dân) từ những năm 80 thế kỷ trước trở nên cực kỳ gay gắt. Điểm tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc chính là ở chỗ nó có xu hướng thôn tính *không những* các vùng nông nghiệp, mà thậm chí cả những vùng có nhiều công nghiệp nhất (nước Đức thèm muốn nước Bỉ, nước Pháp thèm muốn vùng Lo-

---

* "Die Neue Zeit", 1914, 2 (t. 32, tr. 909, ngày 11 tháng Chín 1914. Đối chiếu với cũng tạp chí đó: 1915, 2, tr. 107 và các trang sau.

ren), vì, một là, sự phân chia thế giới đã xong rồi, cho nên khi *phân chia lại* người ta buộc phải với tay đến *bất cứ* đất đai nào; hai là, điểm trọng yếu của chủ nghĩa đế quốc là sự cạnh tranh của một số cường quốc lớn muốn chiếm bá quyền, nghĩa là muốn đi xâm chiếm đất đai, chủ yếu không phải nhằm trực tiếp chiếm cho bản thân mình, mà nhằm làm suy yếu đối thủ và đánh đổ bá quyền của *đối thủ* nữa (đối với nước Đức thì nước Bỉ là đặc biệt quan trọng với tính cách là bàn đạp chống lại Anh; đối với nước Anh thì Bát-đa là đặc biệt quan trọng với tính cách là bàn đạp chống lại Đức, v.v. ).

Cau-xky đặc biệt viện dẫn - và nhiều lần viện dẫn - người Anh, tuồng như người Anh đã xác định ý nghĩa thuần túy chính trị cho danh từ chủ nghĩa đế quốc đúng theo ý của Cau-xky. Ta hãy dẫn ra đây tác phẩm của một người Anh là Hốp-xơn, nhan đề "Chủ nghĩa đế quốc", xuất bản năm 1902, trong đó chúng ta đọc thấy như sau:

"Chủ nghĩa đế quốc mới khác với chủ nghĩa đế quốc cũ: một là ở chỗ nó không biểu thị những ước vọng của một đế quốc đang bành trướng, mà biểu thị lý luận và thực hành của nhiều đế quốc cạnh tranh với nhau, những đế quốc này đều bị chi phối bởi cùng những khát vọng như nhau là bành trướng về chính trị và được lợi về thương mại; hai là ở chỗ những lợi ích tài chính hay lợi ích có liên quan đến đầu tư tư bản lại thống trị những lợi ích thương mại"*.

Chúng ta thấy rằng Cau-xky, trên thực tế, đã hoàn toàn sai khi viện dẫn người Anh nói chung (ông ta chỉ có thể viện dẫn họa chăng bọn đế quốc tầm thường Anh hay bọn trực tiếp biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc). Chúng ta thấy rằng Cau-xky tự xưng là vẫn tiếp tục bảo vệ chủ nghĩa Mác, nhưng thật ra lại thụt lùi một bước so với *nhà xã hội - tự do*

* Hobson. "Imperialism". L., 1902, p. 324.

*chủ nghĩa* Hốp-xơn vì ông này còn biết chú ý một cách *đúng hơn* đến hai đặc điểm "lịch sử - cụ thể" (với định nghĩa của mình, Cau-xky chính là giễu cợt tính lịch sử - cụ thể) của chủ nghĩa đế quốc hiện đại: 1) sự cạnh tranh của *một số* chủ nghĩa đế quốc và 2) ưu thế của nhà tài chính đối với thương nhân. Nhưng, nếu chủ yếu nói đến việc một nước công nghiệp đi thôn tính một nước nông nghiệp thì như thế là nêu bật vai trò hàng đầu của thương nhân.

Định nghĩa của Cau-xky không phải chỉ sai lầm và không mác-xít mà thôi. Nó còn dùng làm cơ sở cho cả một hệ thống quan điểm đoạn tuyệt hoàn toàn với lý luận mác-xít và thực tiễn mác-xít, về điểm này sau đây chúng tôi sẽ còn nói đến. Cuộc tranh luận về danh từ, do Cau-xky khởi xướng, thật là hoàn toàn không quan trọng: ta nên gọi giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc hay nên gọi là giai đoạn tư bản tài chính? Muốn gọi thế nào thì gọi, thế nào cũng được. Thực chất vấn đề là ở chỗ Cau-xky tách rời chính sách của chủ nghĩa đế quốc khỏi nền kinh tế của nó; ông ta giải thích rằng những cuộc thôn tính là chính sách "ưa thích" của tư bản tài chính, và ông ta đem đối lập chính sách này với một chính sách tư sản khác tuồng như có thể thực hiện được cũng trên cơ sở tư bản tài chính đó. Thế ra các tổ chức độc quyền trong kinh tế đều có thể tương dung với một phương pháp hành động chính trị không có tính chất độc quyền, không có tính chất bạo lực, không có tính chất xâm lược. Thế ra sự phân chia đất đai trên thế giới, được hoàn thành đúng ngay vào thời kỳ tư bản tài chính và là cơ sở của các hình thức cạnh tranh đặc thù hiện tại giữa những nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất, lại có thể tương dung với một chính sách không phải đế quốc chủ nghĩa. Kết quả là, đáng lẽ phải vạch ra tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn cơ bản nhất trong giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản, thì lại làm lu mờ và xoa dịu

những mâu thuẫn đó. Kết quả là chủ nghĩa cải lương tư sản chứ không phải là chủ nghĩa Mác.

Cau-xky tranh luận với Cu-nốp, một người Đức đã từng biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc và biện hộ cho những cuộc thôn tính với những lý lẽ vừa trâng tráo vừa thô kệch như sau: chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản hiện đại; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là tất nhiên và tiến bộ; vậy thì chủ nghĩa đế quốc là tiến bộ; cho nên phải suy tôn nó và ca tụng nó! Cái lý lẽ đó cũng na ná như việc bọn dân túy đã biếm họa những người mác-xít Nga trong những năm 1894 - 1895, bọn này nói: nếu những người mác-xít xem chủ nghĩa tư bản ở Nga là một hiện tượng tất nhiên và tiến bộ thì họ phải mở quán rượu và du nhập chủ nghĩa tư bản. Cau-xky cãi lại Cu-nốp: không, chủ nghĩa đế quốc không phải là chủ nghĩa tư bản hiện đại; nó chỉ là một trong những hình thức của chính sách của chủ nghĩa tư bản hiện đại; và chúng ta có thể và phải chống lại chính sách đó, chống lại chủ nghĩa đế quốc, chống lại việc thôn tính, v.v..

Câu cãi lại này tuồng như hoàn toàn có lý, nhưng kỳ thật, nó là một lối tuyên truyền tinh vi hơn, ngụy trang khéo hơn (và do đó, nguy hiểm hơn) cho sự thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc, vì "đấu tranh" chống chính sách của các tơ-rớt và các ngân hàng mà không đụng đến cơ sở kinh tế của các tơ-rớt và các ngân hàng đó, thì chỉ là chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa hòa bình tư sản, chỉ là những lời mong ước tốt lành và vô hại. Đáng lẽ phải lột trần tất cả tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn hiện có, thì lại lảng tráng không nói đến những mâu thuẫn ấy, bỏ qua những mâu thuẫn quan trọng nhất trong số những mâu thuẫn ấy, – lý luận của Cau-xky là như thế đó, nó không có một tí gì giống với chủ nghĩa Mác cả. Rõ ràng, một thứ "lý luận" như thế thì chỉ dùng để bảo vệ cho cái tư tưởng muốn thống nhất với bọn Cu-nốp mà thôi!

"Xét về mặt thuần túy kinh tế – Cau-xky viết – không loại trừ khả năng là chủ nghĩa tư bản sẽ còn trải qua một giai đoạn mới nữa, trong đó chính sách các-ten sẽ được ứng dụng vào chính sách đối ngoại, đó là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc cực đoan" *, nghĩa là chủ nghĩa siêu đế quốc, giai đoạn liên hợp các đế quốc trên toàn thế giới, chứ không phải giai đoạn đấu tranh giữa các đế quốc đó với nhau; giai đoạn chấm dứt các cuộc chiến tranh dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai đoạn "tư bản tài chính thống nhất với nhau trên phạm vi quốc tế để cùng nhau bóc lột thế giới"**.

Sau đây, chúng tôi sẽ nói đến cái "thuyết chủ nghĩa đế quốc cực đoan" ấy để chỉ rõ một cách tỉ mỉ rằng cái thuyết này đã đoạn tuyệt, một cách dứt khoát và vĩnh viễn, với chủ nghĩa Mác biết chừng nào. Ở đây, theo dàn bài chung của bản khái luận này, chúng ta cần xem xét những số liệu kinh tế chính xác về vấn đề này. "Xét về mặt thuần túy kinh tế", "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" có thể có được không, hay đó chỉ là một câu chuyện nhảm nhí cực đoan?

Nếu chúng ta hiểu quan điểm thuần túy kinh tế là một sự trừu tượng "thuần túy", thì như thế, tất cả những gì có thể nói được đều quy tụ thành một luận điểm sau đây: sự phát triển dẫn đến những tổ chức độc quyền và, do đó, dẫn đến một tổ chức độc quyền toàn thế giới, đến một tơ-rớt duy nhất toàn thế giới. Đó là điều không thể chối cãi được, nhưng điều đó cũng hoàn toàn không có nội dung, đại loại giống như nói "sự phát triển dẫn đến" việc sản xuất các thực phẩm trong những phòng thí nghiệm. Theo ý nghĩa

* "Die Neue Zeit", 1914, 1 (t. 32), tr. 921, số ra ngày 11 tháng Chín 1914. Đối chiếu với cũng tạp chí đó: 1915, 2, tr. 107 và các trang sau.

** "Die Neue Zeit", 1915, 1, tr. 144, số ra ngày 30 tháng Tư 1915.

đó, thì "thuyết" chủ nghĩa đế quốc cực đoan cũng vô lý như "thuyết nông nghiệp cực đoan".

Nhưng nếu người ta nói đến những điều kiện "thuần túy kinh tế" của thời đại tư bản tài chính, với tính cách một thời đại lịch sử - cụ thể ở vào đầu thế kỷ XX, thì câu trả lời tốt nhất đối với những khái niệm trừu tượng cứng đờ về "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" (những khái niệm này chỉ phục vụ cho một mục đích phản động nhất; làm cho người ta đừng chú ý đến tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn *hiện có*) là đem cái hiện thực kinh tế - cụ thể của nền kinh tế thế giới hiện nay để đối lập lại những khái niệm trừu tượng ấy. Những lời hoàn toàn không có nội dung của Cau-xky nói về chủ nghĩa đế quốc cực đoan, cũng khuyến khích cái tư tưởng hết sức sai lầm và có tính chất tiếp tay cho bọn biện hộ chủ nghĩa đế quốc, là: sự thống trị của tư bản tài chính tuồng như *làm giảm bớt* những sự chênh lệch và những mâu thuẫn trong nền kinh tế thế giới; trong khi đó thì sự thống trị ấy thực tế làm cho những sự chênh lệch và mâu thuẫn đó *tăng thêm* [154].

Trong tập sách nhỏ nhan đề là "Kinh tế thế giới nhập môn"*, R. Can-vơ đã thử tổng hợp những số liệu chủ yếu nhất, có tính chất thuần túy kinh tế, cho phép người ta hình dung được một cách cụ thể những quan hệ qua lại ở bên trong nền kinh tế thế giới vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Ông chia toàn bộ thế giới thành 5 "khu vực kinh tế chủ yếu": 1) khu vực Trung Âu (tất cả châu Âu, trừ Nga và Anh); 2) khu vực Anh; 3) khu vực Nga; 4) khu vực Đông Á; và 5) khu vực Mỹ, kể cả các thuộc địa nằm trong "khu vực" các nước có những thuộc địa ấy, đồng thời "gạt sang một bên" một số ít những nước chưa xếp vào các khu vực, chẳng hạn như Ba-tư, Áp-ga-ni-xtan, Ả-rập ở châu Á, Ma-rốc và A-bi-xi-ni ở châu Phi, v.v..

---

* R. Calwer. "Einführung in die Weltwirtschaft". Brl., 1906.

Dưới đây là những số liệu kinh tế tóm tắt mà ông ta dẫn ra về những khu vực đó:

| Các khu vực kinh tế chủ yếu trên thế giới | Diện tích | Dân số | Đường giao thông | | Thương mại | Công nghiệp | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | tính theo triệu ki-lô-mét vuông | (tính theo triệu người) | đường sắt (tính theo nghìn ki-lô-mét) | đội tàu buôn (tính theo triệu tấn) | (gồm cả xuất nhập khẩu) (tính theo mác) | Khai thác than đá (tính theo triệu tấn) | Khai thác gang (tính theo triệu tấn) | số cọc sợi trong công nghiệp sợi bông (tính theo triệu cọc) |
| I) khu vực Trung Âu.................. | 27,6 *(23,6) | 388 (146) | 204 | 8 | 41 | 251 | 15 | 26 |
| 2) khu vực Anh. | 28,9 *(28,6) | 398 (355) | 140 | 11 | 25 | 249 | 9 | 51 |
| 3) khu vực Nga... | 22 | 131 | 63 | I | 3 | 16 | 3 | 7 |
| 4) khu vực Đông Á | 12 | 389 | 8 | I | 2 | 8 | 0,02 | 2 |
| 5) khu vực Mỹ... | 30 | 148 | 379 | 6 | 14 | 245 | 14 | 19 |

Ta thấy có ba khu vực, trong đó chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao (đường giao thông, thương mại và công nghiệp đều phát triển mạnh) là: khu vực Trung Âu, khu vực Anh và khu vực Mỹ. Trong các khu vực đó, có ba nước thống trị thế giới: Đức, Anh và Mỹ. Sự cạnh tranh đế quốc chủ nghĩa và cuộc đấu tranh giữa các nước đó trở nên cực kỳ gay gắt vì nước Đức chỉ có một khu vực bé nhỏ không đáng kể và có ít thuộc địa; việc thành lập một "khu Trung Âu" còn là một vấn đề tương lai và đang hình thành trong một cuộc đấu tranh quyết liệt. Giờ đây, đặc điểm của toàn thể châu Âu là tình trạng chia năm xẻ bảy về chính trị. Trái lại, trong các khu vực Anh và Mỹ thì sự tập trung về chính trị

* Những con số trong dấu ngoặc là chỉ diện tích và dân số ở các thuộc địa.

rất cao, nhưng về số lượng thuộc địa thì giữa hai khu vực đó có sự khác nhau rất lớn: khu vực Anh có những thuộc địa rộng mênh mông, con số thuộc địa của khu vực Mỹ lại rất ít ỏi. Mà ở các thuộc địa thì chủ nghĩa tư bản chỉ mới bắt đầu phát triển. Cuộc đấu tranh giành Nam Mỹ ngày càng gay gắt.

Hai khu vực trong đó chủ nghĩa tư bản ít phát triển, là khu vực Nga và Đông Á. Trong khu vực thứ nhất, mật độ dân số hết sức thấp, trong khu vực thứ hai, lại hết sức cao; trong khu vực thứ nhất, sự tập trung chính trị thì mạnh, còn trong khu vực thứ hai lại không có sự tập trung đó. Việc phân chia Trung-quốc chỉ vừa mới được bắt đầu, và cuộc đấu tranh giữa Nhật và Mỹ, v.v. để chiếm nước này, ngày càng gay gắt thêm.

Hãy đem câu chuyện hoang đường ngu xuẩn của Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc cực đoan "hòa bình" đó mà đối chiếu với cái hiện thực nói trên, với những điều kiện kinh tế và chính trị hết sức muôn hình muôn vẻ, với tình trạng hết sức chênh lệch về tốc độ phát triển của các nước, v.v., với cuộc đấu tranh điên cuồng giữa các nước đế quốc chủ nghĩa. Đấy chẳng phải là một mưu toan phản động của một chàng tiểu thị dân khiếp sợ đang tìm cách lẩn trốn cái hiện thực ghê gớm, đó sao? Những các-ten quốc tế, mà Cau-xky cho đó là mầm mống của "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" (cũng như "có thể" gọi việc chế tạo các thuốc viên trong phòng thí nghiệm mầm mống của nông nghiệp cực đoan), há đã chẳng cho ta một ví dụ về việc chia và *chia lại* thế giới, về bước quá độ chuyển từ sự phân chia hòa bình đến sự phân chia không hòa bình và ngược lại, đó sao! Chẳng phải là tư bản tài chính Mỹ, và tư bản tài chính các nước khác, trước kia đã phân chia toàn bộ thế giới một cách êm ái, có sự tham dự của nước Đức, chẳng hạn, vào xanh-đi-ca quốc tế chế tạo đường ray xe lửa hay vào tơ-rớt hàng hải thương mại quốc tế, thì bây giờ, trên cơ sở những quan hệ so sánh mới về lực lượng, những quan hệ so sánh đang thay

đổi một cách hoàn toàn *không* hòa bình, nó lại không tiến hành *chia lại* thế giới hay sao?

Tư bản tài chính và các tơ-rớt đã không làm giảm mà lại còn làm tăng những sự khác nhau về nhịp độ phát triển của các bộ phận khác nhau trong nền kinh tế thế giới. Nhưng một khi quan hệ so sánh về lực lượng đã thay đổi, nếu không giải quyết các mâu thuẫn bằng *vũ lực* thì còn giải quyết bằng cách nào nữa *trong chế độ tư bản chủ nghĩa*? Những bản thống kê đường sắt* cung cấp cho ta những tài liệu hết sức chính xác về những nhịp độ khác nhau trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và của tư bản tài chính trong toàn bộ nền kinh tế thế giới. Sau đây là tình hình thay đổi về chiều dài của hệ thống đường sắt trong suốt mấy chục năm phát triển gần đây của chủ nghĩa đế quốc:

| | Đường sắt (tính theo nghìn ki-lô-mét) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1890 | | 1913 | | + | |
| Châu Âu............. ......................... | 224 | | 346 | | + 122 | |
| Mỹ................. ............................. | 268 | | 411 | | + 143 | |
| Tất cả các thuộc địa .... ................ | 82 | 125 | 210 | 347 | + 128 | +222 |
| Các quốc gia độc lập hay nửa độc lập ở châu Á và châu Mỹ...... | 43 | | 137 | | + 94 | |
| Tổng cộng ....... ................ | 617 | | 1 104 | | | |

Vậy là trong các thuộc địa và các nước độc lập (và nửa độc lập) thuộc châu Á và châu Mỹ, đường sắt được phát

* Stat. Jahrbuch für das Deutsche Reich, 1915; Archiv für Eisen - bahnwesen, 1892[1)]; đối với năm 1890, chúng ta đành phải xác định một cách ước lượng những điểm chi tiết nhỏ về việc phân chia các đường sắt ở thuộc địa của các nước khác nhau[155].

1) Tập thống kê hàng năm của Nhà nước Đức, 1915, Lưu trữ của ngành đường sắt, 1892.

triển nhanh chóng hơn cả. Ở những nơi đó, người ta biết rằng tư bản tài chính của 4 - 5 nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất đang hoàn toàn ngự trị và làm chủ. Hai trăm nghìn ki-lô-mét đường sắt mới ở các thuộc địa và các nước khác thuộc châu Á và châu Mỹ, cái đó có nghĩa là hơn 40 tỷ mác tư bản mới được đầu tư trong những điều kiện đặc biệt có lợi, với những bảo đảm đặc biệt về thu nhập, với những món hàng đặt rất lời cho các nhà máy sản xuất thép, v.v. và v.v..

Trong các thuộc địa và trong các nước bên kia đại dương, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh hơn cả. Những cường quốc đế quốc chủ nghĩa *mới* (Nhật-bản) đã xuất hiện ở đây. Cuộc đấu tranh giữa các chủ nghĩa đế quốc thế giới ngày càng gay gắt. Số cống nạp mà các doanh nghiệp đặc biệt sinh lợi ở thuộc địa và ở bên kia đại dương phải nộp cho tư bản tài chính, đang tăng lên. Khi phân chia "của ăn cướp được" này, một phần hết sức lớn lại rơi vào tay những nước không phải thường xuyên đứng hàng đầu về tốc độ phát triển lực lượng sản xuất. Toàn bộ chiều dài các đường sắt trong những cường quốc lớn nhất cộng với các thuộc địa của những nước này, là như sau:

| | (tính theo nghìn ki-lô-mét) | | |
|---|---|---|---|
| | *1890* | *1913* | |
| Mỹ............. | 268 | 413 | + 145 |
| Đế quốc Anh..... | 107 | 208 | + 101 |
| Nga............ | 32 | 78 | + 46 |
| Đức............ | 43 | 68 | + 25 |
| Pháp............ | 41 | 63 | + 22 |
| *Tổng cộng 5 cường quốc* | 491 | 830 | + 339 |

Như thế là gần 80% tổng số đường sắt đều tập trung ở 5 cường quốc lớn nhất. Nhưng sự tập trung quyền *sở hữu* các đường sắt ấy, sự tập trung tư bản tài chính lại còn vô

cùng mạnh mẽ hơn, vì các nhà triệu phú Anh và Pháp, chẳng hạn, đều nắm trong tay một số rất lớn các cổ phiếu và trái khoán trong ngành đường sắt ở Mỹ, Nga và các nước khác.

Nhờ có thuộc địa, nước Anh đã tăng hệ thống đường sắt "của mình" lên 100 nghìn ki-lô-mét, tức là gấp bốn lần nước Đức. Nhưng mọi người đều biết rằng trong thời kỳ đó ở Đức sự phát triển của lực lượng sản xuất và nhất là của việc sản xuất than đá và sắt, đã hết sức nhanh hơn Anh, ấy là chưa nói đến Pháp và Nga. Năm 1892, nước Đức đã sản xuất 4,9 triệu tấn gang, trong khi đó nước Anh sản xuất 6,8 triệu tấn; năm 1912, nước Đức đã sản xuất được 17,6 triệu tấn và nước Anh - 9 triệu tấn, nghĩa là nước Đức đã vượt nước Anh rất nhiều!* Thử hỏi, *trên cơ sở chủ nghĩa tư bản*, ngoài chiến tranh ra, còn có phương sách nào khác để khắc phục tình trạng không cân đối giữa một bên là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tích lũy tư bản, và một bên là sự phân chia thuộc địa và các "khu vực ảnh hưởng" cho tư bản tài chính, được chăng?

## VIII. TÍNH ĂN BÁM VÀ SỰ THỐI NÁT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bây giờ, chúng ta còn phải xét một mặt rất quan trọng khác của chủ nghĩa đế quốc, mặt mà người ta phần lớn đánh giá không đầy đủ trong đa số trường hợp suy xét vấn đề này. Một trong những khuyết điểm của nhà mác-xít Hin-phéc-

* Cũng cần đối chiếu bài của Edgar Crammond. "The Economic Relations of the British and German Empires" trong "Journat of the Royal Statistical Society", 1914, July, pp. 777 ss[1].

1) Ết-ga Crem-mông. "Quan hệ kinh tế giữa các đế quốc Anh và Đức" trong "Tạp chí của Hội thống kê hoàng gia", 1914, tháng Bảy, tr. 777 và những trang sau.

đinh là ở chỗ về mặt này ông ta đã thụt lùi một bước so với Hốp-xơn không phải là người mác-xít. Chúng tôi muốn nói về tính ăn bám vốn có của chủ nghĩa đế quốc.

Như chúng ta đã thấy, cơ sở kinh tế sâu xa nhất của chủ nghĩa đế quốc là độc quyền. Đây là độc quyền tư bản chủ nghĩa, tức là phát sinh từ chủ nghĩa tư bản và nằm trong bối cảnh chung của chủ nghĩa tư bản, của nền sản xuất hàng hóa, của cạnh tranh; độc quyền ấy mâu thuẫn thường xuyên, không cách nào giải quyết được, với bối cảnh chung ấy. Tuy nhiên, cũng như mọi độc quyền khác, độc quyền tư bản chủ nghĩa tất nhiên phải đẻ ra một xu thế đình trệ và thối nát. Việc định ra những giá cả độc quyền, dù tạm thời chăng nữa, cũng làm biến mất, trên một mức độ nào đó, những nguyên nhân kích thích sự tiến bộ kỹ thuật, và, do đó, cũng làm mất những nguyên nhân kích thích mọi sự tiến bộ khác, mọi bước tiến lên; do đó cũng đẻ ra khả năng *kinh tế* làm kìm hãm một cách giả tạo sự tiến bộ kỹ thuật. Một ví dụ: ở Mỹ, có một ông Ô-oen-xơ nào đó phát minh được một cái máy làm chai lọ, điều đó gây ra một cuộc cách mạng trong việc chế tạo chai lọ. Các-ten những nhà chế tạo chai lọ ở Đức liền mua bằng phát minh của Ô-oen-xơ và nhét vào ngăn kéo, trì hoãn việc sử dụng bằng phát minh đó. Dĩ nhiên trong chế độ tư bản chủ nghĩa độc quyền không bao giờ có thể tiêu diệt được một cách hoàn toàn và trong một thời gian rất lâu tình trạng cạnh tranh trên thị trường thế giới (đấy cũng là một trong những lý do chứng tỏ thuyết chủ nghĩa đế quốc cực đoan thật là vô lý). Cố nhiên, khả năng giảm bớt chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận do việc áp dụng những cải tiến kỹ thuật, cũng thúc đẩy những sự cải biến. Nhưng *xu hướng* đình trệ và thối nát, xu hướng vốn có của chế độ độc quyền, cũng vẫn cứ tiếp tục tác động, và trong một số ngành công nghiệp nào đó, trong một số nước nào đó nó lại có thể chiếm được ưu thế trong một thời gian nhất định.

Sự độc chiếm các thuộc địa đặc biệt rộng lớn, giàu có hay có vị trí thuận lợi, cũng tác động theo cùng một chiều hướng đó.

Chúng ta bàn tiếp. Chủ nghĩa đế quốc là một sự tích lũy rất lớn về tư bản tiền tệ trong một số ít nước, số tư bản đó, như ta đã thấy, lên tới 100-150 tỷ phrăng chứng khoán. Do đó, có sự phát triển phi thường của giai cấp, hay nói cho đúng hơn, của tầng lớp những kẻ thực lợi, nghĩa là những kẻ sống bằng lối "cắt phiếu", những kẻ hoàn toàn không tham gia một doanh nghiệp nào cả, những kẻ chuyên nghề ăn không ngồi rồi. Việc xuất khẩu tư bản, một trong số những cơ sở kinh tế căn bản nhất của chủ nghĩa đế quốc, còn làm tăng thêm sự xa rời hoàn toàn của tầng lớp những kẻ thực lợi với sản xuất, in dấu vết ăn bám lên cả một nước sống nhờ vào sự bóc lột lao động của một vài nước và của những thuộc địa ở bên kia đại dương.

Hốp-xơn viết: "Năm 1893, tư bản Anh đầu tư ở nước ngoài đã lên tới khoảng 15% tổng số của cải của Vương quốc Liên hợp Anh"*. Xin nhắc lại là vào năm 1915, số tư bản đó đã tăng lên chừng gấp 2 1/2 lần. Hốp-xơn viết tiếp: "Chủ nghĩa đế quốc xâm lược - cái chủ nghĩa làm cho những người đóng thuế phải đóng góp rất nặng nề và đối với nhà công nghiệp và nhà buôn thì lại có rất ít ý nghĩa... là một nguồn lợi nhuận to lớn cho nhà tư bản tìm nơi đầu tư tư bản của mình"... (trong tiếng Anh, khái niệm trên đây chỉ diễn đạt bằng một danh từ: "investor", tức là "người đầu tư", người thực lợi)... "Tổng thu nhập hàng năm của nước Anh về ngoại thương và thương mại thuộc địa, nhập khẩu và xuất khẩu, và được nhà thống kê Ghíp-phen xác định là 18 triệu li-vrơ xtéc-linh (khoảng 170 triệu rúp) trong năm 1899, tính theo 2 1/2% của tổng số chu chuyển là 800 triệu li-vrơ

* Hobson, tr. 59, 62.

xtéc-linh". Số tiền này, dù lớn như thế nào nữa, vẫn không thể giải thích được tính chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Anh. Cái giải thích được tính chất đó là số tiền từ 90 đến 100 triệu li-vrơ xtéc-linh, số thu nhập do tư bản được "đầu tư" đem lại, số thu nhập của tầng lớp những người thực lợi.

Số thu nhập của những người thực lợi lớn hơn gấp *năm lần* số thu nhập do ngoại thương đem lại trong một nước "thương mại" phát triển nhất thế giới! Đó là thực chất của chủ nghĩa đế quốc và của tính ăn bám của nó.

Cho nên, khái niệm: "nước thực lợi" (Rentnerstaat) hay là nước cho vay nặng lãi, trở nên thông dụng trong các sách báo kinh tế bàn về chủ nghĩa đế quốc. Thế giới chia thành một số ít những nước cho vay nặng lãi và một số rất lớn những nước đi vay. Sun-txê - Gê-véc-ni-txơ viết: "Trong số những khoản đầu tư ở nước ngoài, thì chiếm hàng đầu là những khoản đầu tư vào những nước phụ thuộc về chính trị hay liên minh về chính trị: Anh cho Ai-cập, Nhật, Trung-quốc, Nam Mỹ vay. Trong trường hợp cực kỳ cần thiết, hải quân Anh đóng vai mõ tòa. Lực lượng chính trị của nước Anh bảo vệ nó chống lại những sự phẫn nộ của các con nợ"*. Trong tác phẩm "Hệ thống kinh tế quốc dân trong việc đầu tư tư bản ở nước ngoài", Xác-tô-ri-út phôn Van-tơ-hau-xên lấy Hà-lan làm kiểu mẫu về "nước thực lợi"; ông vạch ra rằng Anh và Pháp hiện đang trở thành những nước như thế **. Sin-đơ cho rằng hiện nay có năm nước công nghiệp đều là những "nước cho vay nợ hết sức rõ rệt": Anh, Pháp, Đức, Bỉ và Thụy-sĩ. Ông không liệt Hà-lan vào loại những nước này, chỉ vì ở Hà-lan "công nghiệp ít phát triển"***. Mỹ chỉ là nước chủ nợ đối với châu Mỹ.

---

* Schulze - Gaevernitz. "Br. Imp.", tr. 320 và những trang khác.

** Sart. von Waltershausen. "D. Volkswirt. Syst. etc.". B., 1907, Buch IV.

*** Schilder, tr. 393.

Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ viết: "Nước Anh dần dần biến từ một nước công nghiệp thành một nước cho vay nợ. Mặc dù sản xuất công nghiệp và xuất khẩu công nghiệp có tăng lên một cách tuyệt đối, nhưng đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thì ý nghĩa tương đối của những khoản thu nhập do lợi tức và lợi tức cổ phần, do việc phát hành trái khoán, do việc đứng làm trung gian ăn hoa hồng và do việc đầu cơ đem lại, đều tăng lên. Theo ý tôi, thì chính sự kiện đó là cơ sở kinh tế cho sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nợ gắn bó chặt chẽ với con nợ hơn là kẻ bán với người mua"*. Nói về nước Đức, A. Lan-xbuốc, người xuất bản tạp chí "Ngân hàng" ở Béc-lanh, trong một bài nhan đề là: "Nước Đức, một nước thực lợi", năm 1911 đã viết: "Ở Đức, người ta ưa thích chế giễu cái xu hướng của người Pháp muốn trở thành những kẻ thực lợi. Song người ta quên rằng, nếu nói về giai cấp tư sản, thì tình hình ở Đức cũng lại ngày càng giống như tình hình ở Pháp" **.

Nước thực lợi là nước của chủ nghĩa tư bản ăn bám, thối nát, và điều đó không thể không ảnh hưởng đến tất cả những điều kiện xã hội và chính trị ở trong nước nói chung, cũng như đến hai trào lưu cơ bản của phong trào công nhân, nói riêng. Để làm cho điều đó thật hết sức rõ hơn, ta hãy nhường lời cho Hốp-xơn, người làm chứng "đáng tin cậy" nhất, vì không thể nào ngờ ông này là thiên vị đối với "học thuyết mác-xít chính thống"; mặt khác, ông ta lại là người Anh, ông rất am hiểu tình hình trong cái nước có nhiều thuộc địa nhất, nhiều tư bản tài chính và kinh nghiệm đế quốc chủ nghĩa nhất ấy.

Với ấn tượng hãy còn mới mẻ về cuộc chiến tranh Anh - Bô-e, khi nói đến sự liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với lợi ích của "bọn tài chính", đến những khoản lợi nhuận

* Schulze - Gaevernitz. "Br. Imp.", tr. 122.

** "Die Bank", 1911, I, tr. 10-11.

ngày càng tăng mà bọn này thu được trong việc nhận thầu, trong việc cung cấp hàng, v.v., Hốp-xơn đã viết: "những kẻ điều khiển chính sách rõ ràng mang tính ăn bám đó, là những nhà tư bản; nhưng cũng chính những động cơ ấy đã ảnh hưởng đến cả những tầng lớp đặc biệt trong công nhân. Tại nhiều thành phố, các ngành công nghiệp quan trọng nhất đều lệ thuộc vào những đơn đặt hàng của chính phủ; chủ nghĩa đế quốc ở các trung tâm công nghiệp luyện kim và đóng tàu thủy cũng phụ thuộc vào những khoản đặt hàng đó trên một mức độ không ít". Theo tác giả, thì có hai nguyên nhân làm yếu lực lượng của các đế quốc cũ: 1) "tính ăn bám về mặt kinh tế" và 2) việc lập quân đội gồm người các dân tộc bị lệ thuộc. "Nguyên nhân thứ nhất là thói quen của tính chất ăn bám về mặt kinh tế; theo thói quen đó, nhà nước thống trị sử dụng các tỉnh của nó, các thuộc địa của nó và các nước lệ thuộc để làm giàu cho giai cấp đang cầm quyền của mình và mua chuộc những giai cấp bên dưới trong nước mình nhằm làm cho những giai cấp này nằm yên". Chúng ta nói thêm rằng: đứng về mặt kinh tế mà nói, để có thể mua chuộc được như thế, bất luận mua chuộc dưới hình thức nào, thì phải có những món lợi nhuận độc quyền cao.

Còn về nguyên nhân thứ hai thì Hốp-xơn viết: "Một trong những triệu chứng kỳ lạ nhất của bệnh mù quáng của chủ nghĩa đế quốc là sự thản nhiên của Anh, Pháp và các nước đế quốc chủ nghĩa khác khi bước vào con đường ấy. Nước Anh thì đi xa hơn tất cả. Phần lớn những trận đánh mà nhờ đó chúng ta đã chiếm được đế quốc Ấn-độ của chúng ta, đều do những đội quân của chúng ta gồm những người bản xứ, tiến hành cả; ở Ấn-độ cũng như gần đây ở Ai-cập, những quân đội thường trực lớn đều đặt dưới quyền chỉ huy của người Anh; hầu hết các cuộc chiến tranh của chúng ta nhằm chinh phục châu Phi, trừ miền Nam châu Phi ra, đều do những người bản xứ tiến hành cho chúng ta cả".

Triển vọng của việc phân chia Trung-quốc làm cho Hốp-xơn có sự nhận định về mặt kinh tế như sau: "Lúc đó, một bộ phận lớn của Tây Âu sẽ có thể có bộ mặt và tính chất giống như bộ mặt và tính chất hiện nay của một vài nơi trong những nước đó: miền Nam nước Anh, miền Ri-vi-e-ra, những vùng của Ý và của Thụy-sĩ được các nhà du lịch đến tham quan nhiều nhất và có nhiều người giàu có ở, cụ thể là: một nhúm nhỏ những nhà quý phái giàu sang nhận lợi tức cổ phần và tiền trợ cấp từ phương Đông xa xôi gửi về, với một nhóm hơi đông hơn một chút gồm các nhân viên chuyên môn và nhà buôn, và với một số đông hơn nữa những người tôi tớ và công nhân làm việc trong ngành vận tải và trong công nghiệp hoàn thành chế phẩm. Còn các ngành công nghiệp chủ yếu thì sẽ biến mất và một khối lượng rất lớn những thực phẩm, những nửa thành phẩm sẽ từ châu Á, châu Phi tuôn về với tính cách cống vật". "Đây, những khả năng mà một liên minh rộng rãi hơn của các nước phương Tây, một liên bang châu Âu các cường quốc lớn, đang mở ra cho chúng ta; liên bang này chẳng những sẽ không thúc đẩy nền văn minh thế giới tiến tới mà còn có thể là một mối nguy rất lớn về tính ăn bám của phương Tây: làm cho một nhóm nước công nghiệp tiên tiến đứng tách riêng ra, trong những nước đó các giai cấp bên trên được hưởng một cống vật kếch xù của châu Á và châu Phi, và nhờ có cống vật đó mà nuôi sống một số rất đông nhân viên và tôi tớ thuần dưỡng, những người này không được dùng để sản xuất thật nhiều sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, mà chỉ làm những việc phục dịch cá nhân hay làm những công việc công nghiệp thứ yếu, dưới sự kiểm soát của bọn quý tộc tài chính mới. Những ai sẵn sàng bác bỏ cái lý luận ấy" (phải nói là: cái triển vọng ấy) "coi nó như là không đáng được xem xét tới, thì hãy ngẫm nghĩ đến những điều kiện kinh tế và xã hội của các khu vực ở miền Nam nước Anh hiện nay, là những khu vực đã rơi vào tình trạng đó rồi. Họ hãy

suy nghĩ xem sự bành trướng mà chế độ ấy có thể có được sẽ to lớn như thế nào, nếu Trung-quốc bị đặt dưới quyền kiểm soát kinh tế của những nhóm tài chính tương tự như thế, của "bọn đầu tư", những viên chức chính trị và những nhân viên công thương nghiệp của chúng, bọn này thu vét lợi nhuận ở kho dự trữ tiềm tàng lớn nhất chưa bao giờ thấy trên thế giới, để đem tiêu dùng số lợi nhuận ấy ở châu Âu. Đương nhiên, tình hình thật quá phức tạp, sự biến động của các lực lượng trên thế giới thật rất khó mà lường trước được, nên không thể coi dự kiến này hay dự kiến khác về tương lai là dự kiến rất chắc chắn theo một chiều hướng duy nhất. Song những ảnh hưởng hiện đang chi phối chủ nghĩa đế quốc Tây Âu, giờ đây đều đi theo chiều hướng ấy, và nếu không gặp sự phản kháng, không bị chuyển theo hướng khác, thì chúng sẽ tác động theo chiều hướng kết thúc quá trình đúng như thế"*.

Tác giả hoàn toàn có lý: *nếu* lực lượng của chủ nghĩa đế quốc không gặp sức phản kháng nào, thì sẽ đi đến chính cái kết cục ấy. Ở đây, ý nghĩa của "Liên bang châu Âu trong hoàn cảnh hiện nay, hoàn cảnh đế quốc chủ nghĩa, đã được đánh giá một cách đúng đắn. Chỉ nên nói thêm rằng, *cả trong nội bộ* phong trào công nhân cũng vậy, bọn cơ hội chủ nghĩa hiện nay tạm thời thắng thế trong phần lớn các nước, cũng "hoạt động" một cách có hệ thống và liên tục đúng theo hướng ấy. Chủ nghĩa đế quốc có nghĩa là sự phân chia thế giới và sự bóc lột tất cả các nước chứ chẳng riêng gì Trung-quốc, có nghĩa là đưa lại những lợi nhuận độc quyền cho một nhúm nước giàu có nhất, cho nên tạo ra khả năng kinh tế để mua chuộc những tầng lớp trên trong giai cấp vô sản và nuôi dưỡng chủ nghĩa cơ hội, làm cho nó thành hình và củng cố nó. Nhưng không nên quên những lực lượng chống lại chủ nghĩa đế quốc nói chung, và chống

---

* Hobson, tr.103, 205, 144, 335, 386.

chủ nghĩa cơ hội nói riêng, những lực lượng mà Hốp-xơn, một người xã hội - tự do chủ nghĩa, cố nhiên không sao nhìn thấy được.

Tên cơ hội chủ nghĩa Đức Ghéc-hác Hin-đê-brăng, – ngày trước bị đuổi ra khỏi đảng vì đã bênh vực chủ nghĩa đế quốc và ngày nay có thể trở thành thủ lĩnh của cái gọi là đảng "dân chủ - xã hội" ở Đức, – đã bổ sung rất tốt cho Hốp-xơn khi hắn tuyên truyền việc thành lập "Liên bang châu Âu" (không có Nga tham dự) để hành động "chung"... chống lại người da đen ở châu Phi, chống lại "phong trào Hồi giáo vĩ đại", để duy trì "một đạo quân và một hạm đội mạnh mẽ", chống "khối đồng minh Trung - Nhật" *, v.v..

Lời Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ mô tả "chủ nghĩa đế quốc Anh" vạch cho ta thấy cũng những nét ăn bám ấy. Từ 1865 đến 1898, số thu nhập quốc dân ở Anh đã tăng gần gấp đôi, còn số thu nhập "từ nước ngoài về", cũng trong thời gian này, đã tăng gấp *chín lần*. Nếu "công lao" của chủ nghĩa đế quốc là "dạy người da đen lao động" (tất nhiên không thể không dùng đến cưỡng bách...), thì mối "nguy" mà chủ nghĩa đế quốc mang lại là ở chỗ "châu Âu sẽ trút lao động chân tay – trước tiên là lao động nông nghiệp và hầm mỏ và sau đến là lao động công nghiệp thô sơ hơn – cho các dân tộc da đen, còn bản thân mình thì nhận lấy vai trò kẻ thực lợi, và có thể là đang chuẩn bị giải phóng về kinh tế, và sau đó về chính trị, cho các chủng tộc da đỏ và da đen".

Ở Anh, ngày càng có nhiều ruộng đất bị loại khỏi việc sản xuất nông nghiệp và được đem dùng vào việc thể thao và vui chơi cho bọn nhà giàu. Về xứ Scốt-len - xứ quý phái

---

* Gerhard Hildebrand. "Die Erschütterung der Industrieherrschaft und des Industriesozialismus". 1910, tr. 229 và những trang sau[1].

---

1) Ghéc-hác Hin-đê-brăng. "Sự chấn động của sự thống trị của công nghiệp và của chủ nghĩa xã hội công nghiệp".

nhất về mặt săn bắn và về các môn thể thao khác – người ta bảo rằng "xứ này sống bằng cái dĩ vãng của nó và nhờ vào ông Các-nê-gi" (một nhà tỷ phú Mỹ). Chỉ riêng dùng vào các cuộc đua ngựa và săn cáo, hàng năm nước Anh đã tiêu mất 14 triệu li-vrơ xtéc-linh (gần 130 triệu rúp). Số người thực lợi ở nước này có gần 1 triệu. Tỷ lệ số người sản xuất sụt xuống như sau.

| | Dân số nước Anh | Số lượng công nhân trong các ngành công nghiệp chủ yếu | Tỷ lệ so với dân số |
|---|---|---|---|
| | (tính theo triệu người) | | |
| 1851... | 17,9 | 4,1 | 23% |
| 1901... | 32,5 | 4,9 | 15% |

Khi nói đến giai cấp công nhân Anh, nhà nghiên cứu tư sản chuyên nghiên cứu về "chủ nghĩa đế quốc Anh hồi đầu thế kỷ XX" buộc phải phân biệt một cách triệt để sự khác nhau giữa "*tầng lớp trên*" trong công nhân và "*tầng lớp dưới thật sự vô sản*". Rất nhiều người tham gia hợp tác xã, rất nhiều đoàn viên công đoàn, hội viên các hội thể thao và những người trong các giáo phái, đều thuộc tầng lớp trên. Quyền bầu cử đã được quy định cho hợp với tầng lớp đó, quyền bầu cử này ở Anh "vẫn còn *bị hạn chế đủ để gạt tầng lớp dưới thật sự vô sản ra ngoài*"! ! Để tô điểm cho tình cảnh của giai cấp công nhân Anh, người ta thường chỉ nói đến tầng lớp trên ấy, một tầng lớp chỉ chiếm *thiểu số* trong giai cấp vô sản: chẳng hạn như nói "vấn đề thất nghiệp chủ yếu là vấn đề có liên quan đến thành phố Luân-đôn và tầng lớp vô sản bên dưới, là tầng lớp *mà các nhà chính trị ít đếm xỉa đến...*"*. Lẽ ra phải nói thế này: mà các nhà hoạt đầu chính trị tư sản và bọn cơ hội "xã hội chủ nghĩa" ít đếm xỉa đến.

---

* Schulze - Gaevernitz. "Br. Imp.", 301.

Trong số những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc, những đặc điểm gắn liền với những hiện tượng nói trên, ta phải kể đến tình trạng giảm sút trong sự di cư từ các nước đế quốc chủ nghĩa và tình trạng công nhân và dân chúng các nước lạc hậu hơn, là nơi tiền công hạ hơn, di cư ngày càng đông vào các nước đế quốc chủ nghĩa đó. Hốp-xơn nhận xét rằng con số di cư từ Anh đi bắt đầu sụt xuống từ 1884: năm đó số người di cư đi là 242 nghìn người, đến năm 1900 – là 169 nghìn người. Việc di cư từ Đức đi đã lên đến mức cao nhất trong 10 năm 1881 - 1890: 1 453 nghìn người; trong hai chục năm sau đó, số người di cư từ Đức đi tụt xuống còn 544 nghìn và 341 nghìn. Trái lại, số công nhân từ Áo, Ý, Nga, v.v., đến Đức lại tăng lên. Theo điều tra dân số, năm 1907 ở Đức có 1 342 294 người nước ngoài, trong số đó có 440 800 là công nhân công nghiệp và 257 329 là công nhân nông nghiệp*. Ở Pháp "một bộ phận lớn" công nhân trong công nghiệp hầm mỏ là người nước ngoài: người Ba-lan, Ý, Tây-ban-nha**. Ở Mỹ, những người từ miền Đông và Nam châu Âu di cư đến, đều làm những việc hạ công nhất, còn công nhân Mỹ chiếm tỷ lệ đông hơn cả trong số cai và công nhân làm những công việc được trả công hậu nhất***. Chủ nghĩa đế quốc có xu hướng tạo ra ngay cả trong công nhân, những hạng người được hưởng đặc lợi, và có xu hướng tách những hạng người này ra khỏi quảng đại quần chúng vô sản.

Cần vạch ra rằng ở Anh, xu hướng của chủ nghĩa đế quốc muốn chia rẽ công nhân, muốn tăng cường chủ nghĩa cơ hội

* Statistik des Deutschen Reichs, Bd. 211[1].

** Henger. "Die Kapitalsanlage der Franzosen". St. 1913 [2].

*** Hourwich. "Immigration and Labour". N.Y., 1913[3].

1) Thống kê của Nhà nước Đức, t. 211.

2) Hen-gơ. "Sự đầu tư tư bản của Pháp". Stút-ga, 1913.

3) Guốc-vích. "Di cư đến và lao động". Niu-oóc, 1913.

trong công nhân, muốn gây ra tình trạng thối nát nhất thời trong phong trào công nhân, đã xuất hiện từ lâu trước cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Vì hai đặc điểm lớn của chủ nghĩa đế quốc – việc chiếm hữu những thuộc địa rộng lớn và địa vị độc quyền trên thị trường toàn thế giới – đều đã biểu hiện ở Anh ngay từ giữa thế kỷ XIX. Trong hàng mấy chục năm, Mác và Ăng-ghen đã theo dõi có hệ thống sự liên hệ đó giữa chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân với những đặc điểm đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản Anh. Thí dụ, ngày 7 tháng Mười 1858, Ăng-ghen đã viết cho Mác: "Thực tế thì giai cấp vô sản Anh ngày càng tư sản hóa, và như vậy chắc là dân tộc Anh, một dân tộc có tính chất tư sản hơn tất cả các dân tộc khác, cuối cùng muốn đi đến chỗ có ở *bên cạnh* giai cấp tư sản của nó một tầng lớp quý tộc tư sản và một giai cấp vô sản tư sản hóa. Dĩ nhiên là đối với một dân tộc đi bóc lột toàn thế giới, thì điều đó là hợp lý trong một chừng mực nào đó"[156]. Sau đó gần một phần tư thế kỷ, trong một bức thư viết ngày 11 tháng Tám 1881, Ăng-ghen nói đến "các công liên xấu xa nhất ở Anh đã cam tâm chịu sự lãnh đạo của bọn người bị giai cấp tư sản mua chuộc hay ít nhất được giai cấp đó trả tiền"[157].

Trong bức thư gửi Cau-xky ngày 12 tháng Chín 1882, Ăng-ghen viết: "Anh hỏi tôi rằng công nhân Anh nghĩ gì về chính sách thực dân? Cũng như họ nghĩ về chính trị nói chung thôi. Ở đây chẳng có đảng công nhân nào đâu, chỉ có đảng bảo thủ và đảng cấp tiến - tự do, còn công nhân thì họ hết sức thản nhiên cùng với hai đảng này hưởng địa vị độc quyền của nước Anh về thuộc địa và độc quyền của nước này trên thị trường thế giới"*. (Ăng-ghen đã trình bày cũng ý kiến

* Briefwechsel von Marx und Engels, Bd.II, S. 290; IV, 433[1)] – K. Kautsky. "Sozialismus und Kolonialpolitik". Brl., 1907, tr.79[2)]; cuốn

1) Thư trao đổi giữa Mác và Ăng-ghen, t. II, tr.290.

2) C. Cau-xky. "Chủ nghĩa xã hội và chính sách thực dân". Béc-lanh, 1907.

này trong bài tựa cuốn "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh", in lần thứ 2, năm 1892[158].)

Ở đây các nguyên nhân và hậu quả đã được vạch ra một cách rõ ràng. Nguyên nhân là: 1) nước Anh bóc lột toàn thế giới; 2) nước Anh giữ địa vị độc quyền trên thị trường thế giới; 3) nước Anh giữ độc quyền về thuộc địa. Hậu quả là: 1) một bộ phận trong giai cấp vô sản Anh bị tư sản hóa; 2) một bộ phận trong giai cấp vô sản đó cam tâm chịu sự lãnh đạo của bọn người bị giai cấp tư sản mua chuộc hay ít nhất cũng được giai cấp đó trả tiền. Chủ nghĩa đế quốc hồi đầu thế kỷ XX đã chia xong thế giới cho một nhúm nước, mỗi nước trong số đó hiện nay đều bóc lột (theo ý nghĩa thu được siêu lợi nhuận) một bộ phận của "toàn thế giới", bộ phận này nhỏ hơn bộ phận mà nước Anh bóc lột hồi 1858 đôi chút; mỗi nước đều giữ – nhờ có các tơ-rớt, các-ten, tư bản tài chính và những quan hệ chủ nợ đối với con nợ – địa vị độc quyền trên thị trường thế giới; mỗi nước đều nắm giữ địa vị độc quyền về thuộc địa trên một mức độ nào đó (chúng ta đã thấy rằng trong số 75 triệu ki-lô-mét vuông diện tích của *tất cả* các thuộc địa trên thế giới, thì *65* triệu, tức là 86%, tập trung vào tay sáu cường quốc; *61* triệu ki-lô-mét vuông, tức 81%, thì do 3 cường quốc chiếm giữ).

Đặc điểm của tình hình hiện nay là đã có những điều kiện kinh tế và chính trị không thể không tăng thêm tính chất không điều hòa giữa chủ nghĩa cơ hội với lợi ích chung và căn bản của phong trào công nhân: từ trạng thái phôi thai chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thống trị; các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa đã chiếm địa vị hàng đầu trong nền kinh tế quốc dân và trong chính trị; việc phân chia thế giới đã hoàn thành rồi; nhưng mặt khác, không

sách này, Cau-xky viết vào một thời kỳ hết sức xa xôi, lúc ông ta còn là một nhà mác-xít.

phải là sự độc quyền không chia xẻ của nước Anh nữa, mà ta thấy hiện nay một số nhỏ những cường quốc đế quốc chủ nghĩa đang đấu tranh đòi tham gia sự độc quyền, cuộc đấu tranh đó là đặc điểm của suốt cả thời kỳ đầu thế kỷ XX. Ngày nay, trong phong trào công nhân của một nước, chủ nghĩa cơ hội không thể hoàn toàn thắng lợi được trong một thời gian dài hàng mấy chục năm, như nó đã từng thắng ở Anh trong nửa cuối thế kỷ XIX, nhưng trong nhiều nước, nó đã hoàn toàn chín muồi, đã quá chín rồi, đã thối nát, và đã hoàn toàn hợp nhất với chính sách tư sản, thành chủ nghĩa xã hội - sô-vanh*.

## IX. PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

Chúng ta hiểu sự phê phán chủ nghĩa đế quốc theo ý nghĩa rộng, tức là thái độ của các giai cấp khác nhau trong xã hội đối với chính sách của chủ nghĩa đế quốc, xét theo hệ tư tưởng chung của các giai cấp ấy.

Một mặt, những khối lượng khổng lồ tư bản tài chính được tập trung vào tay một số ít người và tạo ra một mạng lưới rộng lớn và dày đặc lạ thường những quan hệ và liên hệ mạng lưới mà nhờ đó tư bản tài chính chi phối chẳng những đông đảo các nhà tư bản và chủ hạng vừa và hạng nhỏ, mà cả các nhà tư bản và chủ hạng cực nhỏ nữa; và mặt khác, cuộc đấu tranh gay gắt chống lại các tập đoàn tư bản tài chính thuộc các nước và các dân tộc khác để phân chia thế giới và thống trị các nước khác, – tất cả những cái đó làm cho hết thảy các giai cấp hữu sản nhất loạt chuyển

---

* Chủ nghĩa xã hội - sô-vanh Nga của các ngài Pô-tơ-rê-xốp, Tsơ-khên-kê-li, Ma-xlốp, v.v., dưới hình thức công khai cũng như dưới hình thức che đậy (các ngài Tsơ-khê-ít-dê, Xcô-bê-lép, Ác-xen-rốt, Mác-tốp, v.v.), cũng được đẻ ra từ chủ nghĩa cơ hội kiểu Nga, cụ thể từ chủ nghĩa thủ tiêu.

sang phía chủ nghĩa đế quốc. Sự say mê "phổ biến" đối với tiền đồ của chủ nghĩa đế quốc, việc điên cuồng bảo vệ chủ nghĩa đế quốc, việc tô điểm cho chủ nghĩa đó bằng đủ mọi cách, – đó là dấu hiệu của thời đại. Hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa cũng thâm nhập cả vào giai cấp công nhân. Không có bức vạn lý trường thành nào ngăn cách giai cấp đó với các giai cấp khác. Nếu các thủ lĩnh của cái đảng hiện nay mệnh danh là đảng "dân chủ - xã hội" Đức bị người ta gọi một cách đích đáng là "những người đế quốc chủ nghĩa - xã hội", nghĩa là xã hội chủ nghĩa trên đầu lưỡi và đế quốc chủ nghĩa trong việc làm, – thì ngay từ 1902, Hốp-xơn đã cho biết là ở Anh có "bọn đế quốc chủ nghĩa Pha-biêng" thuộc "Hội Pha-biêng" cơ hội chủ nghĩa.

Các học giả và các nhà chính luận tư sản vẫn bênh vực chủ nghĩa đế quốc bằng một hình thức thường được che đậy đôi chút; họ che giấu sự thống trị hoàn toàn và những gốc rễ sâu xa của chủ nghĩa đế quốc; họ cố sức đưa những điểm bộ phận, những chi tiết thứ yếu lên hàng đầu, cố làm cho người ta không chú ý đến điểm căn bản, bằng cách đưa ra những dự án "cải cách" hoàn toàn viển vông, như việc lấy cơ quan cảnh sát để giám sát các tơ-rớt và các ngân hàng, v.v.. Còn bọn đế quốc chủ nghĩa công khai, trắng trợn, thì ít phát biểu hơn, chúng mạnh bạo thừa nhận rằng tư tưởng muốn cải cách những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, là phi lý.

Xin dẫn ra một ví dụ. Trong tập "Tư liệu kinh tế thế giới", bọn đế quốc Đức cố gắng theo dõi các phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, và dĩ nhiên là đặc biệt ở những thuộc địa không phải của Đức. Chúng nêu ra sự bất bình và những cuộc phản kháng đã xảy ra ở Ấn-độ, phong trào ở Na-tan (Nam Phi), ở Nam-dương thuộc Hà-lan, v.v.. Khi bình luận một bài báo Anh tường thuật hội nghị các dân tộc và chủng tộc bị lệ thuộc, họp từ ngày 28 đến 30 tháng Sáu 1910 và gồm những đại biểu của các dân tộc Á, Phi, Âu bị

nước ngoài thống trị, một người trong bọn đế quốc Đức đã nhận định những bài diễn văn đọc trong hội nghị đó như sau: "Người ta nói với chúng ta là phải chống chủ nghĩa đế quốc; các nước thống trị phải thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc bị lệ thuộc; tòa án quốc tế phải giám sát việc thi hành các hiệp ước đã ký kết giữa các cường quốc lớn với các dân tộc nhược tiểu. Hội nghị không đi xa hơn việc nêu ra những nguyện vọng vô tội ấy. Chúng ta không thấy dấu vết gì tỏ rõ sự hiểu biết cái chân lý sau đây: chủ nghĩa đế quốc gắn chặt với chủ nghĩa tư bản dưới hình thức hiện nay của nó, và do đó (!!) cuộc đấu tranh trực tiếp chống chủ nghĩa đế quốc là điều vô hy vọng, họa chăng thì người ta cũng chỉ đóng khung trong việc chống lại một số hiện tượng thái quá, đặc biệt ghê tởm"*. Vì việc sửa lại những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc bằng phương pháp cải lương là một trò bịp bợm, một "nguyện vọng vô tội"; vì những đại biểu tư sản của các dân tộc bị áp bức không tiến được "xa hơn", cho nên đại biểu tư sản của dân tộc đi áp bức *tụt lùi* "xa hơn", lùi đến chỗ bái phục chủ nghĩa đế quốc, một sự bái phục được che đậy bằng một sự mệnh danh "khoa học". Thế mà cũng là "lô-gích" đấy!

Có thể dùng cải cách mà thay đổi những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc được chăng? Có nên tiến lên, làm cho những mâu thuẫn mà chủ nghĩa đế quốc sản sinh ra, trở thành gay gắt thêm và sâu sắc thêm, hay thụt lùi, làm dịu những mâu thuẫn ấy? Đó là những vấn đề cơ bản trong sự phê phán chủ nghĩa đế quốc. Vì đặc điểm chính trị của chủ nghĩa đế quốc là sự phản động toàn diện và sự tăng cường ách áp bức dân tộc do có ách thống trị của bọn đầu sỏ tài chính và do có sự gạt bỏ cạnh tranh tự do, cho nên vào hồi đầu thế kỷ XX,

* Weltwirtschaftliches Archiv, Bd II, tr. 193[1].

1) Tư liệu kinh tế thế giới, t. II.

chủ nghĩa đế quốc đã vấp phải sự chống đối của phái dân chủ tiểu tư sản ở hầu hết các nước đế quốc chủ nghĩa. Việc Cau-xky và trào lưu quốc tế rộng lớn theo Cau-xky đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác, thể hiện chính là ở chỗ Cau-xky đã không những không muốn và không biết chống lại phái đối lập tiểu tư sản, cải lương, căn bản là phản động về mặt kinh tế, mà trái lại trên thực tiễn Cau-xky lại hợp nhất với nó.

Ở nước Mỹ, cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa năm 1898 chống Tây-ban-nha đã gây ra sự chống đối của "Những người chống chủ nghĩa đế quốc", tức những người mô-hi-can cuối cùng của nền dân chủ tư sản, họ gọi cuộc chiến tranh đó là một cuộc chiến tranh "tội lỗi", coi việc thôn tính đất đai nước khác là vi phạm hiến pháp, tuyên bố hành vi đối với A-ghi-nan-đô, thủ lĩnh của những người dân bản xứ ở Phi-li-pin, là "sự lừa đảo của bọn sô-vanh" (Mỹ đã hứa với ông này là để cho nước ông được tự do, nhưng rồi sau đó đem quân đội Mỹ đổ bộ và thôn tính Phi-li-pin), và dẫn ra những lời của Lin-côn: "khi người da trắng tự cai quản mình, thì đó là chế độ tự trị; khi họ tự cai quản mình và đồng thời cai quản cả những người khác, thì đó không còn là chế độ tự trị nữa, mà là chế độ chuyên chế" *. Nhưng chừng nào mà toàn bộ sự phê phán ấy còn sợ không dám thừa nhận mối liên hệ khăng khít giữa chủ nghĩa đế quốc với các tơ-rớt, nghĩa là với những cơ sở của chủ nghĩa tư bản, chừng nào mà sự phê phán đó còn sợ không dám kết hợp với các lực lượng do chủ nghĩa tư bản lớn và sự phát triển của nó sản sinh ra, – thì sự phê phán ấy vẫn chỉ là một "nguyện vọng vô tội" mà thôi.

Đó cũng là lập trường cơ bản của Hốp-xơn trong khi ông

---

* J. Patouillet. "L'impérialisme américain". Dijon, 1904, tr. 272[1].

---

1) Gi. Pa-tui-ê. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ". Đi-giông.

phê phán chủ nghĩa đế quốc. Hốp-xơn đã đi trước Cau-xky, khi ông ta phản đối thuyết "tính tất yếu của chủ nghĩa đế quốc" và viện đến sự cần thiết phải "nâng cao khả năng tiêu dùng" của nhân dân (trong chế độ tư bản chủ nghĩa!). Đứng trên quan điểm tiểu tư sản khi phê phán chủ nghĩa đế quốc, phê phán tính vạn năng của ngân hàng, của bọn đầu sỏ tài chính, v.v. thì có những tác giả mà chúng ta đã nhiều lần dẫn ra, như: A-gát, A.Lan-xbuốc, L. E-svê-ghê; còn trong số những nhà viết sách ở Pháp thì có Vích-to Bê-ra, tác giả một cuốn sách nông cạn nhan đề "Nước Anh và chủ nghĩa đế quốc", xuất bản năm 1900. Tất cả các tác giả đó không hề tự xưng là mác-xít, nhưng đều đem cạnh tranh tự do và chế độ dân chủ đối lập với chủ nghĩa đế quốc, bài xích chủ trương làm đường sắt Bát-đa, một chủ trương dẫn đến những cuộc xung đột và chiến tranh, và nêu lên những "nguyện vọng vô tội", về hòa bình, v.v.; cho đến cả nhà thống kê việc phát hành các chứng khoán quốc tế là A. Nây-mác-cơ, khi tính toán hàng trăm tỷ phrăng những chứng khoán "quốc tế", năm 1912, cũng đã kêu lên rằng: "liệu có thể cho rằng hòa bình có thể bị phá được chăng? ... trước những con số đồ sộ ấy, liệu người ta có thể liều lĩnh gây ra chiến tranh được chăng?"*.

Sự ngây thơ như thế của các nhà kinh tế học tư sản là điều không lạ lùng; vả lại, giả bộ hết sức ngây thơ và nói "một cách nghiêm chỉnh" đến hòa bình trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, là việc *có lợi* cho họ. Nhưng trong những năm 1914, 1915 và 1916, lúc Cau-xky đã đứng trên cùng một quan điểm cải lương tư sản đó và quả quyết rằng "mọi người đều tán thành" (bọn đế quốc, bọn giả danh xã hội chủ nghĩa và bọn hòa bình - xã hội) hòa bình, thì ở ông ta còn có gì là mác-xít nữa? Đáng lẽ phải phân tích và vạch rõ tính

* Bulletin de l'institut international de statistique. T. XIX, livr. II, p. 225.

chất sâu sắc của những mâu thuẫn đế quốc chủ nghĩa, thì chúng ta lại chỉ thấy có cái "nguyện vọng vô tội" có tính chất cải lương là muốn lẩn tránh không nói đến những mâu thuẫn ấy.

Dưới đây là kiểu mẫu về sự phê phán, về mặt kinh tế, của Cau-xky đối với chủ nghĩa đế quốc. Ông ta xem xét những số liệu năm 1872 và năm 1912 về xuất khẩu và nhập khẩu của Anh ở Ai-cập; kết quả người ta thấy là số xuất nhập khẩu đó đều phát triển ít hơn toàn bộ xuất nhập khẩu của Anh. Thế là Cau-xky kết luận: "chúng ta không có một lý do nào để cho rằng, không dùng đến quân sự để chiếm đóng Ai-cập mà chỉ nhờ tác dụng đơn thuần của các nhân tố kinh tế, thì thương mại giữa Anh với Ai-cập tăng ít hơn". "Xu hướng bành trướng của tư bản" "có thể được thực hiện thuận lợi nhất thông qua chế độ dân chủ hòa bình, chứ không phải thông qua những phương pháp bạo lực của chủ nghĩa đế quốc"*.

Lý lẽ đó của Cau-xky – đã được ông Xpếch-ta-to, kẻ tùy tùng của Cau-xky ở Nga (và cũng là một kẻ che chở cho bọn xã hội - sô-vanh ở Nga), lắp lại bằng đủ mọi cách – là cơ sở của sự phê phán của Cau-xky đối với chủ nghĩa đế quốc, và do đó phải xem xét nó một cách tỉ mỉ hơn. Ta hãy bắt đầu từ việc viện dẫn Hin-phéc-đinh là người đã đưa ra những kết luận mà Cau-xky đã nhiều lần, kể cả hồi tháng Tư 1915, tuyên bố là những kết luận được "tất cả những nhà lý luận xã hội chủ nghĩa nhất trí thừa nhận".

"Công việc của giai cấp vô sản - Hin-phéc-đinh viết –

* Kautsky. "Nationalstaat, imperialistischer Staat und Staatenbund". Nürnberg, 1915, tr. 72 và 70 [1].

1) Cau-xky. "Quốc gia dân tộc, quốc gia đế quốc chủ nghĩa và liên minh các quốc gia". Nuyn-béc.

không phải là đem chính sách đã lỗi thời của thời đại buôn bán tự do và thái độ thù địch đối với nhà nước, để đối lập với chính sách tư bản chủ nghĩa có tính chất tiến bộ hơn. Đối với chính sách kinh tế của tư bản tài chính, đối với chủ nghĩa đế quốc, giai cấp vô sản không thể đáp lại bằng chế độ buôn bán tự do, mà chỉ bằng chủ nghĩa xã hội. "Mục đích của chính sách vô sản ngày nay không phải là lý tưởng khôi phục lại sự cạnh tranh tự do, – giờ đây lý tưởng này đã thành một lý tưởng phản động – mà chỉ là hoàn toàn xóa bỏ cạnh tranh bằng cách thủ tiêu chủ nghĩa tư bản"*.

Cau-xky bênh vực "lý tưởng phản động", "chế độ dân chủ hòa bình", "tác dụng đơn thuần của các nhân tố kinh tế" đối với thời đại tư bản tài chính, như thế là ông ta đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác, vì *khách quan* mà nói thì lý tưởng đó kéo người ta thụt lùi từ chủ nghĩa tư bản độc quyền trở về chủ nghĩa tư bản không độc quyền, đó là một trò bịp bợm cải lương chủ nghĩa.

*Không có* sự chiếm đóng quân sự, không có chủ nghĩa đế quốc, không có tư bản tài chính, thì việc buôn bán với Ai-cập (hay với thuộc địa hoặc nửa thuộc địa khác) "đã tăng" nhiều hơn. Như thế nghĩa là gì? Có phải nghĩa là, nếu cạnh tranh tự do không bị hạn chế bởi sự độc quyền nói chung, bởi những "mối liên hệ" hay sự áp bức (nghĩa là cũng bởi độc quyền) của tư bản tài chính, cũng như bởi việc một số nước nào đó độc chiếm thuộc địa, thì có lẽ chủ nghĩa tư bản sẽ phát triển nhanh hơn chăng?

Những lý lẽ của Cau-xky không thể có một ý nghĩa nào khác thế được; nhưng "ý nghĩa" *đó* lại là vô nghĩa. Chúng ta hãy cứ cho là *đúng* đi, nghĩa là cạnh tranh tự do, nếu không có một sự độc quyền nào, sẽ *có thể* phát triển chủ nghĩa tư bản và thương mại được nhanh hơn. Nhưng thương

---

* "Tư bản tài chính", tr. 567.

mại và chủ nghĩa tư bản phát triển càng nhanh bao nhiêu, thì sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản, cái *đẻ ra* độc quyền, lại càng mạnh bấy nhiêu. Và độc quyền *đã* ra đời rồi, – và chính lại là *từ* cạnh tranh tự do *mà ra!* Ngày nay, nếu thậm chí độc quyền có kìm hãm sự phát triển, thì điều đó cũng không thể là một lý lẽ để bênh vực cho cạnh tranh tự do, là cái không thể tồn tại được sau khi nó đã đẻ ra độc quyền.

Dù có lật đi lật lại những lập luận của Cau-xky như thế nào đi nữa, người ta cũng sẽ không thấy gì khác ngoài tư tưởng phản động và chủ nghĩa cải lương tư sản.

Nếu người ta sửa lại lập luận ấy và nếu người ta nói, như Xpếch-ta-to đã nói, rằng: việc buôn bán giữa các thuộc địa của Anh với Anh ngày nay phát triển chậm hơn so với các nước khác, thì điều đó cũng chẳng cứu vãn được Cau-xky đâu. Vì kẻ đánh vào nước Anh *cũng vẫn* là độc quyền, *cũng vẫn* là chủ nghĩa đế quốc, nhưng là chủ nghĩa đế quốc của các nước khác (Mỹ, Đức). Ai cũng biết là những các-ten đã đưa đến những chế độ thuế quan bảo hộ theo một kiểu mới và độc đáo: (Ăng-ghen đã nêu lên điều đó ngay trong tập III của bộ "Tư bản"[159]) cái người ta bảo hộ chính là những sản phẩm có thể xuất khẩu được. Người ta lại cũng biết cái chế độ cố hữu của những các-ten và tư bản tài chính là "xuất khẩu với giá rẻ mạt", mà người Anh gọi là "bán phá giá"; ở trong nước thì các-ten bán sản phẩm của mình theo giá độc quyền cao, mà bán ra nước ngoài thì rẻ gấp ba lần để đánh quỵ kẻ cạnh tranh với mình, để mở rộng đến mức tối đa việc sản xuất của mình, v.v.. Nếu nước Đức phát triển việc buôn bán của nó với các thuộc địa của Anh nhanh hơn chính nước Anh, thì cái đó chỉ chứng tỏ một điều là chủ nghĩa đế quốc Đức trẻ hơn, khỏe hơn, có tổ chức hơn, phát triển cao hơn chủ nghĩa đế quốc Anh; nhưng cái đó tuyệt nhiên không chứng minh "ưu thế" của chế độ buôn bán tự do, vì cuộc đấu tranh này không phải

là giữa chế độ buôn bán tự do với chế độ thuế quan bảo hộ, với tình trạng lệ thuộc của các thuộc địa, mà là giữa hai chủ nghĩa đế quốc, hai tổ chức độc quyền, hai tập đoàn tư bản tài chính với nhau. Ưu thế của chủ nghĩa đế quốc Đức đối với chủ nghĩa đế quốc Anh thì mạnh hơn bức thành những biên giới thuộc địa hay những biểu thuế quan bảo hộ: lấy đó làm "lý lẽ" để *bênh vực* chế độ buôn bán tự do và "chế độ dân chủ hòa bình", thì thật là tầm thường, là quên mất những đặc điểm và những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, là đem chủ nghĩa cải lương tiểu thị dân thay cho chủ nghĩa Mác.

Điều đáng chú ý là ngay cả nhà kinh tế học tư sản A. Lan-xbuốc, tuy sự phê phán của ông ta về chủ nghĩa đế quốc cũng mang tính chất tiểu thị dân như sự phê phán của Cau-xky, song ông ta đã nghiên cứu những tài liệu thống kê thương mại một cách khoa học hơn Cau-xky. Ông ta không phải chỉ ngẫu nhiên lấy một nước nào đó và chỉ lấy riêng một thuộc địa để so sánh với các nước khác; ông ta đã so sánh việc xuất khẩu của một nước đế quốc: 1) sang những nước phụ thuộc về mặt tài chính vào nước đế quốc đó, vay tiền nước đế quốc đó và 2) sang những nước độc lập về mặt tài chính. Và đây là kết quả sự so sánh ấy:

*Xuất khẩu của nước Đức*
*(tính theo triệu mác)*

| | | 1889 | 1908 | Số tăng tính theo% |
|---|---|---|---|---|
| Sang những nước phụ thuộc về mặt tài chính vào Đức: | Ru-ma-ni...... | 48,2 | 70,8 | + 47% |
| | Bồ-đào-nha.... | 19,0 | 32,8 | + 73% |
| | Ác-hen-ti-na... | 60,7 | 147,0 | + 143 % |
| | Bra-xin........ | 48,7 | 84,5 | + 73% |
| | Chi-lê......... | 28,3 | 52,4 | + 85% |
| | Thổ-nhĩ-kỳ..... | 29,9 | 64,0 | + 114% |
| | *Tổng cộng* | *234,8* | *451,5* | *+ 92%* |

| | | 1889 | 1908 | Số tăng tính theo% |
|---|---|---|---|---|
| Sang những nước độc lập về mặt tài chính đối với Đức: | Anh.................... | 651,8 | 997,4 | + 53% |
| | Pháp................... | 210,2 | 437,9 | + 108% |
| | Bỉ | 137,2 | 322,8 | + 135% |
| | Thụy-sĩ............... | 177,4 | 401,1 | + 127% |
| | Úc........................ | 21,2 | 64,5 | + 205% |
| | Nam-dương thuộc Hà-lan...... | 8,8 | 40,7 | + 363% |
| | *Tổng cộng* | *1 206,6* | *2 264,4* | *+ 87%* |

Lan-xbuốc đã không *tổng kết* và do đó thật lạ lùng là ông ta đã không nhận thấy rằng *nếu* những con số trên có chứng tỏ một cái gì chăng nữa, thì cái đó chỉ *bác bỏ* ông ta mà thôi, vì việc xuất khẩu sang những nước phụ thuộc về mặt tài chính vào Đức, *dù sao cũng* đã phát triển *nhanh hơn*, tuy là không nhiều lắm, so với việc xuất khẩu sang các nước độc lập về mặt tài chính (chúng tôi nhấn mạnh chữ "nếu" vì bản thống kê của Lan-xbuốc rất không đầy đủ).

Khi nghiên cứu sự liên hệ giữa xuất khẩu và các khoản tiền vay, Lan-xbuốc viết:

"Năm 1890 - 1891, việc cấp một khoản tiền vay cho Ru-ma-ni được ký kết với sự môi giới của các ngân hàng Đức, là những ngân hàng ngay trong những năm trước đây, đã từng ứng trước khoản tiền vay đó. Khoản tiền vay này chủ yếu là để mua ở Đức những vật liệu đường sắt. Năm 1891, xuất khẩu của Đức sang Ru-ma-ni trị giá là 55 triệu mác. Năm sau, con số đó tụt xuống còn 39,4 triệu và rồi cứ ngắt từng quãng mà tụt xuống còn 25,4 triệu vào năm 1900. Mãi mấy năm gần đây nhất, việc xuất khẩu đó mới đạt được mức năm 1891, nhờ có hai khoản tiền vay mới.

Nhờ có những khoản tiền vay vào năm 1888 - 1889, khối lượng xuất khẩu của Đức sang Bồ-đào-nha đã tăng lên đến 21,1 triệu (1890), rồi hai năm sau lại tụt xuống tới 16,2

triệu và 7,4 triệu mác; mãi đến 1903, khối lượng xuất khẩu đó mới đạt được mức cũ của nó.

Những số liệu về thương mại của Đức với Ác-hen-ti-na lại còn rõ rệt hơn nữa. Nhờ những khoản tiền vay các năm 1888 và 1890, khối lượng xuất khẩu của Đức sang Ác-hen-ti-na năm 1889 đã đạt tới 60,7 triệu mác. Hai năm sau, khối lượng xuất khẩu này chỉ còn có 18,6 triệu mác, tức là chưa bằng một phần ba mức trước đó. Chỉ mãi đến năm 1901 khối lượng xuất khẩu này mới đạt và vượt mức năm 1889, nhờ có các khoản tiền vay mới cấp cho nhà nước và cho các thành phố, nhờ việc xuất tiền để xây dựng các nhà máy điện và nhờ có những hoạt động tín dụng khác.

Do khoản tiền vay năm 1889, khối lượng xuất khẩu sang Chi-lê đã lên đến 45,2 triệu (1892); một năm sau, lại tụt xuống 22,5 triệu. Sau khi đã ký kết một khoản tiền vay mới năm 1906 do các ngân hàng Đức làm trung gian, khối lượng xuất khẩu lại lên đến 84,7 triệu (1907), rồi năm 1908, lại tụt xuống 52,4 triệu"*.

Qua những sự việc đó, Lan-xbuốc rút ra một câu đạo đức tiểu thị dân thật là tức cười: xuất khẩu mà gắn liền với các khoản vay thì không vững chắc và không đều đặn; nếu không dùng tư bản để phát triển công nghiệp nước mình "một cách tự nhiên" và "nhịp nhàng" mà lại đem xuất khẩu tư bản ra nước ngoài thì thật là không hay; đem hàng triệu bạc đút lót trong dịp cấp các khoản tiền vay cho nước ngoài thì thật là "tốn kém" cho Krúp, v.v.. Song sự việc đã nói lên một cách rõ ràng: khối lượng xuất khẩu mà tăng lên, thì *chính là* do những mánh khoé bịp bợm của tư bản tài chính, là kẻ không quan tâm đến đạo đức tư sản và bóc lột người ta nhiều tầng: trước hết là lời về khoản tiền vay; sau đó là lời do chính *cũng* khoản tiền vay *đó* mang lại khi nó được

* "Die Bank", 1909, 2, tr. 819 và các trang tiếp theo.

đem dùng để mua sản phẩm của hãng Krúp hoặc mua vật liệu đường sắt của xanh-đi-ca thép, v.v..

Chúng tôi xin nhắc lại rằng chúng tôi hoàn toàn không coi bản thống kê của Lan-xbuốc là hoàn thiện, nhưng nhất thiết phải dẫn nó ra, vì nó khoa học hơn các thống kê của Cau-xky và Xpếch-ta-to, vì Lan-xbuốc đưa ra cách nghiên cứu vấn đề đúng. Muốn bàn đến ý nghĩa của tư bản tài chính trong lĩnh vực xuất khẩu, v.v. thì phải biết tách riêng ra mối liên hệ giữa xuất khẩu với chỉ riêng những mánh khoé của bọn tư bản tài chính, với chỉ riêng việc tiêu thụ sản phẩm của các-ten, v.v.. Còn như chỉ đơn thuần so sánh thuộc địa nói chung với các nước không phải thuộc địa, so sánh chủ nghĩa đế quốc này với chủ nghĩa đế quốc kia, một nước nửa thuộc địa hay một thuộc địa (Ai-cập) với tất cả các nước khác, thì như thế là lẩn tránh và làm lu mờ chính *thực chất* của vấn đề.

Sở dĩ sự phê phán, trên phương diện lý luận, của Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc chẳng có gì là giống chủ nghĩa Mác cả, sở dĩ nó chỉ có thể dùng để tuyên truyền cho sự hòa bình và thống nhất với bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xã hội - sô-vanh, là vì nó lẩn tránh và làm lu mờ chính những mâu thuẫn sâu xa nhất và căn bản nhất của chủ nghĩa đế quốc: mâu thuẫn giữa độc quyền với cạnh tranh tự do là cái tồn tại bên cạnh độc quyền; mâu thuẫn giữa những "hoạt động" quy mô rất lớn (và những lợi nhuận rất lớn) của tư bản tài chính với việc buôn bán "ngay thật" trên thị trường tự do, mâu thuẫn giữa một bên là các-ten và tơ-rớt với một bên là công nghiệp không các-ten hóa, v.v..

Thuyết "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" nổi tiếng do Cau-xky nghĩ ra, mang tính chất cũng hoàn toàn phản động như thế. Ta hãy so sánh lập luận mà ông ta đã nêu ra năm 1915 về vấn đề đó, với lập luận của Hốp-xơn năm 1902:

Cau-xky: "... Chính sách đế quốc chủ nghĩa hiện tại phải chăng sẽ có thể được thay thế bằng một chính sách mới,

chính sách đế quốc chủ nghĩa cực đoan, một chính sách sẽ đem việc tư bản tài chính liên hợp trên phạm vi quốc tế để cùng nhau bóc lột thế giới, thay cho cuộc đấu tranh giữa các tập đoàn tư bản tài chính các nước? Vô luận thế nào thì giai đoạn mới đó của chủ nghĩa tư bản cũng vẫn là điều có thể có được. Nó có thể được thực hiện hay không? Hiện nay vẫn chưa có những tiền đề đầy đủ để giải quyết vấn đề đó"*.

Hốp-xơn: "Đạo Cơ-đốc – đã được củng cố trong một số ít đế quốc liên bang lớn, trong đó mỗi đế quốc lại có một số thuộc địa chưa được khai hóa và những nước phụ thuộc, – đã được nhiều người coi là sự phát triển hợp quy luật nhất của các xu hướng hiện nay, hơn nữa lại là sự phát triển mang lại hy vọng nhiều nhất về một nền hòa bình lâu dài trên cơ sở vững chắc là chủ nghĩa liên - đế quốc".

Cái mà Cau-xky gọi là chủ nghĩa đế quốc cực đoan hay là chủ nghĩa siêu đế quốc, thì trước ông ta 13 năm, Hốp-xơn đã gọi là chủ nghĩa liên - đế quốc hay là chủ nghĩa đế quốc phối hợp. Ngoài việc đặt ra một danh từ mới, thậm ư uyên bác, bằng cách lấy một phụ ngữ la-tinh này thay cho một phụ ngữ la-tinh khác, thì sự tiến bộ của tư tưởng "khoa học" của Cau-xky rút lại chỉ là cái tham vọng muốn làm cho người ta nhận là chủ nghĩa Mác, cái mà thực ra Hốp-xơn đã mô tả, mà những điều mô tả đó thực ra là tính giả nhân giả nghĩa của bầy giáo sĩ Anh. Sau cuộc chiến tranh Anh - Bô-e, điều hoàn toàn tự nhiên là cái đẳng cấp hết sức đáng kính ấy đã hướng những sự cố gắng chủ yếu của mình vào việc *an ủi* tầng lớp tiểu thị dân và những công nhân Anh đã bị chết nhiều trong các trận chiến đấu ở Nam Phi và phải đóng thêm thuế để bảo đảm lợi nhuận cao hơn nữa cho bọn tư bản tài chính Anh. Làm cho người ta tin rằng chủ nghĩa đế quốc không đến nỗi

---

* "Neue Zeit", 30 tháng Tư 1915, tr. 144.

xấu xa đến như thế, rằng nó đã gần thành chủ nghĩa liên – đế quốc (hay đế quốc cực đoan), có thể bảo đảm được một nền hòa bình vĩnh cửu, – thử hỏi, còn có sự an ủi nào tốt thế nữa không? Dù cho bầy giáo sĩ Anh, hay con người ủy mị Cau-xky có thiện ý đến thế nào chăng nữa, thì ý nghĩa khách quan, tức là ý nghĩa xã hội thật sự của "lý luận" của Cau-xky vẫn là một và chỉ là một thôi: đó là an ủi quần chúng một cách cực kỳ phản động bằng cái hy vọng là có thể có hòa bình vĩnh cửu trong chế độ tư bản, làm cho quần chúng không chú ý đến những mâu thuẫn gay gắt và những vấn đề gay gắt hiện tại và hướng cho quần chúng chú ý đến những tiền đồ hư ảo của cái "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" tương lai nào đó mà người ta gọi là mới. Chỉ lừa bịp quần chúng thôi, chứ ngoài ra thì tuyệt đối không có gì khác trong cái lý luận "mác-xít" đó của Cau-xky.

Quả vậy, chỉ cần đối chiếu cho thật rõ ràng những sự thật mà ai cũng biết và không thể chối cãi được, cũng đủ để thấy rõ rằng những viễn cảnh mà Cau-xky cố sức làm cho công nhân Đức (và công nhân tất cả các nước) tin, là hư ảo đến chừng nào. Ta hãy xét Ấn-độ, Đông-dương và Trung-quốc. Người ta biết rằng ba xứ thuộc địa và nửa thuộc địa đó, mà tổng số dân cư có từ 6 đến 7 trăm triệu người, đều bị tư bản tài chính của vài cường quốc đế quốc chủ nghĩa: Anh, Pháp, Nhật, Mỹ, v.v., bóc lột. Cứ cho là các nước đế quốc chủ nghĩa này thành lập những liên minh chống lại nhau để bảo vệ hoặc mở rộng những thuộc địa của mình, những lợi ích và "khu vực ảnh hưởng" của mình trong các nước châu Á kể trên. Đó sẽ là những liên minh "liên - đế quốc chủ nghĩa" hay "đế quốc chủ nghĩa cực đoan". Cứ cho là *tất cả* các cường quốc đế quốc chủ nghĩa thành lập một liên minh để phân chia "một cách hòa bình" các nước châu Á kể trên, – đó sẽ là một thứ "tư bản tài chính liên hợp trên phạm vi quốc tế". Trong lịch

sử thế kỷ XX có những ví dụ thực tế về kiểu liên minh như thế, chẳng hạn, trong quan hệ giữa các cường quốc với Trung-quốc[160]. Thử hỏi, liệu "có thể" cho rằng, trong điều kiện duy trì chế độ tư bản (chính điều kiện đó đã được Cau-xky đưa ra để làm tiền đề), những liên minh ấy không tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi, rằng những liên minh ấy trừ bỏ được những cuộc va chạm, xung đột và đấu tranh dưới mọi hình thức và dưới tất cả các hình thức có thể có, – liệu "có thể" như thế được chăng?

Chỉ cần đặt vấn đề một cách thật rõ ràng cũng đủ thấy rằng chỉ có thể trả lời là không. Vì, trong chế độ tư bản, người ta *không* thể nào có được một cơ sở nào khác để phân chia những khu vực ảnh hưởng, những quyền lợi, những thuộc địa, v.v., ngoài sự so sánh *lực lượng* của các nước tham dự việc phân chia ấy, lực lượng về kinh tế chung, về tài chính, về quân sự, v.v.. Mà lực lượng của các nước tham dự việc phân chia ấy lại thay đổi một cách không đều nhau, vì dưới chế độ tư bản, không thể có sự phát triển *đều nhau* giữa các xí nghiệp, các tơ-rớt, các ngành công nghiệp, các nước được. Trước đây nửa thế kỷ, nếu người ta so sánh lực lượng tư bản của nước Đức với lực lượng tư bản của nước Anh hồi đó, thì nước Đức chỉ là một con số không đáng kể thảm hại; cả Nhật so với Nga, cũng vậy. Nhưng sau mười hoặc hai mươi năm, liệu "có thể" cho rằng quan hệ so sánh lực lượng giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa vẫn *không* thay đổi, được chăng? Tuyệt đối không thể được.

Cho nên, trong hiện thực của chủ nghĩa tư bản, chứ không phải trong trí tưởng tượng tiểu thị dân tầm thường của các giáo sĩ Anh hay của "nhà mác-xít" Đức Cau-xky, thì các liên minh "liên – đế quốc chủ nghĩa" hoặc "đế quốc chủ nghĩa cực đoan", – dù dưới hình thức nào chăng nữa, dù dưới hình thức là một đồng minh đế quốc chủ nghĩa chống lại một đồng minh đế quốc chủ nghĩa khác, hay là

một tổng liên minh *tất cả* các cường quốc đế quốc chăng nữa, – đều *không* tránh khỏi chỉ là những "cuộc ngừng bắn" giữa các cuộc chiến tranh mà thôi. Các liên minh hòa bình chuẩn bị cho chiến tranh, và chính các liên minh đó cũng lại do chiến tranh mà sinh ra; các liên minh hòa bình và các cuộc chiến tranh ấy là điều kiện của nhau, gây nên cái tình trạng là hết hình thức đấu tranh hòa bình lại đến hình thức đấu tranh không hòa bình, tình trạng này nảy sinh ra trên *cùng một* mảnh đất là những mối liên hệ và quan hệ qua lại mang tính chất đế quốc chủ nghĩa trong nền kinh tế và chính trị thế giới. Thế mà, để làm yên lòng công nhân và hòa giải họ với bọn xã hội - sô-vanh là những kẻ đã chạy sang phía giai cấp tư sản, Cau-xky, con người rất mực sáng suốt ấy, lại *tách rời* hai mắt xích trong cùng một dây xích thống nhất; tách rời sự liên minh hòa bình (và đế quốc chủ nghĩa cực đoan, thậm chí đế quốc chủ nghĩa cực cực đoan nữa) hiện nay của *tất cả* các cường quốc để "bình định" Trung-quốc (xin hãy nhớ lại vụ đàn áp cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hòa đoàn [161]) khởi sự xung đột không hòa bình ngày mai, cuộc xung đột ấy sẽ chuẩn bị cho một cuộc tổng liên minh "hòa bình" ngày kia, nhằm phân chia nước Thổ-nhĩ-kỳ chẳng hạn, *v.v. và v.v.*. Đáng lẽ phải nêu rõ mối liên hệ sinh động giữa các thời kỳ hòa bình đế quốc chủ nghĩa với những thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, thì Cau-xky lại đưa ra cho công nhân một thứ trừu tượng không có sinh khí, để hòa giải họ với những lãnh tụ không còn sinh khí của họ.

Trong lời tựa cuốn "Lịch sử ngoại giao trong sự phát triển quốc tế của châu Âu", Hin-lơ, một người Mỹ, chia lịch sử hiện đại của nền ngoại giao ra thành những thời kỳ sau đây: 1) kỷ nguyên cách mạng; 2) phong trào lập hiến; 3) kỷ nguyên "chủ nghĩa đế quốc thương mại"* hiện

---

* David Jayne Hill. "A History of the Diplomacy in the international development of Europe", vol. I, p. X.

nay. Một tác giả khác chia lịch sử "chính sách thế giới" của nước Anh từ 1870 đến nay ra làm 4 thời kỳ: 1) thời kỳ Á châu thứ nhất (đấu tranh chống sự tiến triển của Nga ở miền Trung Á hướng về phía Ấn-độ); 2) thời kỳ Phi châu (khoảng từ 1885 đến 1902) – đấu tranh chống Pháp để phân chia châu Phi (vụ "Pha-sô-đa" năm 1898, xuýt nữa xảy ra chiến tranh với Pháp); 3) thời kỳ Á châu thứ hai (hiệp ước ký với Nhật để chống lại Nga) và 4) thời kỳ "Âu châu", chủ yếu là nhằm chống Đức*. "Những cuộc xô xát chính trị của các đội tiên phong đều xảy ra trên miếng đất tài chính", – Rít-xơ, một "nhà hoạt động" ngân hàng, đã viết như thế ngay từ 1905; ông ta đã vạch rõ rằng tư bản tài chính Pháp, trong khi hoạt động ở Ý, đã chuẩn bị liên minh chính trị giữa hai nước ấy như thế nào; cuộc đấu tranh giữa Đức và Anh để chiếm Ba-tư, cũng như cuộc đấu tranh của tất cả bọn tư bản châu Âu tranh nhau cho Trung-quốc vay, đã diễn ra như thế nào, v.v.. Đấy, cái hiện thực sinh động của các liên minh hòa bình "đế quốc chủ nghĩa cực đoan" trong sự liên hệ mật thiết của chúng với những cuộc xung đột thuần túy đế quốc chủ nghĩa, là như thế đó.

Việc Cau-xky làm lu mờ các mâu thuẫn sâu sắc nhất của chủ nghĩa đế quốc – làm lu mờ như thế tất nhiên dẫn đến chỗ tô điểm cho chủ nghĩa đế quốc – không thể không ảnh hưởng cả đến việc tác giả này phê phán những đặc tính chính trị của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc là thời đại tư bản tài chính và thời đại các tổ chức độc quyền, ở khắp nơi những tổ chức này đều có xu hướng thống trị, chứ không phải xu hướng tự do. Sự phản động toàn diện dưới bất kỳ chế độ chính trị nào, tình trạng mâu thuẫn gay gắt đến cực độ cũng trong lĩnh vực ấy – đó là kết quả của những xu hướng nói trên. Sự áp bức dân tộc và xu hướng đi thôn tính, nghĩa là vi phạm quyền độc lập

---

* Schilder, tác phẩm đã dẫn, tr. 178.

dân tộc (vì thôn tính chẳng có nghĩa gì khác hơn là vi phạm quyền dân tộc tự quyết), cũng đặc biệt tăng lên. Hin-phéc-đinh đã vạch ra một cách đúng đắn mối liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với sự tăng cường áp bức dân tộc. "Đối với những nước vừa mới được tìm ra – Hin-phéc-đinh viết – thì tư bản nhập khẩu làm cho những mâu thuẫn mạnh lên và gây ra sự phản kháng thường xuyên tăng lên của các dân tộc đang thức tỉnh về ý thức dân tộc và chống lại ngoại xâm; sự phản kháng đó có thể dễ dàng biến thành những biện pháp nguy hiểm nhằm chống lại tư bản nước ngoài. Những quan hệ xã hội cũ đều được cách mạng hóa một cách căn bản; tình trạng biệt lập nông nghiệp hàng ngàn năm nay của các "dân tộc đứng ngoài rìa lịch sử" bị phá tan; các dân tộc này cũng bị lôi cuốn vào cơn lốc tư bản chủ nghĩa. Bản thân chủ nghĩa tư bản dần dần tạo cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện và phương pháp để tự giải phóng. Và mục đích tối cao trước kia của các dân tộc châu Âu là thành lập quốc gia dân tộc thống nhất làm công cụ thực hiện tự do kinh tế và tự do văn hóa, thì nay cũng trở thành mục đích của các dân tộc bị chinh phục đó. Phong trào đòi độc lập ấy đe dọa tư bản châu Âu trong những lĩnh vực khai thác quý giá nhất của nó, những lĩnh vực hứa hẹn những triển vọng xán lạn nhất, và tư bản châu Âu chỉ có thể duy trì được quyền thống trị bằng cách thường xuyên tăng thêm lực lượng quân sự của nó" *.

Ta phải nói thêm là không phải chỉ trong các nước mới được tìm ra, mà cả ở những nước cũ nữa, chủ nghĩa đế quốc cũng dẫn đến những cuộc thôn tính, đến việc tăng cường áp bức dân tộc và, do đó, cũng dẫn đến tăng cường sự phản kháng. Trong khi lên tiếng phản đối việc chủ nghĩa đế quốc làm cho sự phản động chính trị tăng thêm, Cau-xky

* "Tư bản tài chính", tr. 487.

lại bỏ qua một vấn đề đã trở nên đặc biệt cấp thiết, tức là vấn đề không thể nào thực hiện được sự thống nhất với bọn cơ hội chủ nghĩa trong thời đại chủ nghĩa đế quốc. Trong lúc phản đối những cuộc thôn tính, ông ta trình bày những lời phản đối của mình dưới một hình thức hiền từ nhất và có thể dễ dàng tiếp thu nhất đối với bọn cơ hội chủ nghĩa. Ông ta trực tiếp nói với các thính giả Đức, nhưng chính cái quan trọng nhất và nóng hổi nhất, chẳng hạn như vụ An-da-xơ - Lo-ren là vụ nước Đức đi thôn tính, thì lại bị ông ta làm lu mờ đi. Để có thể đánh giá "khuynh hướng tư tưởng" đó của Cau-xky, ta hãy lấy một ví dụ. Giả sử có một người Nhật lên án người Mỹ thôn tính Phi-li-pin. Thử hỏi liệu có mấy ai tin được rằng người Nhật đó lên án như thế là vì căm ghét những cuộc thôn tính nói chung, chứ không phải vì chính mình có ý muốn thôn tính Phi-li-pin? Và người ta há lại không phải thừa nhận rằng, chỉ trong trường hợp người Nhật đó chống lại việc nước Nhật thôn tính Triều-tiên và đòi cho Triều-tiên được tự do phân lập với Nhật-bản, thì mới có thể coi sự "đấu tranh" của người Nhật đó chống các cuộc thôn tính là thành thật và trung thực về mặt chính trị hay sao?

Sự phân tích về lý luận, cũng như sự phê phán trên phương diện kinh tế và chính trị của Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc, đều *hoàn toàn* tiêm nhiễm cái tinh thần tuyệt đối không thể dung hòa được với chủ nghĩa Mác, tức là làm lu mờ và giảm nhẹ những mâu thuẫn căn bản nhất, và cái ý đồ bảo vệ cho bằng được sự thống nhất, đang suy sụp, với chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân châu Âu.

## X. VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC TRONG LỊCH SỬ

Chúng ta đã thấy rằng chủ nghĩa đế quốc, xét theo bản chất kinh tế của nó, là chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chỉ

riêng điều đó cũng đủ xác định được vị trí của chủ nghĩa đế quốc trong lịch sử, vì độc quyền, xuất hiện trên cơ sở cạnh tranh tự do và chính là từ cạnh tranh tự do, là bước quá độ từ chế độ tư bản lên một chế độ kinh tế - xã hội cao hơn. Phải đặc biệt nói đến bốn loại độc quyền chủ yếu hay bốn biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền, đó là những điểm tiêu biểu cho thời đại mà chúng ta đang nghiên cứu.

Một là, tổ chức độc quyền được đẻ ra từ sự tập trung sản xuất đã đạt đến một trình độ phát triển rất cao. Đó là những liên minh độc quyền của bọn tư bản, các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt. Chúng ta đã thấy vai trò rất to lớn của những liên minh đó trong đời sống kinh tế hiện đại. Đến đầu thế kỷ XX, các tổ chức đó đã chiếm ưu thế hoàn toàn trong các nước tiên tiến, và nếu các nước có suất thuế quan bảo hộ cao (Đức, Mỹ) đã vượt qua những bước đầu trên con đường các-ten hóa được sớm hơn, thì chỉ ít lâu sau đó, nước Anh, với chế độ buôn bán tự do của nó, cũng đã chỉ ra cho ta thấy cũng một sự thật cơ bản như vậy: các tổ chức độc quyền đều được đẻ ra từ sự tập trung sản xuất.

Hai là, độc quyền đã dẫn đến việc tăng cường chiếm đoạt những nguồn nguyên liệu quan trọng nhất, nhất là cho ngành công nghiệp cơ bản, đã được các-ten hóa nhiều nhất trong xã hội tư bản chủ nghĩa: ngành công nghiệp than đá và luyện thép. Sự độc quyền chiếm hữu các nguồn nguyên liệu quan trọng nhất đã làm cho quyền lực của đại tư bản tăng lên hết sức lớn và làm cho mâu thuẫn giữa công nghiệp đã các-ten hóa với công nghiệp không các-ten hóa trở nên hết sức gay gắt.

Ba là, độc quyền là do ngân hàng đẻ ra. Ngân hàng từ chỗ là những doanh nghiệp môi giới khiêm tốn ngày nay đã trở thành các tổ chức độc quyền tư bản tài chính. Chỉ vẻn vẹn có ba đến năm ngân hàng lớn nhất của bất cứ một

nước tư bản chủ nghĩa nào tiên tiến nhất, thế mà đã thực hiện được sự "liên minh về người" giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng, và tập trung vào tay mình việc chi phối hàng tỷ và hàng tỷ, tức là phần lớn tư bản và thu nhập bằng tiền của cả một nước. Bọn đầu sỏ tài chính dùng một màng lưới dày đặc những quan hệ lệ thuộc để bao trùm lên hết thảy các thiết chế kinh tế và chính trị, không trừ một ngoại lệ nào, của xã hội tư sản ngày nay – đó là biểu hiện rõ rệt nhất của sự độc quyền ấy.

Bốn là, độc quyền là do chính sách thực dân đẻ ra. Ngoài nhiều động cơ "cũ" của chính sách thực dân, tư bản tài chính lại thêm vào động cơ đấu tranh để giành các nguồn nguyên liệu, để xuất khẩu tư bản, để giành những "khu vực ảnh hưởng", – nghĩa là các khu vực giao dịch có lợi, các tô nhượng có lợi, lợi nhuận độc quyền, v.v., – sau cùng là để có lãnh thổ kinh tế nói chung. Ví dụ, khi các thuộc địa của các cường quốc châu Âu mới chỉ là một phần mười châu Phi, như tình hình năm 1876, thì chính sách thực dân có thể phát triển một cách không có tính chất độc quyền, mà theo kiểu có thể nói là "tự do chiếm lĩnh" đất đai. Nhưng khi 9/10 châu Phi đã bị chiếm (đến năm 1900) và khi toàn thế giới đã bị phân chia, thì tất nhiên kỷ nguyên độc quyền chiếm thuộc địa đã đến và do đó, cũng bắt đầu kỷ nguyên đấu tranh đặc biệt gay gắt để chia và chia lại thế giới.

Mọi người đều biết chủ nghĩa tư bản độc quyền đã làm cho hết thảy các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản gay gắt đến chừng nào. Chỉ cần nêu lên tình trạng giá cả đắt đỏ và sự áp bức của các-ten, cũng đủ rõ. Tình trạng các mâu thuẫn trở nên gay gắt là động lực mạnh nhất của thời kỳ lịch sử quá độ, thời kỳ này bắt đầu từ lúc tư bản tài chính thế giới đạt được thắng lợi hoàn toàn.

Tổ chức độc quyền, bọn đầu sỏ tài chính, xu hướng đi đến thống trị, chứ không phải đi đến tự do, việc một nhúm

nhỏ những dân tộc giàu có nhất hoặc hùng mạnh nhất đi bóc lột một số ngày càng đông những dân tộc nhỏ bé hay yếu – tất cả những cái đó đã tạo ra những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc buộc người ta phải gọi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám và thối nát. Càng ngày người ta càng thấy nổi bật một trong số các xu hướng của chủ nghĩa đế quốc là: thiết lập "nước thực lợi", nước cho vay nặng lãi, giai cấp tư sản nước này ngày càng sống nhờ vào việc xuất khẩu tư bản và bằng lối "cắt phiếu". Nhưng nếu cho rằng xu hướng đi đến thối nát đó loại trừ sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, thì như thế là sai lầm; không, trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, một số ngành công nghiệp nào đó, một số tầng lớp nào đó trong giai cấp tư sản, một số nước nào đó, đều biểu hiện, hoặc ít hoặc nhiều, khi thì xu hướng này, khi thì xu hướng kia. Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh hơn trước, nhưng nói chung thì sự phát triển đó không những trở thành không đồng đều hơn trước, mà sự phát triển không đồng đều này nói riêng biểu hiện cả ở sự thối nát của các nước có nhiều tư bản nhất (nước Anh).

Bàn về tốc độ phát triển kinh tế của Đức, Rít-xơ, tác giả một cuốn sách nghiên cứu các ngân hàng lớn ở Đức, đã viết: "Sự tiến bộ không phải quá chậm chạp của thời đại trước (1848 - 1870) đem so với tốc độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế của Đức và nói riêng của các ngân hàng ở Đức vào thời đại này (1870 - 1905) thì cũng gần như tốc độ của một chiếc xe thư do ngựa kéo thời xưa so với tốc độ của chiếc xe hơi hiện đại, chiếc xe hơi này phóng nhanh đến nỗi trở thành mối nguy cho khách bộ hành vô tâm và cho cả bản thân những người ngồi trên xe nữa". Về phía mình, tư bản tài chính đã lớn lên nhanh chóng phi thường đó cũng muốn – chính là vì nó lớn nhanh như thế – chiếm một cách "yên ổn" những thuộc địa mà nó phải chiếm của

các nước giàu có hơn, chiếm bằng những thủ đoạn không phải chỉ là thủ đoạn hòa bình. Còn ở Mỹ, thì trong mấy chục năm gần đây, kinh tế phát triển còn nhanh hơn ở Đức, và chính *vì* thế mà những tính chất ăn bám của chủ nghĩa tư bản Mỹ hiện đại lại biểu hiện ra một cách đặc biệt rõ. Mặt khác, nếu đem so sánh chẳng hạn giai cấp tư sản cộng hòa Mỹ với giai cấp tư sản quân chủ của Nhật hay Đức, thì thấy rõ rằng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, sự khác nhau lớn nhất về chính trị giữa chúng với nhau lại hết sức giảm bớt đi, không phải vì sự khác nhau đó là không quan trọng nói chung, mà vì trong tất cả những trường hợp kể trên, điều chúng ta nói đến là giai cấp tư sản mang những tính chất ăn bám rõ rệt.

Những khoản lợi nhuận độc quyền cao, mà bọn tư bản thuộc một trong nhiều ngành công nghiệp, ở một trong nhiều nước, v.v., thu được, đã tạo ra cho chúng khả năng kinh tế để mua chuộc một số tầng lớp công nhân nào đó, và tạm thời mua chuộc được cả một thiểu số công nhân đáng kể, lôi kéo họ đi theo giai cấp tư sản trong một ngành công nghiệp, trong một nước nào đó để chống lại tất cả các ngành và các nước khác. Và sự đối kháng ngày càng tăng lên giữa các nước đế quốc chủ nghĩa do việc phân chia thế giới, làm cho xu hướng đó mạnh thêm. Như thế là tạo ra mối liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa cơ hội, mối liên hệ đó được biểu lộ ở Anh sớm hơn và rõ rệt hơn ở tất cả mọi nơi khác do chỗ một số tính chất đế quốc chủ nghĩa trong sự phát triển ở đấy đã xuất hiện sớm hơn nhiều so với ở các nước khác. Một số tác giả, chẳng hạn như L. Mác-tốp, thích lảng tránh không nói đến một sự thật là mối liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân – sự thật này ngày nay đã đập vào mắt đặc biệt mạnh – bằng những câu nghị luận "lạc quan quan phương" (theo kiểu Cau-xky và Huy-xman) như thế này: sự nghiệp của những người thù địch

với chủ nghĩa tư bản sẽ là vô hy vọng, nếu chính chủ nghĩa tư bản tiên tiến dẫn đến chỗ tăng cường chủ nghĩa cơ hội, hay nếu chính những công nhân được trả lương cao nhất thiên về chủ nghĩa cơ hội, v.v.. Không nên có ảo tưởng về ý nghĩa của sự "lạc quan" ấy: đó là lạc quan về chủ nghĩa cơ hội, một sự lạc quan dùng để che đậy chủ nghĩa cơ hội. Thật ra, sự phát triển đặc biệt nhanh chóng và tính chất đặc biệt ghê tởm của sự phát triển của chủ nghĩa cơ hội không mảy may bảo đảm cho nó thắng lợi vững chắc, cũng như một cái nhọt trong một cơ thể lành mạnh mà sưng lên nhanh chóng thì chỉ làm cho cái nhọt đó chóng vỡ và làm cho cơ thể mau thoát khỏi nó mà thôi. Về mặt này, nguy hiểm nhất là những kẻ không muốn hiểu rằng cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nếu không gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, thì chỉ là một câu nói rỗng tuếch và dối trá.

Qua tất cả những điều đã nói ở trên về bản chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, ta thấy rằng phải coi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản quá độ, hay nói cho đúng hơn, chủ nghĩa tư bản đang hấp hối. Về mặt này, điều đặc biệt bổ ích là việc những nhà kinh tế học tư sản, khi mô tả chủ nghĩa tư bản hiện đại, hay đưa ra những danh từ như: "quyện chặt với nhau", "không biệt lập", v.v.; theo họ, các ngân hàng là những "doanh nghiệp mà xét về nhiệm vụ và sự phát triển của nó, thì không mang tính chất thuần túy kinh tế - tư nhân và ngày càng vượt ra khỏi phạm vi sự điều tiết mang tính chất thuần túy kinh tế - tư nhân". Và cũng chính ông Rít-xơ đó, người đã nói lên những lời vừa dẫn trên đây, đã tuyên bố một cách hết sức nghiêm túc rằng "lời tiên đoán" của các nhà mác-xít về sự "xã hội hóa", đã "không được thực hiện"!

Vậy danh từ "quyện chặt với nhau" đó có nghĩa là gì? Nó chỉ bao hàm nét nổi bật nhất của quá trình đang diễn ra trước mắt chúng ta thôi. Nó chứng tỏ rằng nhà quan

sát chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Nó sao chép lại một cách nô lệ cái bên ngoài, cái ngẫu nhiên và hỗn độn. Nó vạch rõ rằng nhà quan sát đó là một người đang bị ngụp trong đống tài liệu sống sượng, và hoàn toàn không hiểu được nội dung và ý nghĩa của tài liệu đó. Việc nắm giữ các cổ phiếu, những quan hệ giữa những người tư hữu "quyện chặt với nhau một cách ngẫu nhiên". Nhưng cái nằm ở bên trong sự quyện chặt với nhau ấy, cái dùng làm cơ sở cho sự quyện chặt ấy, chính là những quan hệ sản xuất xã hội đang thay đổi. Khi một xí nghiệp lớn trở thành khổng lồ và khi mà, nhờ vào việc tính toán một cách chính xác rất nhiều số liệu, xí nghiệp đó tổ chức một cách có kế hoạch việc cung cấp $^{2}/_{3}$ hoặc $^{3}/_{4}$ tất cả những nguyên liệu cần thiết cho hàng chục triệu người; khi xí nghiệp đó tổ chức được một cách có hệ thống việc vận chuyển các nguyên liệu ấy đến những nơi sản xuất tiện lợi nhất, có khi ở cách xa nhau hàng trăm và hàng nghìn véc-xta; khi từ một trung tâm người ta chỉ huy được tất cả các giai đoạn kế tiếp nhau trong việc chế biến nguyên liệu, cho tận đến khi chế biến thành một loạt các loại thành phẩm; khi các sản phẩm này được phân phối theo một kế hoạch cho hàng chục và hàng trăm triệu người tiêu dùng (như việc bán dầu lửa ở Mỹ, cũng như ở Đức, đều do "Tơ-rớt dầu lửa" của Mỹ đảm nhiệm); – thì như thế hiển nhiên là đã có sự xã hội hóa sản xuất rồi, chứ tuyệt nhiên không phải là một sự "quyện chặt với nhau" đơn giản nữa; những quan hệ kinh tế - tư nhân và những quan hệ tư hữu là một cái vỏ, không còn phù hợp với nội dung của nó nữa; cái vỏ đó, dù cho người ta có dùng cách giả tạo để làm cho nó chậm bị tiêu diệt, thì nó cũng không tránh khỏi thối nát; cái vỏ đó có thể ở trạng thái thối nát tương đối lâu (trong trường hợp xấu, nghĩa là nếu cái nhọt cơ hội chủ nghĩa phải lâu ngày mới chữa được), nhưng nó sẽ không tránh khỏi bị tiêu diệt.

Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, một kẻ nhiệt liệt sùng bái chủ nghĩa đế quốc Đức, la lên rằng:

"Nếu rốt cuộc, việc lãnh đạo các ngân hàng Đức lại được phó thác cho mười, mười hai người, thì đối với phúc lợi quốc dân, hoạt động của những người đó ngay từ bây giờ đã quan trọng hơn là hoạt động của đa số các vị bộ trưởng" (ở đây, điều có lợi hơn là lãng quên sự "quyện chặt với nhau" giữa các nhà hoạt động ngân hàng, các bộ trưởng, các nhà công nghiệp, những người thực lợi...) "... Nếu xét đến cùng sự phát triển của những xu hướng ta đã thấy thì kết quả là: tư bản tiền tệ trong nước tập trung vào các ngân hàng; các ngân hàng lại gắn bó với nhau thành một các-ten; tư bản cần được đầu tư của cả nước được mang hình thức những chứng khoán. Lúc đó những lời thiên tài của Xanh - Xi-mông sẽ được thực hiện: "Tình trạng vô chính phủ hiện nay trong sản xuất – tình trạng này phù hợp với tình hình những quan hệ kinh tế phát triển không có sự điều tiết thống nhất – phải nhường chỗ cho sự tổ chức trong sản xuất. Sản xuất sẽ không còn chịu sự chỉ huy của các nhà kinh doanh biệt lập, độc lập đối với nhau và không hề biết đến những nhu cầu kinh tế của mọi người, mà việc chỉ huy đó sẽ do một cơ quan xã hội nắm lấy. Ban quản lý trung ương, có điều kiện quan sát một khu vực kinh tế xã hội rộng lớn từ trên một giác độ cao hơn, sẽ điều tiết nền kinh tế này một cách có lợi cho toàn thể xã hội, sẽ giao tư liệu sản xuất vào tay những người xứng đáng, và đặc biệt sẽ quan tâm làm cho sản xuất và tiêu dùng luôn luôn nhịp nhàng với nhau. Hiện đã có những tổ chức coi một trong những nhiệm vụ của mình là việc tổ chức, trên một mức độ nào đó, lao động sản xuất: đó là các ngân hàng". Còn lâu chúng ta mới thực hiện được những lời này của Xanh - Xi-mông, nhưng chúng ta hiện đã ở trên con đường tiến tới thực hiện những lời ấy: đó là chủ nghĩa Mác, một chủ nghĩa Mác khác với thứ

chủ nghĩa Mác mà Mác đã hình dung, nhưng chỉ khác về hình thức thôi"*.

Thật quá rõ ràng: lối "bác bỏ" Mác như thế quả thật là hay, đó là một bước thụt lùi từ sự phân tích chính xác, khoa học của Mác, lùi lại lời tiên đoán của Xanh - Xi-mông, lời tiên đoán tuy là thiên tài thật, nhưng dù sao cũng chỉ là tiên đoán.

---

* "Grundriβ der Sozialökonomik", tr. 146.